CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC VÀ CAO ĐẲNG Ở TỈNH BÌNH ĐỊNH TRONG THỜI VNCH

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Phần A
LỜI MỞ ĐẦU

Đề tài "*Các Trường Trung Học Và Cao Đẳng Ở Tỉnh Bình Định Trong Thời Việt Nam Cộng Hòa*" viết về 50 trường Trung học và Cao đẳng của tỉnh nhà, kèm theo 144 hình ảnh minh họa, trong khoảng thời gian từ 1955 - 1975. Danh sách các trường được xếp nhóm theo địa lý hành chánh, từ Nam ra Bắc, lần lượt: Thị xã Qui Nhơn (20 trường, từ trang 05 - 40), các quận: Tuy Phước (7 trường, từ trang 40 - 46), An Nhơn (6 trường, từ trang 46 - 73), Bình Khê (4 trường, từ trang 73 - 77), Phù Cát (3 trường, từ trang 77 - 78), Phù Mỹ (4 trường, từ trang 78 - 80), An Túc (1 trường, trang 80 - 81), Hoài Ân (2 trường, từ trang 81 - 83), Hoài Nhơn (2 trường, từ trang 83 - 88); Nha Tam Quan (1 trường, từ trang 88 - 90).

Bài viết dài đến 112 trang (ở dạng chữ Palatino Linotype, khổ chữ 12), với nhiều chi tiết. Xin mời bạn đọc xem trước phần Mục Lục ở cuối bài (từ trang 106 - 112), để có cái nhìn tổng quát, nắm vững từng chi tiết, và nhanh chóng tìm đến những tiết mục, hay hình ảnh nào mà bạn cần xem trước.

Sau đây, chúng tôi có vài lời trình bày cùng bạn đọc.

Khi viết đề tài này, chúng tôi gặp hai trở ngại lớn:

- Thứ nhất, tài liệu viết về các ngôi trường rất hiếm;

- Thứ hai, tất cả văn kiện từ tháng 4 năm 1975 về trước, được lưu trữ tại các trường, đều bị thất lạc.

Ngày nay, chúng tôi chỉ có vỏn vẹn tập sách "*Ai Có Về Qui Nhơn*" của Trần Đình Thái, do Tủ Sách Đẹp Quê Hương xuất bản, tại Sài Gòn, vào năm 1973. Một tài liệu biên soạn đầy khả tín vì căn cứ vào các văn kiện được lưu trữ, và tác giả còn đến tận nơi để khảo sát, phỏng vấn. Có thể nói, đây là quyển Địa phương chí

của tỉnh nhà thời ấy, sách dày 150 trang, với kích cỡ 20 x 14 cm. Tuy nhiên, Trần Đình Thái, lại dành cho mục học hiệu của tỉnh nhà lại quá sơ lược, chỉ có 10 trang (từ trang 55 đến 64) viết về 12 trường Trung học trong thị xã Qui Nhơn, được chia ra như sau:

01/ Trường Sư Phạm Qui Nhơn:	02 trang,
02/ Trường Trung Học Kỹ Thuật:	01 trang,
03/ Trường Trung Học Cường Để:	05 hàng,
04/ Trường Sư Phạm Thực hành:	08 hàng,
05/ Trường Nữ Trung Học Qui Nhơn:	10 hàng,
06/ Trường Trung Nọc Nhân Thảo:	09 hàng,
07/ Trung Tiểu Học Bồ Đề, Qui Nhơn:	09 hàng,
08/ Trường Trung Học Vi Nhân:	27 hàng,
09/ Trung, Tiểu Học Trinh Vương:	23 hàng,
10/ Trung Học Tăng Bạt Hổ Qui Nhơn:	13 hàng,
11/ Trung Học Nghĩa Thục Tự Lực:	12 hàng,
12/ Quang Trung Nghĩa Thục:	14 hàng.

Vì thế, chúng tôi viết đề tài này chỉ còn dựa vào trí nhớ của nhân chứng. Nhưng nhân chứng, dù là Hiệu trưởng, Giám học, Tổng Giám thị, hay Giáo sư, Học sinh… cũng không thể biết hết, nhớ hết tất cả các niên khóa của một ngôi trường. Ví như, ngôi trường là con tàu vượt đường dài, nhân chứng là hành khách, họ chỉ ở trên con tàu một đoạn đường. Hơn nữa, với quá khứ đã trên dưới 50 năm, lại trải qua nhiều dâu bể, sự nhớ lại khó tránh khỏi sai sót, lẫn lộn. Vì thế, dù chỉ khảo sát một ngôi trường, cũng cần nhiều nhân chứng ở nhiều vị trí và thời điểm khác nhau, rồi đối chiếu sàn lọc. Đó là chỉ đề cập đến một ngôi trường, huống hồ với đề tài này bao gồm tất cả các ngôi trường trong tỉnh, thì khó khăn vạn lần. Thêm vào đó, hai niên khóa cuối cùng (1973 - 1974 và 1974 - 1975), trong tỉnh có thêm nhiều trường Tiểu học được phép mở lớp Trung học, để cung ứng với số lượng học sinh gia tăng và tinh thần hiếu học của tỉnh nhà. Vì thế, chúng tôi khởi viết đề tài này từ năm 2004, đến nay (2022) đã bổ chính nhiều lần, nhưng có thể vẫn còn sai sót. Chúng tôi cũng xin nhắc lại, trong phạm vi bài này, chỉ đề cập các trường có mở từ lớp Đệ thất tức Lớp 6 trở lên.

Và cuối cùng xin thưa, cũng vì yêu Trường, yêu Lớp, yêu Thầy, yêu Bạn đồng song, đồng môn, đồng hương, đồng nghiệp. Và nhất là yêu một nền Giáo Dục VNCH, mang triết lý Nhân Bản, Dân Tộc, Khai Phóng, Khoa Học, đã gây cảm hứng cho chúng tôi viết nên đề tài này:

Mang ơn từ lớp vỡ lòng,
Nắm tay con viết, những bông mực nhòa.
Giảng đường lời ấm tiếng loa,
Dạy con kiến thức, dặn ra giúp đời.

(Việt Thao – Tâm thư cho Thầy)

Thế nhưng, trước khi đi vào phần chính, viết về 50 ngôi trường Trung học và Cao đẳng của Tỉnh nhà trong thời Việt Nam Cộng Hòa, chúng tôi xin giới thiệu sơ lược về tỉnh Bình Định trước năm 1975.

Phần B
ĐỊA LÝ HÀNH CHÁNH
TỈNH BÌNH ĐỊNH

I - THAY ĐỔI TÊN TỈNH QUA CÁC TRIỀU ĐẠI

Tỉnh Bình Định trong quá khứ đã đổi tên nhiều lần, theo thứ tự thời gian:

- Năm 1471, Lê Thánh Tông (黎 聖 宗), niên hiệu Hồng Đức thứ 2 (洪 德), đặt phủ Hoài Nhơn (懷 仁 府).

- Năm 1602, đời Lê Kính Tông (黎 敬 宗), niên hiệu Hoằng Định thứ 2 (弘 定); chúa Nguyễn Hoàng (阮 潢) đổi là phủ Qui Nhơn (*Đại Nam Nhất Thống Chí* ghi năm 1604).

- Năm 1651, đời Lê Thần Tông (黎 神 宗), niên hiệu Khánh Đức thứ 3 (慶 德); chúa Nguyễn Phúc Tần (阮 福 濒) cải danh là phủ Qui Ninh (歸 寧 府).

- Năm 1742, đời Lê Hiển Tông (黎 顯 宗), niên hiệu Cảnh Hưng thứ 3 (景 興); chúa Nguyễn Phúc Khoát (阮 福 闊) lấy lại tên cũ là phủ Qui Nhơn (歸 仁 府).

- Năm 1799, đời Nguyễn Quang Toản (阮 光 纘), niên hiệu Cảnh Thịnh thứ 7 (景 盛); Nguyễn Phúc Ánh (阮 福 映) cải đổi thành Bình Định (平 定 城), năm 1801 gọi là dinh Bình Định (平 定 營).

- Năm 1808, Nguyễn Thế Tổ, niên hiệu Gia Long thứ 7 (嘉 隆), đặt là trấn Bình Định (平 定 鎮).

- Và từ năm 1832, Nguyễn Thánh Tổ, niên hiệu Minh Mạng thứ 13 (明 命), đổi ra tỉnh Bình Định (平 定 省) cho đến ngày nay.

II - ĐƠN VỊ HÀNH CHÁNH KỂ TỪ THÁNG 12- 1970

Theo bản đồ địa chánh và tài liệu thống kê [1] tính đến tháng 12 năm 1970, diện tích toàn tỉnh Bình Định là 9.024 km², với dân số 732.212 người, được phân bố như sau:

1/ Thị xã Qui Nhơn rộng 94,9 km², có 177.519 người, chia làm hai quận: Nhơn Bình và Nhơn Định [2].

a/ Nhơn Bình gồm 10 khu phố, sau là phường [3]: Trung Cảng, Trung Châu, Trung Cường, Trung Đức, Trung Hải, Trung Hiếu, Trung Hòa, Trung Phú, Trung Tín, Trung Từ.

b/ Nhơn Định gồm 6 khu phố, sau là phường: Trung An, Trung Chánh, Trung Hậu, Trung Kiệt, Trung Nghĩa, Trung Thiện [4].

2/ Quận Tuy Phước, tính cả nha Vân Canh [5] rộng 1.206 km², có 144.781 người, gồm các xã: Phước An, Phước Châu, Phước Hiệp, Phước Hòa, Phước Long, Phước Lộc, Phước Lý, Phước Nghĩa, Phước Quang, Phước Sơn, Phước Thành, Phước Thạnh [6], Phước Thắng*, Phước Thuận, Canh Giao*, Canh Hà*, Canh Hưng*, Canh Lãnh*, Canh Lồ*, Canh Phong*, Canh Sơn*, Canh Thành*, Canh Thịnh, Canh Thông*. Tổng cộng 24 xã [7], trong đó có 14 xã được kiểm kê dân số. Và trong danh sách, những xã mất an ninh không thể kiểm kê dân số, đều được đánh dấu 1 hoa thị (*) để phân biệt.

3/ Quận An Nhơn rộng 259,3 km², có 117.628 người, gồm các xã: Đập Đá, Nhơn An, Nhơn Hạnh*, Nhơn Hậu, Nhơn Hòa, Nhơn Hưng, Nhơn Khánh, Nhơn Lộc, Nhơn Mỹ, Nhơn Phong, Nhơn Phúc, Nhơn Thành, Nhơn Thọ, Phước Hưng (nguyên thuộc quận Tuy Phước). Tổng cộng 14 xã, trong đó có 13 xã được kiểm kê dân số.

4/ Quận Phù Cát rộng 599,5 km², có 92.921 người, gồm các xã Cát Chánh*, Cát Hanh, Cát Hiệp, Cát Khánh, Cát Minh, Cát Nhơn, Cát Sơn*, Cát Tài, Cát Thắng, Cát Trinh, Cát Tường. Tổng cộng 11 xã, trong đó có 9 xã được kiểm kê dân số.

5/ Quận Phù Mỹ rộng 550,5 km², có 91.709 người, gồm 15 xã: Mỹ An, Mỹ Cát, Mỹ Chánh, Mỹ Đức, Mỹ Hiệp, Mỹ Hòa, Mỹ Lộc, Mỹ Lợi, Mỹ Phong, Mỹ Quang, Mỹ Tài, Mỹ Thành, Mỹ Thắng, Mỹ Thọ, Mỹ Trinh. Tổng cộng 15 xã và đều được kiểm kê dân số.

6/ Quận Bình Khê, tính cả nha Vĩnh Thạnh [8], rộng 1.334,9 km², có 73.770 người, gồm các xã Bình An, Bình Giang, Bình Hòa, Bình Nghi, Bình Phú, Bình Tân, Bình Thành, Bình Thuận, Bình Tường, Phụng Thiện, Vĩnh Châu*, Vĩnh Hảo*, Vĩnh Hiệp*, Vĩnh Hòa*, Vĩnh Hưng*, Vĩnh Kim*, Vĩnh Lâm*, Vĩnh Nghĩa*, Vĩnh Quang, Vĩnh Tường*. Tổng cộng 20 xã, trong đó có 11 xã được kiểm kê dân số.

7/ Quận Hoài Nhơn, tính cả nha An Lão [9], rộng 872,7 km², có 93.890 người, gồm thị trấn Bồng Sơn và các xã: Hoài Đức, Hoài Hương, Hoài Mỹ, Hoài Tân, Hoài Xuân, An Bình*, An Bửu*, An Cư*, An Dân*, An Đồng*, An Hảo, An Hậu*, An Hòa*, An Lạc*, An Mỹ*, An Ninh*, An Nghĩa*, An Phú*, An Quý*, An Sơn*, An Tân*, An Thạch*, An Toàn*, An Thành*, An Tường*. Tổng cộng 26 xã, trong đó 6 xã và 1 thị trấn được kiểm kê dân số.

8/ Quận Hoài Ân rộng 648,2 km², có 32.794 người, gồm các xã Ân Đức, Ân Hữu*, Ân Nghĩa*, Ân Phong, Ân Thạnh, Ân Tín, Ân Tường, Vĩnh Danh*, Vĩnh

Điền*, Vĩnh Định*, Vĩnh Hoàng*, Vĩnh Hữu*, Vĩnh Ngãi*, Vĩnh Nhàn*, Vĩnh Nhơn*. Tổng cộng 15 xã, trong đó có 5 xã được kiểm kê dân số.

9/ Quận An Túc [10] rộng 3.332,3 km², có 35.515 người, gồm các xã An Định, An Khê, An Sơn*, Bà Ba*, Bà La*, Bà Nâm*, Cà Chang*, Cửu An, Cửu Tú*, Kan Nack*, Sa Lam*, Khói*, Klom*, Krong Kroi*, Krong Kotu*, Kon Nghe*, Lúc Cúc*, Sro*, Srơn*, Song An, Song Tân, Ta Mộc*, Tài, Tân Cư*, Tân Tạo An Dân*, Thang*, Trung Nhang*, Tư Lương, Xu*. Tổng cộng 29 xã, trong đó có 7 xã được kiểm kê dân số.

10/ Nha Tam Quan rộng 220,6 km², có 73.747 người, gồm các xã Đức Hựu, Hoài Châu, Hoài Hảo, Hoài Sơn, Hoài Thanh, Tam Quan. Tổng cộng 6 xã và đều được kiểm kê dân số.

Vậy tỉnh Bình Định trước năm 1975 có 1 thị xã, 8 quận và 1 nha, gồm 176 phường xã (16 phường và 160 xã) trong đó có 103 phường xã (chiếm tỷ lệ 58,52%) được kiểm kê dân số và có đến 73 xã (chiếm tỷ lệ 41,47%) vì mất an ninh không tiến hành kiểm kê dân số được. Mặc dù có đến gần nửa số xã trong tỉnh bị ảnh hưởng chiến tranh, không mở được trường học, thế nhưng với tinh thần hiếu học của tỉnh nhà, tính đến niên khóa 1974 - 1975, Bình Định có 50 trường từ Trung học Đệ Nhất cấp trở lên (không kể trường Tiểu học).

Trong phạm vi bài này, có hai phần chính:

- Giới thiệu các trường trong Thị xã dưới nhan đề ***"Qui Nhơn, Những Ngôi Trường Trung Học Và Cao Đẳng Ngày Cũ"*** [11];

- Phần tiếp theo, viết về những trường ở các quận qua đầu đề ***"Bình Định, Những Ngôi Trường Trung Học Trong Trí Nhớ"*** [12].

Phần C
QUI NHƠN, NHỮNG NGÔI TRƯỜNG TRUNG HỌC VÀ CAO ĐẲNG NGÀY CŨ

Thị xã Qui Nhơn [13] là phần đất nằm tận cùng góc Đông Nam Bình Định. Qui Nhơn [14] cách quận lỵ Tuy Phước 9 km về hướng Đông Nam; cách thị trấn Bình Định, quận An Nhơn 21 km về hướng Đông Nam [15]; cách thị trấn Phù Cát 35 km về hướng Nam; cách thị trấn Phú Phong (quận lỵ Bình Khê) 42 km về hướng Đông Đông Nam; cách thị trấn Phù Mỹ 55 km về hướng Nam; cách thị trấn Bồng Sơn (quận lỵ Hoài Nhơn) 87 km về hướng Nam.

Qui Nhơn, thời ấy, mặt trước ngó ra biển Đông và đầm Thị Nại. Sau lưng có quận Tuy Phước bao bọc, như chiếc áo giáp che chở cho thị xã nhỏ bé này. Thế nhưng, về mặt phát triển giáo dục, Qui Nhơn xứng đáng là một trong những thị xã thời chiến, có nhiều trường Trung học nhất. Sau đây, lần lượt giới thiệu các trường từ bậc Trung Học Đệ Nhất Cấp trở lên, không tính trường Tiểu học.

I - THỊ XÃ QUI NHƠN: 20 TRƯỜNG

Bản đồ không ảnh chụp năm 1966, là dải đất trải dài từ Bệnh viện Thánh Gia (tòa nhà ngói đỏ bên phải ảnh được xây dựng khoảng năm 1957 - 1958) tới Ghềnh Ráng và núi Vũng Chua. Trên vùng đất này có con đường Nguyễn Huệ chạy dọc theo bờ biển, bên trái là xóm dân chài Khu Hai, bên mặt có Trung Tâm Y Tế Toàn Khoa Qui Nhơn, rồi qua khúc quanh "Eo Nín Thở," đến ngã ba Nguyễn Huệ và Nguyễn Hữu Lộc, ở góc đường phía Tây là cơ sở Quân Sự. Vẫn trên con đường Nguyễn Huệ, từ đây, bên trái là bãi Thùy Dương sát biển; bên phải, đi một quãng nữa, sẽ gặp Trường Trung Học Vi Nhân, rồi Trường Sư Phạm Qui Nhơn, kế đến là Trường Trung Học Kỹ Thuật, tiếp theo có Quân Y Viện và kho Y Dược 720 của Quân Đoàn 2. Tiếp nữa là Trung Tâm Huấn Luyện Nhân Dân Tự Vệ ở Gành Ráng, trong khuôn viên rộng ấy còn có một cơ sở giáo dục không kém phần bề thế, đó là Trường Trung Tiểu Học Nghĩa Thục Tự Lực Qui Nhơn, do ông Võ Trấp sáng lập và quản trị (xem hình 1, bên trái).

Một bản đồ không ảnh nữa cũng chụp năm 1966, có Trường Nữ Trung Học Qui Nhơn, ngôi nhà hai tầng màu vàng xinh xắn nằm bên phải ảnh, có lối đi dài thẳng tắp thông ra đường Nguyễn Huệ (phía bờ biển), mờ xa bên trái ảnh là cổng trường (xem hình 2, bên phải).

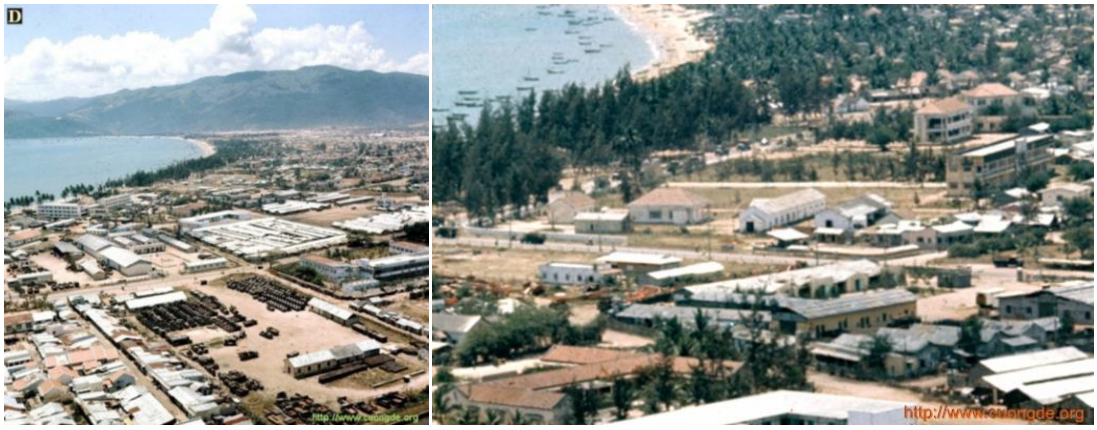

H 1 trái và H 2 phải: chỉ là một góc nhỏ phía Đông Nam của Qui Nhơn, nhưng các ngôi trường lớn như: Nữ Trung Học, Cường Để, Vi Nhân, Sư Phạm Qui Nhơn, Trung Học Kỹ Thuật, Trung Tiểu Học Nghĩa Thục Tự Lực, đều nằm trên khu đất này. (Ảnh: Khổng Xuân Hiền, Cuongde.org)

01 - Trường Sư Phạm Qui Nhơn:

Trường Cao đẳng công lập chuyên nghiệp được thành lập bởi Nghị định số 70-GD/BC/NĐ ký ngày 10- 5- 1962 của Bộ Quốc Gia Giáo Dục Việt Nam Cộng Hòa [16]. Trường Sư Phạm được xây cất trên thửa đất rộng ở Khu Sáu, mặt tiền ngó ra biển và giáp đường Nguyễn Huệ. Theo Trần Đình Thái, *Ai Có Về Qui*

Nhơn [17], đồ án với kinh phí 20 triệu [18] xây cất trong 18 tháng mới xong, và khánh thành ngày 3 tháng 10 năm 1962. Cơ sở gồm hai dãy lầu với đầy đủ phòng học, giảng đường, thư viện, phòng âm nhạc, câu lạc bộ, trung tâm y tế, và chỗ ở cho một số viên chức nhà trường.

H 3, trái: Trường Sư Phạm Qui Nhơn mới vừa xây dựng xong, ảnh chụp từ cổng vào (Nguyễn Đạt, cựu giáo sinh khóa 5, 1966 - 1968, cung cấp ảnh).

H 4, phải: Cổng Trường Sư Phạm Qui Nhơn trước năm 1975 (Ảnh: Đặc San Sư Phạm Qui Nhơn, 2012).

Đến tháng 12 năm 1967, trường xây cất thêm khu nội trú với kinh phí 737.761 Mỹ kim và 11.320.754 đồng Việt Nam [19], gồm hai dãy lầu 3 tầng, một cho nam giáo sinh, và một cho nữ giáo sinh, cách biệt nhau. Niên khóa 1969 - 1970, khu nội trú này có 392 nam và 312 nữ. Mỗi khu nội trú có 1 văn phòng, 1 phòng tiếp khách rộng rãi, 1 phòng phát thuốc, 1 nhà giặt, 1 nhà ủi quần áo, 7 khu nhà tắm và vệ sinh, 6 đơn vị cư trú cho Quản đốc và Giám thị, khu công viên và sân chơi cho giáo sinh.

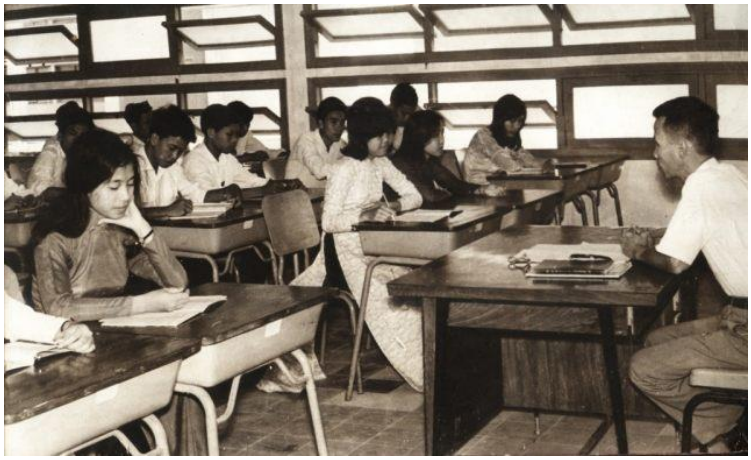

H 5, trái: Lớp 6, khóa 3, năm thứ nhất, niên khóa 1964 - 1965, trong giờ dạy của Thầy Dương Minh Ninh (Ảnh từ Cuongde.org).

<u>H 6, phải</u>: Cầu thang lộ thiêng trong khu nhà nội trú của Giáo sinh (Ảnh: Nguyễn Đạt, cựu giáo sinh khóa 5, 1966 - 1968, cung cấp).

Ban đầu, trường thu nhận giáo sinh các tỉnh miền Trung từ Quảng Trị đến Phan Thiết. Từ niên khóa 1972 - 1973, trường chỉ thu nhận giáo sinh 5 tỉnh gồm Quảng Tín, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Phú Bổn. Và niên khóa này, trường có khoảng gần 1000 giáo sinh, tính cả học viên năm thứ nhất với năm thứ hai. Muốn vào học Trường Sư Phạm Qui Nhon phải có bằng Tú tài 1 trở lên, tuổi từ 18 đến 26, và qua kỳ thi tuyển; riêng Nam ứng viên còn phải hợp lệ Quân dịch.

<u>H 7, trái</u>: Giáo sinh Sư Phạm Qui Nhơn không ở nội trú, sau buổi tan học, ra về.

<u>H 8,phải</u>: Giáo sinh khóa 5 (1966 - 1968) sắp hàng đón chào quan khách (Hình 7 và 8 do Nguyễn Đạt, cựu giáo sinh khóa 5, cung cấp).

Khóa học trong hai năm, tốt nghiệp với ngạch Giáo Học Bổ Túc. Chương trình giáo khoa năm thứ nhất gồm các môn chuyên nghiệp như: Sư phạm Lý thuyết, Sư phạm Chuyên biệt, Giáo dục Cộng đồng, Tâm lý Giáo dục, Luân lý Chức nghiệp, Giáo dục Y tế (Y tế Học đường), Hoạt động Thanh niên, Dụng cụ Giáo khoa, Canh nông, Thủ công, Thể dục và Âm nhạc. Ngoài ra, còn các môn nâng cao trình độ học vấn như: Quốc văn, Sinh ngữ, Toán học ứng dụng, Hội họa. Năm thứ hai, chương trình giáo khoa gồm các môn: Sư phạm Thực hành, Quản trị và Thanh tra Học đường, Giao tế Xã hội, Kinh tế Chính trị, Giáo dục Cộng đồng, Các vấn đề Giáo dục, Thể dục Thể thao, Hoạt động Thanh niên, Giáo dục Phụ nữ (cho giáo sinh nữ), ngành mộc (cho nam giáo sinh). Ngoài ra cũng học môn Quốc văn, Sinh ngữ, Âm nhạc, Hội họa để trau dồi trình độ văn hóa.

H 9, trái: Giáo sinh khóa 5 (1966 - 1968), trước giờ đi thăm Trại Phong Qui Hòa.

H 10, phải: Giáo sinh khóa 5 (1966 - 1968) về quận Bình Khê thực tập Giáo dục Cộng đồng (Ảnh 9 và 10, do Nguyễn Đạt cung cấp).

Từ năm 1962 đến 1975, trường Sư Phạm Qui Nhơn, mở được 13 khóa, trải qua ba đời Hiệu trưởng, đầu tiên là Đinh Thành Chương, kế nhiệm Nguyễn Trọng Lương, và vị Hiệu trưởng sau cùng là Trần Văn Mẫn. Trường cũng có bốn đời Giám học: đầu tiên là Cao Minh Khải, rồi đến Trần Văn Mẫn (lên làm Hiệu trưởng), kế tiếp là Lê Minh Tâm, sau cùng là Võ Sum (có Phụ tá Giám học là Dương Quang Phùng). Các vị Tổng Giám thị có: Đinh Thành Chương, Nguyễn Trọng Lương, Trần Văn Mẫn, Nguyễn Khàm, Đặng Ngọc Tuấn, Đặng Văn Bồn, Phan Minh Ba, Đoàn Việt Tuyền, Đặng Văn Tháo. Ngoài ra, Trường còn có bốn vị Quản đốc Nội trú: Nguyễn Dũ, Lê Thị Hậu, Công Tằng Tôn Nữ Nghi Trinh, Nguyễn Thị Đính [20].

H 11, trái: Các Giáo sinh Sư phạm mở tiệc liên hoan trước khi về quê nhà hưởng Tết Âm lịch cùng gia đình.

H 12 phải: Thầy Dương Minh Ninh và Giáo sinh chụp ảnh kỷ niệm trước khi mãn khóa (Ảnh từ Cuongde.org).

Có thể nói Trường Sư Phạm Qui Nhơn là trường cao cấp nhất của tỉnh Bình Định trong thời VNCH. Nhiệm vụ chính là đào tạo Giáo chức ngạch Giáo

Học Bổ Túc cho các tỉnh Miền Trung. Theo Trần Đình Thái [1] trường còn giữ vai trò mở những khóa Tu nghiệp vào dịp ba tháng nghỉ hè, cho Giáo viên Tiểu học của các Ty Tiểu Học thuộc Vùng I và Vùng II, tức các tỉnh từ Quảng Trị đến Phan Thiết và vùng Tây Nguyên.

<u>H 13, trái</u>: Trường Sư Phạm Qui Nhơn còn giữ vai trò tu nghiệp Giáo viên (Ảnh: Nguyễn Đạt, cựu giáo sinh khóa 5, cung cấp).

<u>H 14, phải</u>: Toàn cảnh trường SPQN, trước năm 1975, ảnh chụp từ cổng vào.

02 - Trường Sư Phạm Thực Hành:

Ngôi trường được xây cất tại Khu 6, kinh phí 500.000 đồng, do Quốc Trưởng Phan Khắc Sửu tặng, lúc ra thăm Qui Nhơn [21]. Cơ sở trường gồm hai dãy nhà trệt, hình chữ L, gồm 9 phòng, nằm đối diện với trường Tiểu Học Đồng Tiến. Trường Sư Phạm Thực Hành bắt đầu hoạt động từ niên khóa 1965 - 1966. Tính đến niên khóa 1972 - 1973, Trường có 12 lớp (2 mẫu giáo, 10 tiểu học) với 480 học sinh. Lương Thế Kiệt làm Hiệu trưởng từ đầu đến năm 1975.

<u>H 15</u>: Giáo sinh khóa 4 (1965 - 1967) thực tập tại
Trường Sư Phạm Thực Hành, trong ngày 1- 3- 1967.
(Ảnh: Mạnh Thế Dũng, cựu giáo sinh khóa 4 (1965-1967), cung cấp)

Đây là trường tiểu học kiểu mẫu dành cho giáo sinh trường Sư Phạm (kể từ khóa 4) thực tập. Phòng học rộng rãi, mỗi lớp 40 học sinh, bàn học cá nhân, học cụ đầy đủ, có cả một thư viện. Ngoài ra, Trường có một sân chơi rất rộng, đủ tiện nghi, đáp ứng nhu cầu về môn Thể dục và Hoạt động Thanh Niên. Như vậy, trường Sư Phạm Thực Hành vừa dạy học sinh từ mẫu giáo đến tiểu học, vừa đào tạo giáo sinh. Ngoài ra, hằng năm trong ba tháng hè, còn dùng trường này để tu nghiệp giáo viên từ các nơi gửi về. Nghiệp vụ này cũng do Trường Sư Phạm đảm trách.

Tóm lại, Trường thu nhận học sinh cấp 1 và giảng dạy chương trình mẫu giáo và tiểu học, nhưng mục đích chính là dành cho giáo sinh thực tập và luyện tay nghề. Giờ thực tập của mỗi giáo sinh, có thầy dạy ở Trường Sư Phạm đến hướng dẫn và chấm điểm, có giáo viên phụ trách lớp dự khán phê bình, có các giáo sinh cùng lớp dự thính để học hỏi. Vì vậy, cũng có thể coi là trường Cao đẳng thực hành, đào tạo thầy giáo ngạch Giáo Học Bổ Túc.

03 - Trung Học Cường Để:

Trường Công lập ở Qui Nhơn được thành lập từ tháng 9 năm 1955, Thầy Thái Vĩnh Thung tạm quyền Hiệu trưởng. Trường nằm trên đường Võ Tánh, trong khuôn viên của trường Collège Võ Tánh ngày trước.

Tháng 11 cùng năm, Thầy Đinh Thành Chương nhậm chức Hiệu trưởng, và trường có danh xưng chính thức là Trung Học Cường Để Qui Nhơn. Về nhân viên văn phòng, trường chỉ có ông Lê Quang Chiếm, vì ông Võ Cự Nguyên làm thư ký vài tháng rồi nghỉ việc, chưa kịp tuyển người mới. Ngoài ra có ông Bùi Thẩu vừa làm tùy phái vừa lao công. Về trường sở, mới đầu, Trường chỉ có dãy nhà lợp tôle gồm 3 phòng (nằm phía Tây, gần phi trường); và dãy nhà tranh cũng 3 phòng, nằm đối diện qua một sân rộng, dùng 2 phòng làm lớp học, một làm văn phòng.

<u>H 16</u>: Sân trường Trung Học Cường Để cũ, là Collège Võ Tánh xưa.
(Ảnh: Đặc San Cường Để & Nữ Trung Học QN, 2010)

Niên khóa đầu tiên, 1955 - 1956, số học sinh nộp đơn xin nhập học quá đông, trong lúc trường sở và giáo sư chưa đủ cung ứng, nên phải mở kỳ thi tuyển thu nhận 401 học sinh cho 8 lớp, gồm 3 Đệ thất, 2 Đệ lục, 2 Đệ ngũ, và 1 Đệ tứ là lớp cao nhất của tỉnh nhà.

a/ Đệ tứ (1 lớp): có hơn 120 đơn xin nhập học, trường tuyển lấy 43 học sinh gồm: Bùi Chí Lương, Bùi Tiên Khôi, Đặng Kính, Đặng Văn Hiếu (chết), Đinh Thành Vinh (chết), Đinh Thị Vân, Huỳnh Hữu Dụng, Huỳnh Thắng, Lâm Thị Ngưu, Lê Công Hổ, Bùi Đắc Liễu (chết), Lê Hữu Tuyển (chết), Lê Thanh Đàm, Lê Thanh Đào, Lê Thị Thanh Oanh, Mai Kỳ, Ngô Liêm Kỷ, Nguyễn Bá Thư, Nguyễn Bích (chết), Nguyễn Cúc, Nguyễn Đình Xuân, Nguyễn Đình Yến, Nguyễn Minh Đức, Nguyễn Minh Hải, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Phúc Liên, Nguyễn Thủ, Nguyễn Thế Kỳ, Nguyễn Văn Thọ, Phạm Ngọc Bích (chết), Phạm Thanh Lý, Phan Anh, Phan Quán, Phan Tuấn (chết), Trần Kỳ Võ, Trần Tiên Tây (chết), Trần Văn Tiên, Văn Hùng, Văn Thị Phi Nga, Võ Khanh,Võ Tăng Thọ (chết), Võ Trung Hậu (chết), Võ Văn Ba. Lớp Đệ tứ còn có Nguyễn (?) Thị Khanh (chết), Nguyễn Thị Kim Loan, Tôn Nữ Thị Chúc, Tôn Thất Khát ở trường khác chuyển đến (con công chức theo cha đến nhiệm sở) khỏi thi. Ngoài ra có Đinh Thị Nguyệt (con của thầy Đinh Thành Chương) vào học dự thính. Trong số học sinh trúng tuyển có Nguyễn Bích và Nguyễn Minh Hải tình nguyện xin học lớp Đệ Ngũ cho vững chắc đường học vấn [22]. Sau khi thêm và bớt, sĩ số chính thức của lớp Đệ tứ là 45 người và 1 dự thính.

b/ Đệ Ngũ (2 lớp): Hà Ngọc Liễng, Lê Thanh Hà, Lê Thanh Trì, Nguyễn Bích, Nguyễn Kim Ba (chết), Nguyễn Minh Hải, Nguyễn Tấn Bá, Nguyễn (hay Phạm) Thị Kim Liên, Phạm Xuân Ẩn (chêt), Quách Giám (chết), Trần Đình Ngạc, Trần Đình Sơn (chết), Trần Đình Tưởng, Trần Quốc Sủng (chết), Võ Bá Tôn (chết)…

<u>H 17</u>: Học sinh Đệ Ngũ 2 và các thầy dạy lớp,
du ngoạn Gềnh Ráng, ngày 19- 1- 1957.

c/ Đệ Lục (2 lớp): Bùi Thị Hạnh, Bùi Thị Liễu, Bùi Tiên Ngô, Bửu Nhẫn, Cai Văn Dung, Diệp (?) Bảo Khương, Đào Đức Chương, Đào Thị Kim Cưu, Đồng Văn Hỷ, Hà Nguyên Hân (chết), Hà Nguyên Huýnh (chết), Huỳnh Quang Thế, Lê Ái Long, Lê Phương Đăng (chết), Lê Tất Hiển (chết), Lê Thị Huỳnh Mai, Lê Văn Dung, Lương Đăng Trình, Mạc Thị Như Lệ, Ngô Nải Chấn, Ngô Xuân Nhựt, Nguyễn An Bàn, Nguyễn Bá Diên, Nguyễn Chánh, Nguyễn Duy Tính, Nguyễn Gia Phú, Nguyễn Hòa (chết), Nguyễn Hữu Ân (cháu thầy Quyến), Nguyễn Hữu Hòa, Nguyễn Ngọc Thọ, Nguyễn Quốc Hòa, Nguyễn Tân, Nguyễn Vạn, Nguyễn Văn Học Xuyên, Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Văn Tính, Nguyễn Văn Tịnh Chí (chết), Ôn Mỹ Thọ, Phạm Khả Thinh, Phan Đình Sang, Phan Long Tưởng, Quách Thị Trung Thu, Trần Bá Hảo, Trần Hữu Thích, Trần Quang Khảo, Trần Thành Tín, Trần Xuân Du, Văn Thị Như Khuê, Võ (quên chữ lót) Quốc (danh sách còn nhiều, không nhớ hết).

d/ Đệ Thất (3 lớp): Bùi Văn Liễn, Nguyễn Văn Hạnh, Quách Thị Tường Vi, Trần Đình Ngọ (chết), Trương Trọng Thông, Võ (Thị) Cẩm Tú…

<u>H 18, trái</u>: Thầy Nguyễn Sị Tế và lớp Đệ Ngũ 2, niên khóa 1956 - 1957.

<u>H 19, phải</u>: Thầy Nguyễn Đức Giang Giáo sư Cố Vấn, và lớp Đệ Ngũ 2 chúng tôi, chụp ảnh tại cửa lớp, ngày 26- 1- 1957, trước khi nghỉ Tết Đinh Dậu.

Về thành phần giáo sư, tại địa phương có các Thầy: Đinh Thành Chương (Hiệu Trưởng, dạy Toán), Thầy Mẫn (Pháp văn), Dương Lễ (Quốc văn), Thái Vĩnh Thung, cô Nguyễn Thị Giàu (vợ thầy Hiệu Trưởng, dạy Pháp văn).

Thầy, Cô ở các tỉnh khác thuyên chuyển đến: Hồ Văn Thái (Anh văn), Lâm Phi Điểu, Nguyễn Hữu Quyến (Anh văn, Việt văn), cô Ngô Thị Nga (Vạn vật), cô Nguyễn Thị Xuân Bích (Toán), Nguyễn Trung Hối (Vạn Vật), Trần Đức Thông, Vũ Quốc Oai (Lý Hóa).

Các niên khóa sau, có thêm nhiều giáo sư mới từ Huế vào như các thầy Hoàng Thế Diệm, Lữ Mộng Phương, Ngô Nẫm, Nguyễn Đức Giang (Việt văn), Nguyễn Tế, Nguyễn Văn Bài, Trần Đình Hoàn tức Trần Nhất Hoan, Võ Đen, Võ Văn Đệ (Toán), sau có thầy Võ Ái Ngự; ở Sài Gòn ra, có thầy Lương Diên Lữ; người địa phương có thầy Đinh Thành Bài (Hiệu trưởng trường Trung Học Nguyễn Huệ Tuy Hòa chuyển về).

Về trường sở, mới đầu trường chỉ có 5 phòng học (3 lợp tôn và 2 lợp tranh) dùng cho 8 lớp học. Khoảng đầu năm 1957, trường xây thêm dãy nhà trệt theo chiều Đông Tây, vách gạch lợp ngói, gồm 5 phòng, dùng 1 căn phía Đông làm văn phòng, 4 phòng kia làm lớp học. Dãy nhà mới xây cùng với hai dãy nhà cũ, hợp thành mô hình chữ U có đáy rộng và rời.

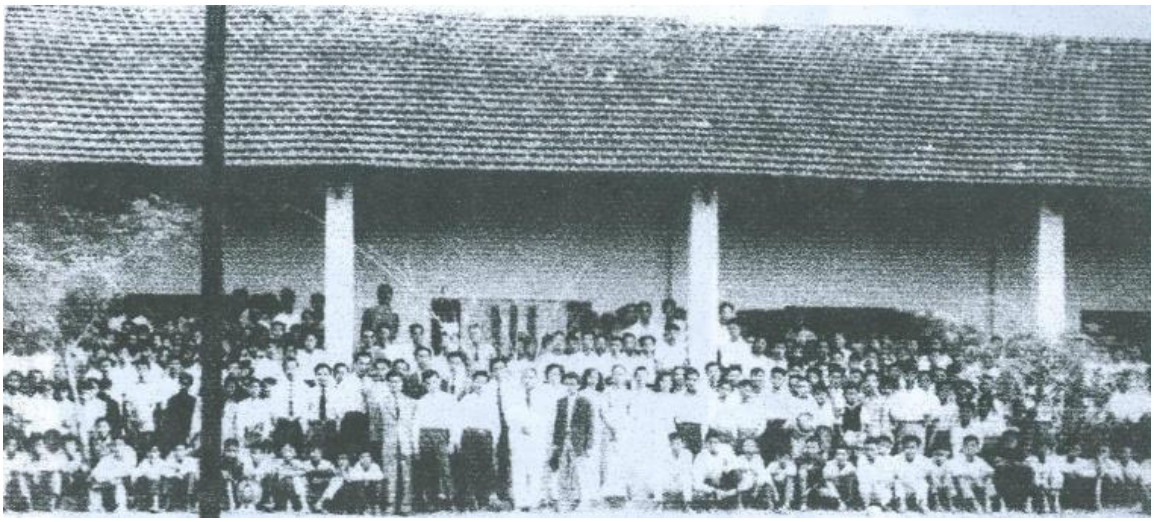

<u>H 20</u>: Giáo sư và học sinh toàn trường chụp ảnh trước dãy phòng mới cất, ở Trường Cường Để cũ (Ảnh từ Đặc San CĐ & NTT Qui Nhơn).

<u>H 21, 22</u>: Nữ sinh lớp Đệ Tứ B2, niên khóa 1957 - 1958, tập thể dục tại bãi biển Qui Nhơn, mờ sáng ngày 25 tháng 3 năm 1958. Từ trái sang phải: Bùi Thị Liễu, Mạc Thị Như Lệ, Mạnh Thị Thu Cúc, Nguyễn Thị Xuân An, Bùi Thị Hạnh, Lê Thị Huỳnh Mai. Ảnh bên phải: Thu Cúc (ngồi), Như Lệ và Thị Liễu (đứng);

Niên khóa 1958 - 1959, trường mở lớp Đệ tam [23] và dời dần các lớp về địa điểm mới, ở số 9 đường Cường Để. Và khoảng niên khóa 1964 - 1965, trường cũ ở đường Võ Tánh, dãy lớp lợp ngói được bàn giao cho Ty Tiểu học Bình Định, cải đổi mặt hậu thành mặt tiền, lập thành Trường Tiểu Học Nguyễn Huệ.

<u>H 23, trái</u>: Nguyễn Hòa (bạn đồng môn) đọc lời tri ân Thầy Hiệu Trưởng Đinh Thành Chương, trước văn phòng trường Cường Để cũ (dãy lợp ngói), 1958;
<u>H 24, phải</u>: Giáo sư Trường Trung Học Cường Để.

Khuôn viên trường Cường Để mới rộng 2,3 ha (23.000 m²), có 5 dãy phòng: Dãy A dài 67 m, được xây cất đầu tiên, theo chiều Đông Tây, ở tận cùng phía Bắc của trường, và mặt quay về hướng Nam, ngó ra sân trường. Kế tiếp, các dãy B dài 50 m, dãy C dài 67 m, dãy D dài 50 m, đều nằm song song và đối diện với dãy A qua một sân trường rất rộng. Ở góc Tây Nam là Đại Thính Đường dài 43 m, rộng 18 m, chứa cả ngàn người, nằm sát với hàng rào phi trường Qui

Nhơn. Hội trường này, do Sư đoàn Mãnh Hổ của Quân Đội Đại Hàn xây cất và biếu tặng cho trường vào năm 1965.

H 25, trái: Lớp Đệ Ngũ, niên khóa 1959 - 1960, ảnh chụp tại dãy ngói Trường Trung Học Cường Để cũ.

H 26, phải: Cầu thủ Trường Trung Học Cường Để do Thầy Nguyễn Thái Đệ dẫn đầu, gặp cầu thủ Trường Trung Học Duy Tân, tại sân bóng đá tỉnh Phan Rang, năm 1960 (Ảnh từ Đặc San Cường Để & Nữ Trung Học Qui Nhơn, 1998).

H 27: Trường Cường Để, dãy A, phía Bắc, được xây cất đầu tiên, cuối dãy là phòng Hiệu Trưởng (Ảnh: Lê Quang Mỹ, Cuongde.org).

Tại cơ sở mới, trường Trung Học Cường Để có trên 30 phòng học và 1 phòng thí nghiệm, có khu hành chánh dành cho Ban Giám đốc, Ban Giảng huấn, Ban Nhân viên văn phòng làm việc. Ngoài ra, còn có nhà để xe cho học sinh, giáo sư và quan khách.

Theo số liệu thống kê của Trần Đình Thái chép năm 1973, niên khóa 1972 - 1973 Trường Cường Để có 3.227 học sinh. Cũng trong niên khóa này trường lập thư viện, và Thầy Châu Văn Thuận giữ chức Quản thủ Thư viện.

<u>H 28, trái</u>: Nữ sinh Trung Học Cường Để diễn hành trên đường Gia Long trong ngày Lễ Hai Bà Trưng mồng 6 tháng 2 năm Tân Sửu (22- 3- 1961).

<u>H 29, phải</u>: Học sinh Trung Học Cường Để diễn hành qua khán đài tại sân vận động Qui Nhơn trong ngày Lễ Quốc Khánh 26- 10- 1961 (Ảnh: Nguyễn Trác Hiếu, cuongde.org).

Tính đến năm 1975, Trung Học Cường Để hoạt động tròn 20 niên khóa, đây là trường Đệ Nhị cấp lớn nhất của tỉnh nhà, có 65 lớp, với chừng 3.500 học sinh, và lớp 12 (lớp Đệ nhất cũ) mở đủ các ban A, B, C. Trường đã trải qua 6 đời Hiệu trưởng: Thái Vĩnh Thung (Quyền Hiệu trưởng, 1955), Đinh Thành Chương (1955 - 1959), Tôn Thất Ngạc (1959 - 1965), Trương Ân (1965 - 1971), Nguyễn Mộng Giác (1971 - 1973), Nguyễn Phụ Chính (1973 - 1975).

Trường cũng có 4 đời Giám học: Nguyễn Đình Nhàn (1965 - 1968), Nguyễn Mộng Giác (1968 - 1971), Nguyễn Phụ Chính (1971 - 1973), Nguyễn Minh Đức (1973 - 1975). Và 3 đời Tổng Giám thị [24]: Lương Thanh Danh (1959 - 1965), Võ Ái Ngự (1965 - 1968), Phạm Ngọc Bích (1968 - 1975).

Thành phần Ban Giám đốc sau cùng gồm: Nguyễn Phụ Chính, Hiệu trưởng; Nguyễn Minh Đức, Giám học; Võ Thăng (tiền nhiệm là Nguyễn Phúc), Phụ tá Giám học; Phạm Ngọc Bích, Tổng Giám thị; Nguyễn Hữu Vui (tiền nhiệm là Nguyễn Văn Sở), Phụ tá Tổng Giám thị.

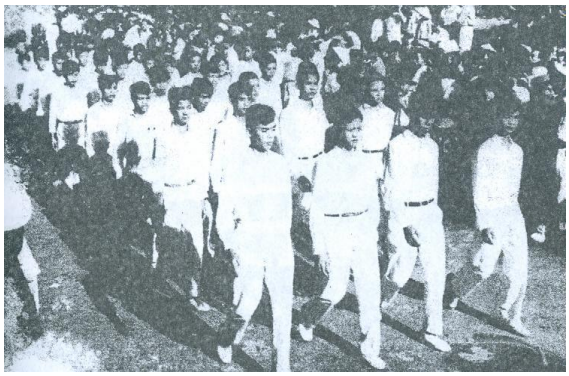

<u>H 30, trái</u>: Học sinh Trung Học Cường Để diễn hành trong ngày Lễ Quốc Khánh 26- 10- 1962 (Ảnh: Đặc San Cường Để & Nữ Trung Học Qui Nhơn 1998).

<u>H 31, phải</u>: Ban Chấp Hành học sinh Trung Học Cường Để Qui Nhơn, niên khóa 1971 - 1972.

Thành phần Ban Giáo sư Giảng huấn, gồm có các Thầy Cô, ghi theo danh sách nơi cư trú hiện nay. Danh sách dưới đây căn cứ vào Đặc San Cường Để & Nữ Trung Học xuất bản năm 2016 và có bổ túc thêm một vài vị. Tuy nhiên, không thể cho là một danh sách đầy đủ:

- Ở Việt Nam, 33 Thầy, Cô: Bi Khương (Sài Gòn), Châu Văn Thuận (Phú Nhuận), Dương Minh Ninh (Đồng Nai, chết), Đào Đức Duyên (Qui Nhơn), Hà Thúc Hoan (Sài Gòn), Hà Văn Thạnh (Qui Nhơn), Hoàng Hữu Dũng (Sài Gòn), Hoàng Thạch Thiết (Sài Gòn), Hồ Sĩ Duy (Bình Dương), Lê Thị Chân Tú (Huế), Nguyễn Đình Xuân (Sài Gòn), Nguyễn Kim Ba (Lý Hóa, Qui Nhơn, chết), Nguyễn Kim Ba (Việt văn, Qui Nhơn), Nguyễn Minh Đức (Sài Gòn), Nguyễn Thị Xuân Bích (Sài Gòn), Nguyễn Văn Độ & Kiều Nhi (Qui Nhơn), Nguyễn Văn Tân (Sài Gòn), Phạm Xuân Ẩn (Qui Nhơn, chết), Phùng Văn Viễn (Sài Gòn), Thân Thị Huế (Sài Gòn), Tôn Thất Kin & Lê Khắc Ngọc Cầu (Sài Gòn), Trần Công Lễ (Sài Gòn), Trần Gia Thùy (Qui Nhơn), Trần Thị Đào (Sài Gòn), Trần Thị Xuân Trang (Qui Nhơn), Trương Minh Sinh (Sài Gòn), Võ Hồng Phong (Thủ Đức), Võ Thăng (Đồng Nai), Võ Thị Hồng Vân (Sài Gòn), Võ Văn Đệ (Huế), Vương Quốc Tấn (Sài Gòn),

- Ở Hoa Kỳ, 42 Thầy, Cô : Betty Gaw (Edmond, WA, cô), Đặng Ngọc Tuấn (San Diego, CA), Đinh Thành Chương & Nguyễn Thị Giàu (Florida, chết), Đinh Thành Bài (Modesto, CA, chết), Đinh Văn Hiền (Costa Mesa, CA), Hoàng Thế Diệm (Nasville, TN), Huỳnh Hữu Dụng (San Jose, CA), Huỳnh Thị Quang (Houston, TX), Lê Đại Đồng (Houston, TX), Lê Đình Thứ (Champaign, IL), Lê Thị Cúc (Dorchester, MA), Lê Thị Hiên (Haawthorne, CA), Lê Thị Thư (Houston, TX), Lê Tú Vinh (Fountain Valley, CA), Lê Văn Ba (Westminster, CA), Lê Văn Tùng (Anaheim, CA), Lữ Mộng Phương (Minnesota), Lưu Quang Sang (Sacramento, CA), Nguyễn Đăng Liên (Garland, TX), Nguyễn Đức Thông (SA,

CA), Nguyễn Hoàng Sanh (Fairfas, VA), Nguyễn Mộng Giác (Westminster, CA, chết), Nguyễn Ngọc Sơn (Surgarland, TX), Nguyễn Ngọc Thọ (San Jose, CA), Nguyễn Tế (San Jose, CA), Nguyễn Trọng Liên (San Diego, CA), Nguyễn Văn Bài (MC Lean, VA), Phạm Ngọc Hài (San Jose, CA), Phan Bang (Houston, TX), Phan Bá Trác (Dallas, TX), Phan Văn Minh & Ngọc Anh (Fountain Valley, CA), Tạ Quang Khanh (chết), Tô Minh Tâm (Shereveport, LA), Tôn Thất Ngạc (Houston, TX), Trần Ngọc Châu (Houston, TX), Trần Nhất Hoan (Sangabriel, CA), Trương Quang Tá (Magnolia, NJ), Võ Đen (Dorchester, MA), Vũ Đình Việt (Houston, TX), Vũ Quốc Oai (San Diego, CA).

- Ở Pháp, 3 Thầy, Cô: Lê Thị Lĩnh Cơ (Tournefeuille), Nguyễn Đình Nhàn (Reines France), Trần Quang Khảo (Aulnay Sousbois, France),

- Ở Đức (Germany), 3 Thầy, Cô: Hồ Văn Thái (Mallheim), Nguyễn Hữu Vui & Phan Thị Lệ Hoa (Oberhausen).

- Ở Đan Mạch (Danmark), 1 Thầy: Nguyễn Đức Giang (Odense So).

- Ở Australia, 1 Thầy: Lê Đức Bé (Epping).

H 32: Lớp 12/B2, Trung Học Cường Để, niên khóa 1972 - 1973, tại cổng trường (Ảnh từ Cuongde.org).

Trường Cường Để trải qua 20 niên khóa (1955 - 1975), đã thu nhận một đội ngũ Giáo sư hùng hậu, nhưng không phải cùng lúc có được tổng số thầy cô ấy, vì theo lẽ thường năm nào cũng có một số thầy cô mới đến thay thế cho một số vị cũ thuyên chuyển đi nơi khác. Có điều là số lượng giáo sư tăng cường thuận với số lớp phát triển, theo tỷ lệ cứ 2 lớp phải có 3 giáo sư. Qua biến cố 30-4- 1975, tất cả văn khố của trường bị thất lạc, nay với bằng trí nhớ qua một thời gian dài, danh sách Giáo sư trên đây không thể liệt kê đầy đủ được.

04 - Nữ Trung Học Ngô Chi Lan:

Nguyên cơ sở này là Trung Học Tư Thục Tân Bình, mở dạy các lớp Trung học Đệ Nhất cấp. Tuy trường sở nằm trên đường Nguyễn Huệ, nhưng dãy phòng học chính của trường lại quay về hướng Bắc (phía Nhà thờ Chính Tòa Qui Nhơn, tức Nhà Thờ Nhọn). Sau năm 1963, cơ sở này được sung công, và thuộc tài sản của tỉnh Bình Định, rồi chuyển cho Bộ Quốc Gia Giáo Dục để mở một trường Nữ Trung học cho tỉnh nhà.

Từ giữa năm 1964, trường này trở thành công lập, cổng trường lại quay về hướng Nam (phía bờ biển), thông ra đường Nguyễn Huệ, và đổi tên là Nữ Trung Học Qui Nhơn. Trường được hợp thức hóa bằng Nghị định số 2214/GD/PC/NĐ, ký ngày 4 tháng 12 năm 1964 của Bộ Quốc Gia Giáo Dục, và khai giảng niên khóa đầu tiên 1964 - 1965.

H 33: Cổng trường Nữ Trung Học Qui Nhơn trước năm 1975.
(Ảnh từ Cuongde.org)

Ban đầu, Trường chỉ có các lớp Trung học Đệ Nhất cấp, rồi được phát triển thành Đệ Nhị cấp. Niên khóa 1972 - 1973, trường sở phát triển tới 18 phòng học, với sĩ số là 2.559 người, trong đó có 1.892 nữ sinh Đệ Nhất cấp và 667 nữ sinh Đệ Nhị cấp [25]. Cũng trong niên khóa này, Trường mở lớp 10 ban C [26], nên không còn chuyển học sinh ban này vào học Trường Cường Để nữa.

<u>H 34</u>: Trường Nữ Trung Học Qui Nhơn [27].
Trên bảng hiệu bằng xi măng còn vết chữ "Trường Trung Học Tân Bình" rất mờ nhạt vì đã bị lớp sơn phủ kín.

Nữ Trung Học Qui Nhơn là trường Công lập Đệ Nhị cấp, mở đến lớp 12 và trải qua ba đời Hiệu trưởng: Đầu tiên là Cô Trần Thị Gia (1964 - 1968); rồi đến Cô Vương Thúy Nga (1968 - 1970); sau cùng là Cô Lê Thị Cúc (1970 - 1975). Trường cũng trải qua 2 đời Giám học: Cô Đặng Thị Yến (1971 - 1972), Cô Tôn Nữ Thanh Tùng (1972 - 1975) có Thầy Nguyễn Túc làm phụ tá (1972 - 1975). Tổng Giám thị cũng có 2 đời: Cô PhanThị Lệ Hoa (1968 - 1972), rồi đến Cô Nguyễn Thị Cam Vũ (1972 - 1975) có Cô Trương Thị Tạo làm phụ tá (1974 - 1975).

Niên khóa 1972 - 1973, trường Nữ Trung Học Qui Nhơn được Bộ Quốc Gia Giáo Dục cho đổi tên thành trường Nữ Trung Học Ngô Chi Lan.

<u>H 35, trái</u>: Triển lãm Khoa học, 1969, Thầy Sơn đứng bên trái, Cô Nga mặc áo rằn (Ảnh: Cô Vương Thúy Nga cung cấp).

<u>H 36, phải</u>: Ban Văn nghệ hóa trang trình diễn vũ điệu "Khúc Hát Ân Tình" chụp ảnh chung với Cô Lê Thị Cúc (Hiệu trưởng) và Cô Tôn Nữ Thanh Tùng (Giám học).

Niên khóa 1973 - 1974, nhân ngày lễ Hai Bà Trưng vào mồng 6 tháng 2 âm lịch, trường Nữ Trung Học Ngô Chi Lan tổ chức Hội chợ trong ba ngày, tại khuôn viên của Trường. Mục đích mở Hội chợ là để học sinh của Trường trưng bày những sản phẩm do chính các em làm ra trong những giờ học Nữ công Gia chánh, như thêu thùa, may vá, nấu ăn, làm bánh, trang trí, cắm hoa…Khách đến xem, mua những sản phẩm do con em họ làm ra để làm kỷ niệm, vừa ủng hộ cho Trường có thêm ngân quỹ trong các sinh hoạt học đường.

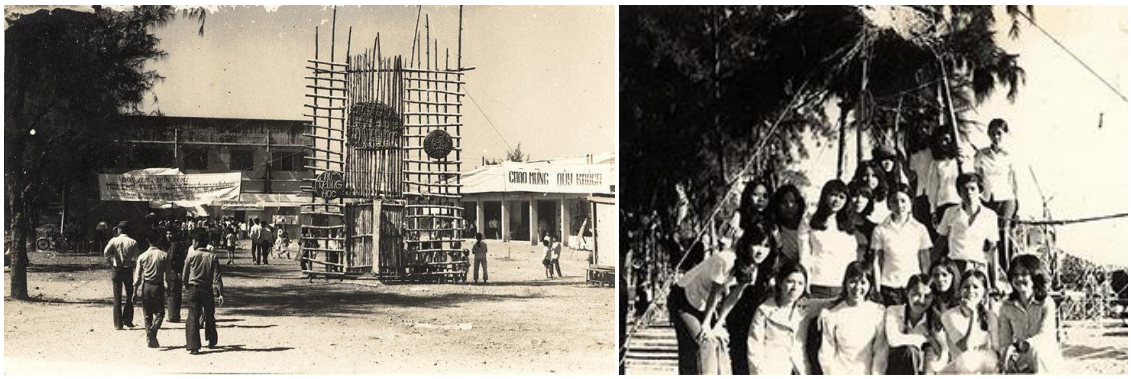

H 37 và 38: Dựng Cổng chào (hình bên trái) và chòi canh (hình bên phải) trong khu Hội chợ, 1974 (Ảnh từ nthqn.org).

Cũng như các trường Trung học khác, danh sách và số lượng Giáo sư trường Nữ Trung Học Qui Nhơn thay đổi từng niên khóa. Tùy thuộc vào sự phát triển số lớp, thường cứ tăng 2 lớp học thì Bộ Giáo Dục bổ thêm 3 Giáo sư. Ngoài ra, có vị từ trường khác chuyển đến, lại có vị chỉ dạy vài niên khóa rồi xin đổi đi, nhưng cũng có vị gắn bó với Trường này từ ngày thành lập đến giờ phút cuối, ngày 31- 3- 1975.

<u>H 39</u>: Các Giáo sư của Trường Nữ Trung Học, từ trái sang phải: Ông Hoàng Gioan Hoàng (Nhân viên văn phòng) Cô Lê Thị Cúc (Hiệu Trưởng, áo dài in hoa), Cô Vương Thúy Nga (cựu Hiệu Trưởng, mang kính đen, mặc áo dài màu xám đen), kế đến Cô Nguyễn Thị Thái Nhĩ (dạy Nữ công), tiếp theo Cô Tôn Nữ Thanh Tùng (Giám học, đứng vòng tay, mặc áo dài màu vàng lợt vải sọc ô vuông).

Danh sách Ban Giám đốc, Giáo sư, Nhân viên văn phòng, và Lao công của Trường Nữ Trung Học, từ năm 1964 - 1975 có nhiều, nhưng không thể nhớ hết, chỉ nêu được một số, ghi theo thứ tự ABC (Alphabet):

Quý Thầy Cô và Nhân viên: bà Bòng (Cai trường), ông Chánh (Tùy phái), Dương Thị Đến (Giám thị), Đặng Thị Kim Quy (Anh văn), Đặng Thị Yến (dạy Pháp văn, Giám học 1971 - 1972), Hà Văn Thạnh (Toán), Hoàng Gioan (Nhân viên văn thư), Hồ Thị Quỳ (Giám thị), cô Kim Hoa (Giám thị), Lã Thị Khanh (Giám thị), Lê Hữu Tuyển (Toán), Lê Thị Cúc (dạy Triết, Hiệu trưởng 1970 - 1975), Lê Trọng Sơn (Lý Hóa), Lê Văn Thiện (Cai trường), bà Mót (Cai trường), Nguyễn An Phong, Nguyễn Cường, Nguyễn Dần, Nguyễn Hữu Thời (Sử Địa), Nguyễn Thanh Duy (Pháp văn), Nguyễn Thế Triết (Sử địa), Nguyễn Thị Cam Vũ (Tổng Giám thị 1972 - 1975), Nguyễn Thị Hòa, Nguyễn Thị Nên (Giám thị), Nguyễn Thị Phương Thảo, Nguyễn Thị Thái Nhĩ (dạy Nữ công), Nguyễn Thị Thanh Vân (Giám thị), Nguyễn Tuân (Cai trường), Nguyễn Túc (dạy Anh văn, Phụ tá Giám học 1972 - 1975), Nguyễn Văn Hùng (Pháp văn), Nguyễn Văn Xứng (Nhạc, Vẽ), Nguyễn (hay Trần) Xuân Tùng (Anh văn), Phạm Khấu, Phan Cảnh Danh (Anh văn), Phan Kiều Nhi (tức Cô Độ, dạy Toán), Phan Lục Tú (Công dân), Phan Minh Ân (Sử địa), Phan Quật (Việt văn), Phan Quán (Lý hóa, Vạn vật), Phan Thị Lệ Hoa (dạy Pháp văn, Tổng Giám thị 1968 - 1972), Phan Thị Ngọc Tĩnh, ông Sáu (Cai trường), Tăng Khắc Nhự (Nhân viên văn phòng), cô Thanh Toàn (Hành chánh), cô Thu (Giám Thị), Tôn Nữ Thanh Tùng (dạy Vạn vật, Giám học 1972 - 1975), Tôn Nữ Thu Hương, Tôn Thất Bút (Việt văn), Trần Nhơn Mai (Nhân viên kế toán, lương bổng), Trần Thị Gia (dạy Vạn vật, Hiệu trưởng 1964 - 1968), Trần Thị Hòa (Giám thị), Trần Thị Nga, Trần Thị Ngọc Anh (Lý hóa), Trần Tư Cung (Vạn vật 12 A), Trần Văn Dật (Việt văn), Trần Văn Mẫn (dạy Triết, Hiệu trưởng Trường Sư Phạm Qui Nhơn), Trần Văn Nông (Pháp văn), Trần Văn Phương (Anh văn), Trần Văn Thương (Toán), Trương Hữu Kha (Anh văn), Trương Thị Hoa (Vạn vật), Trương Thị Tạo (dạy Quốc văn, Phụ tá Tổng Giám Thị 1974 - 1975), Võ Thị Hồng Vân, Vương Thúy Nga (dạy Lý hóa, Hiệu trưởng 1968 - 1970). [28]

H 40: Giáo sư và học sinh của trường Nữ Trung Học Qui Nhơn.
(Ảnh: nthqn.org)

Tính đến đầu năm 1975, trường Nữ Trung Học Qui Nhơn lớn hàng thứ ba trong tỉnh, sau Trung Học Cường Để Qui Nhơn (65 lớp) và Trung Học Đào Duy Từ An Nhơn, Bình Định (56 lớp). Và có thể nói, đây là trường Nữ Trung Học Đồng Khánh (Huế) của Bình Định.

H 41: Học sinh NTHQN, khóa 1968-1975, diễn hành qua khán đài (Ảnh từ nthqn.org);

H 42: Học sinh trường Nữ Trung Học QN diễn hành (Ảnh từ nthqn.org).

05 - Trung Học Kỹ Thuật:

Trường được thành lập bởi Nghị định số 954-GD/BC/NĐ, ký ngày 7 tháng 6 năm 1962 của Bộ Quốc Gia Giáo Dục Việt Nam Cộng Hòa; được khởi công xây cất vào tháng 12 năm 1960, khánh thành ngày 3 tháng 10 năm 1962.

H 43: Cổng Trường Trung Học Kỹ Thuật Qui Nhơn, năm 1970 [29].
(Ảnh: Nguyễn Hữu Phúc phổ biến trên Facebook)

Trường có diện tích xây cất là 4.630 m² [30] gồm: Khu Giảng dạy Giáo khoa là dãy nhà lầu hai tầng, khu Thực tập là dãy nhà trệt dùng làm kho và cơ xưởng, khu phòng Thí nghiệm và Thư viện, khu Văn phòng, khu nhà ở cho nhân viên với hai biệt thự dành cho Hiệu trưởng và Cố vấn. Các khu nhà này, nối kết với nhau bằng những hành lang rộng. Toàn bộ cơ sở tọa lạc trong khuôn viên rộng 5 ha (mẫu tây), ở Khu Sáu, đường Nguyễn Huệ, mặt tiền nhìn ra biển.

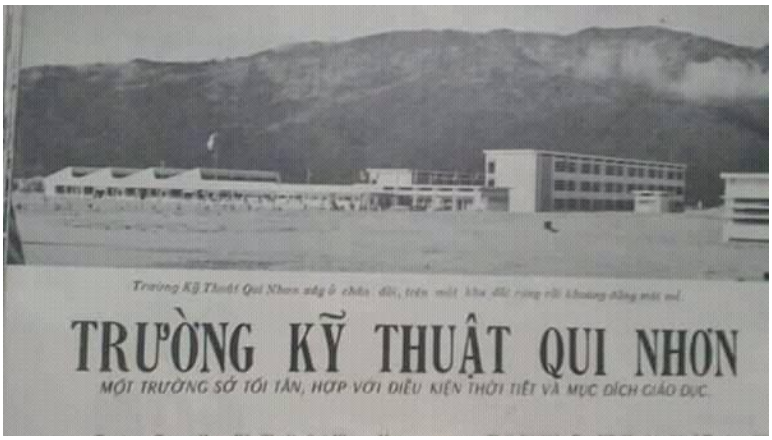

H 44: Toàn cảnh Trường Trung Học Kỹ Thuật Qui Nhơn, năm 1970.
(Ảnh: Thầy Võ Xuân Phương cung cấp)

Niên khóa 1962 - 1963, là niên khóa đầu tiên của Trường, mở thi tuyển vào lớp Đệ thất và Đệ lục. Năm ấy có 4 Đệ lục, gồm A, B, C, D, và là lớp cao nhất của

Trường. Ngoài các giờ học và thực tập về chuyên môn, chương trình giảng dạy lớp Đệ thất và Đệ lục Kỹ thuật vẫn y như bên phổ thông. Quốc văn, Sinh ngữ vẫn học mỗi tuần 6 giờ v.v… Vì thế một nửa số giáo sư của trường là từ ngành phổ thông chuyển qua.

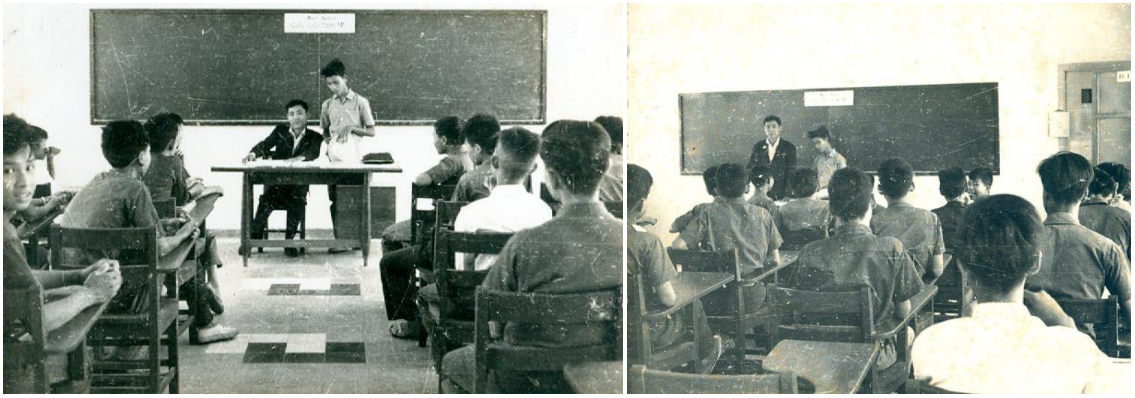

H 45, 46, 47: Thầy Đào Đức Chương và lớp Đệ Lục C (1962 - 1963), trong giờ Quốc Văn; một học sinh định xuất gia đi tu, đến chào từ biệt Thầy và các bạn cùng lớp (tháng 1- 1963).

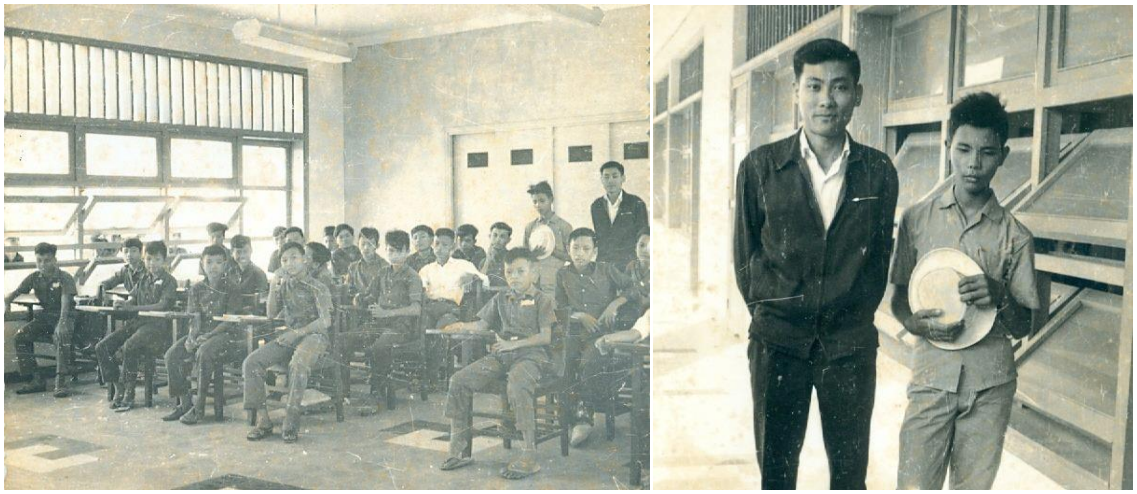

H 48, phải: Thầy trò còn lưu luyến trên hàng lang trước cửa Lớp Đệ Lục C.

Về sau, Trường nhận thấy hai lớp Đệ thất và Đệ lục, tuổi các em còn nhỏ, không thể thực tập ở các xưởng máy, nên chỉ thi tuyển học sinh vào lớp Đệ ngũ. Và từ lớp Đệ ngũ, chương trình giảng dạy nặng về Kỹ thuật, Khoa học toán; các môn về văn chương rút ngắn lại. Vì thế, số giáo sư dạy về kỹ thuật lại chiếm đa số.

Niên khóa 1966 - 1967, Trường được Bộ Quốc Gia Giáo Dục cho phép nâng lên thành Trường Đệ nhị cấp. Và hợp thức hóa bằng Nghị định số 1673-GD/BC/NĐ ngày 22- 7- 1967 [31]. Chương trình dạy 2 năm (lớp Đệ ngũ và Đệ tứ)

cho bậc Đệ Nhất cấp, và 3 năm (lớp Đệ tam, Đệ nhị, Đệ nhất) cho bậc Đệ Nhị cấp, nhằm đào tạo học sinh tốt nghiệp Tú tài Kỹ thuật Toán, chuẩn bị vào Đại Học Kỹ Thuật Phú Thọ.

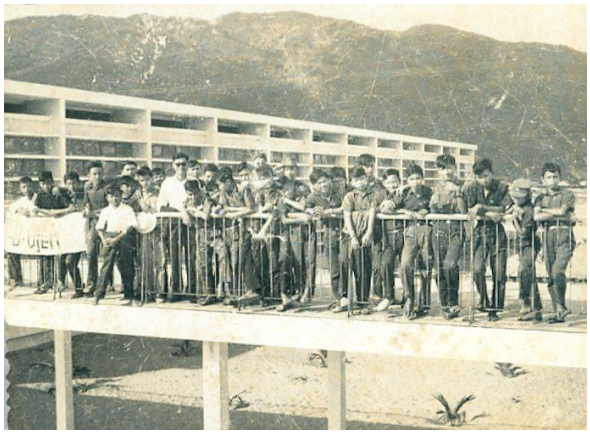
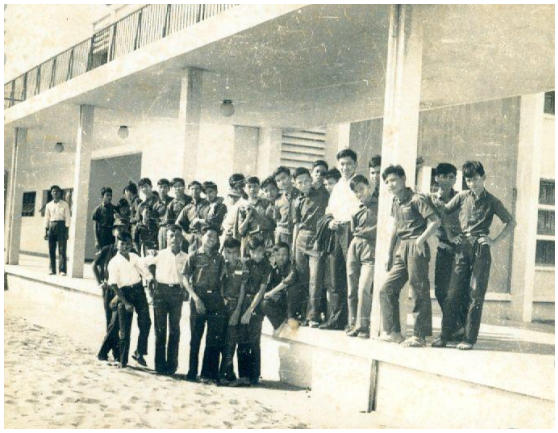

H 49, 50: Thầy Đào Đức Chương và lớp Đệ Lục C, trên sân thượng và trên hành lang nối dãy phòng học với cơ xưởng (tháng 1- 1963).

Trường còn mở chương trình Kỹ thuật Chuyên nghiệp, cũng học trong 5 năm, đào tạo chuyên viên, tương đương với phụ tá Cán sự, chuẩn bị vào Trường Cán Sự Kỹ Thuật tại Phú Thọ.

Các đời Hiệu trưởng và Ban Giám đốc trường Trung Học Kỹ Thuật Qui Nhơn:

- Từ năm 1962 - 1964, Hiệu trưởng Khúc Xuân Mai, Tổng Giám thị là Bùi Thường.
- Từ năm 1964 - 1966, Hiệu trưởng Nguyễn Thụy Ái, Giám học Vũ Ngọc Hoán, Tổng Giám thị Bùi Thường.

H 51, trái: Trung thu năm Quý Mão nhằm ngày 2- 10- 1962, tổ chức cắm trại tại Trường, một số Thầy Cô và học sinh chụp ảnh trên thềm tiền đường, bên trái là phòng Hiệu trưởng, bên phải là Văn phòng và phòng Giáo sư.

H 52, phải: Học sinh Trung Học Kỷ Thuật Qui Nhơn chuẩn bị cho bữa cơm chiều trong sân trường, Trung thu Quý Mão, ngày 2 tháng 10 năm 1962.

- Từ tháng 6 năm 1966 đến tháng 4 năm 1970, Hiệu trưởng Vũ Hữu Nho, Giám học Trần Hưng Bá, Phụ tá Giám học Vũ Ngọc Hoán, Tổng Giám thị Bùi Thường. Tổng Giám xưởng Lê Công Bôn coi tổng quát khu nhà kho và xưởng máy. Mỗi xưởng có một giáo sư phụ trách, gồm các Thầy: Xưởng ô tô Nguyễn Oanh, Xưởng điện Tôn Thất Chương (1969 - 1971), Xưởng kỹ nghệ sắt Nguyễn Cao Anh, Xưởng mộc Nguyễn Xuân Huyến (người Huế, sau năm 1975 định cư ở Mỹ, nay đã mất), Xưởng máy dụng cụ (tiện) Huỳnh Thanh Nung (người Bình Định).

- Năm 1970 - 1975, Hiệu trưởng Nguyễn Bích, thành phần Ban Giám đốc vẫn như cũ, ngoại trừ chức Tổng Giám thị là Võ Đen thay cho Bùi Thường.

H 53: Trường Trung Học Kỹ Thuật Qui Nhơn, khu cơ xưởng [32].

06 - Trung Tiểu Học Bồ Đề Qui Nhơn:

Trung Tiểu Học Bồ Đề Qui Nhơn là trường của Giáo Hội Phật Giáo tỉnh Bình Định. Trường thành lập năm 1957, gồm 6 phòng học, nằm bên hông chùa Long Khánh (trụ sở Tỉnh Hội Phật Giáo Bình Định). Nhu cầu học sinh càng ngày càng đông, năm 1968, Trường dời ra khu Văn Hóa Xã Hội tại góc đường Ngô Quyền và Tăng Bạt Hổ, đối diện chùa Long Khánh. Cơ sở mới là dãy lầu ba tầng có 34 phòng học, mở từ lớp 1 đến lớp 12, với sĩ số 2060 học sinh Trung học, 560 học sinh Tiểu học.

Nếu chỉ tính riêng các trường tư trong tỉnh nhà, đây là trường Trung học tư thục Đệ Nhị cấp lớn nhất của Bình Định. Hiệu trưởng đầu tiên là Thầy Lê Tú Oanh, các vị kế tiếp có BS Trần Đức Hợp, Lê Xuân Mai. Vị Hiệu trưởng cuối cùng là Thiền sư Thích Nguyên Hạnh (thế danh Phạm Chí Nguyện). Giám học là các Thầy: Lê Phước Á và Nguyễn Dần,... Tổng Giám thị Phạm Xuân Sanh,... [33].

H 54: Trường Trung Tiểu Học Bồ Đề Qui Nhơn [34].

07 - Trung Học Vi Nhân:

Trường Trung học tư thục Đệ Nhị cấp của Thiên Chúa Giáo. Nguyên năm 1963, các Sư huynh dòng La San thuê Chủng Viện địa phận Qui Nhơn, thời hạn 9 năm, để mở Trường Trung Học La San.

Niên khóa 1971 - 1972, Hiệu trưởng của Trường là Sư huynh Raymond Đặng Văn Hinh, và Sư huynh Placide Nguyễn Văn Hòa làm Giám học. Cuối niên khóa này, mãn hợp đồng thuê mướn, Trường La San dời vào Nha Trang.

Trước tình trạng học sinh La San ở Qui Nhơn bỗng dưng không có chỗ học hành, Đức Giám Mục Qui Nhơn giao cho Linh mục Giám đốc Giáo dục Công Giáo thành lập Trường Trung Học Vi Nhân, ngay trên cơ sở mà La San đã mãn hợp đồng thuê mướn của Chủng Viện.

Trường khai giảng niên học 1972 - 1973 vào ngày 15 tháng 8 năm 1972, thu nhận 1.700 học sinh nam nữ từ lớp Sáu đến lớp Mười một, chia thành 23 lớp. Niên khóa 1973 - 1974 mở lớp 12. Trường được điều hành bởi Linh mục Huỳnh Kim Lăng làm Hiệu trưởng và một số Linh mục, Tu sĩ của địa phận Qui Nhơn phụ tá, với một Ban Giảng huấn có trên 50 giáo sư [35].

H 55: Trường Trung Học Vi Nhân [36].

Khuôn viên của trường Trung Học Vi Nhân rộng 4 ha (mẫu tây). Cơ sở gồm khu nhà lầu ba tầng có một dãy dài 30 mét, dãy kia dài 27,50 mét, khu nhà trệt với 4 phòng và một nhà chơi. Ngoài ra, còn có một sân bóng tròn, hai sân bóng rổ và 4 sân bóng chuyền.

08 - Trung Tiểu Học Nghĩa Thục Tự Lực Qui Nhơn:

Trường tư thục Đệ Nhất cấp [37] do ông Võ Trấp sáng lập và quản trị. Ông giỏi xoay xở, nên trường tự túc hoàn toàn từ phòng ốc, học cụ, văn phòng phẩm, cả lương bổng giáo chức và nhân viên. Hiệu trưởng là Mang Tấn Sĩ.

Cơ sở của trường nằm trong khuôn viên của Trung Tâm Huấn Luyện Nhân Dân Tự Vệ ở Gành Ráng. Niên khóa đầu 1970 - 1971, khai giảng ngày 17-7- 1970, trường mở 6 lớp ở bậc tiểu học, từ Mẫu giáo đến lớp Năm với sĩ số 240, có sắm hai xe đưa rước học sinh miễn phí. Niên khóa 1972 - 1973, mở thêm lớp Sáu, sĩ số 380 [38]. Từ đó, phát triển thành trường Trung học Đệ Nhất cấp.

Đây là trường nghĩa thục đầu tiên của tỉnh Bình Định. Con em của những gia đình tử sĩ, cô nhi quả phụ, hoặc Nhân dân tự vệ nghèo vào học được miễn phí hoàn toàn. Đối với học sinh gia đình khá giả, cũng chỉ thu 1/3 học phí, để phụ trả lương cho giáo chức và nhân viên.

09 - Trung Tiểu Học Trinh Vương:

Trường tư thục Đệ Nhị cấp của Thiên Chúa Giáo, Hiệu trưởng là Soeur Lê Thị Phi Hường. Đây là trường nữ trung học thứ hai của tỉnh nhà.

Trường được thành lập vào năm 1958, bởi Đức Cha Phê- Rô Phạm Ngọc Chi, lúc ấy là Giám mục địa phận Qui Nhơn, và giao cho các Nữ tu dòng Mến Thánh Giá Qui Nhơn điều hành.

H 56, trái: Trường Trung Tiểu Học Trinh Vương trước năm 1975 (Ảnh từ http://tvqn.info).

H 57, phải: Tập diễn hành tại sân trường Trinh Vương (Ảnh: Nguyễn Hải Liên, Cuongde.org)

Cơ sở của trường là những dãy lầu ba tầng, xây cất năm 1957 đến 1958. Ngoài các phòng học, còn có khu Kỹ thuật, khu Ký Nhi viện, Ký Lưu trú và khu Vườn trẻ. Khuôn viên trường rộng gần 2 mẫu tây, chung quanh có tường cao, nằm ở góc đường Gia Long và Hàn Thuyên.

Theo Trần Đình Thái [39], niên khóa 1958 - 1959, Trường có 4 lớp tiểu học và 4 lớp trung học, với gần 400 học sinh. Niên khóa 1972 - 1973, Trường phát triển đến 33 lớp tiểu học và 20 lớp trung học, trở thành Đệ Nhị cấp. Ở bậc trung học, Trường mở từ lớp 6 đến lớp 12 [40] và chỉ thu nhận nữ sinh.

H 58: Soeur Hiệu Trưởng và một số Nữ sinh của Trường.
(Ảnh: Nguyễn Hải Liên, Cuongde.org)

10 - Trung Học Tây Sơn:

Trường Trung học tư thục Đệ Nhị cấp, Hiệu trưởng Trương Vĩnh Nghi (có bằng Cử nhân, công chức hồi hưu,) Giám học Nguyễn Thị Phong, Tổng Giám thị Đặng Thế Long, Thư ký trưởng Nguyễn Ngọc Liên, Thư ký Nguyễn Thị Giăng.

Trường được thành lập khoảng năm 1963, vốn đầu tư gồm 20 cổ phần, ông Nguyễn Châu là sáng lập viên, bỏ vốn nhiều nhất với 5 cổ phần, được bầu làm làm Giám đốc Điều hành. Còn 15 cổ phần do bà con và bạn bè (đa số là nhà giáo) góp vốn vào, chẳng hạn như các Thầy: Đặng Thế Long, Đinh Kim, Đoàn Nhật Tấn, Lê Đại Uyên, Nguyễn Tưởng, Trần Thục, Võ Thành Sô; sau Đinh Kim nhường cổ phần cho Hồ Văn Bỗng và Trần Quý Cảnh.

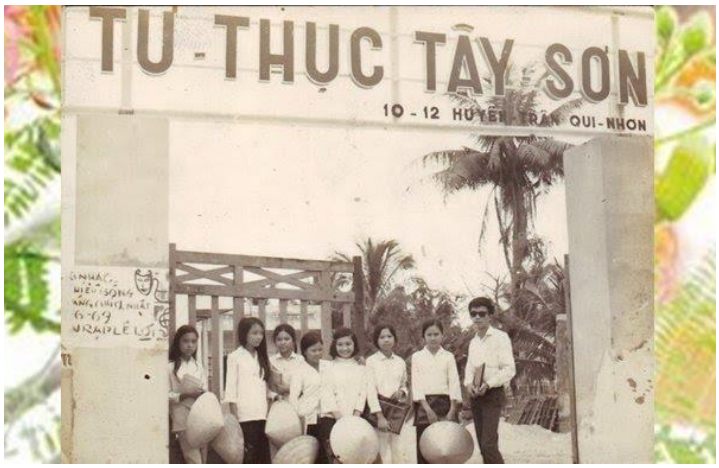

H 59: Cổng Trường Trung Học Tây Sơn, 1969.
(Nguồn: http://truongtayson.net.tf)

Nguyên Trường Tây Sơn tọa lạc trên vùng ruộng sâu trồng rau muống, nằm bên mé Đông đường Huyền Trân, tức đường Gia Long nối dài (nay là đường Trần Hưng Đạo), số nhà 10 & 12, thuộc Khu 4 Qui Nhơn, gần kho xăng Ông Tề. Mặt trước trường ngó ra núi Bà Hỏa, sau lưng là đầm Thị Nại. Cơ sở trường đầu tiên là dãy nhà hình chữ I, gồm 5 phòng, song song với mặt đường. Khoảng 5 năm sau, trường được xây dựng hoàn chỉnh thành hình chữ T, gồm một dãy lầu hai tầng có 8 phòng học, một dãy nhà trệt có 2 lớp học, văn phòng nằm giữa ba sân chơi có cây phượng vĩ nở rộ đỏ thắm vào mỗi độ hè về, và quanh tường rào là những hàng dừa xiêm rợp bóng.

H 60: Hành lang Trường Trung Học Tây Sơn [41].

Khoảng niên khóa 1965 - 1966, trường mở 2 lớp Đệ thất, niên khóa sau tăng 3 lớp Đệ thất và 2 lớp Đệ lục, rồi 4 năm sau mở lớp Đệ tứ. Niên khóa 1971 – 1972 trường mở lớp 10 (tức lớp Đệ tam), niên khóa 1973 - 1974 có lớp 12 (tức lớp Đệ nhất), và lúc bấy giờ Trường mời Cô Nguyễn Thị Phong (có bằng Cử nhân) làm Giám học. Niên khóa 1974 - 1975, trường phát triển 18 lớp.

Niên khóa 1965 - 1966, Ban giảng huấn gồm các Thầy, Cô: Lê Đại Uyên, Nguyễn Ngọc Trân, Nguyễn Thao, Nguyễn Văn Hùng, Trần Quý Cảnh, Trần Thị Tố Nga, Võ Thành Sô. Sau có thêm các Thầy Hồ Văn Bỗng, Ngô Nãi Chấn, Nguyễn Ngọc Bích, nhà thơ không quân Trần Thúc Vũ tức Bùi Kim Đính, Võ Ái Ngự, Vũ Phan Long (dạy nhạc). Từ ngày có Thầy Nguyễn Mộng Giác (giáo sư Cường Để) nhận dạy Quốc văn lớp Đệ tứ, trường thu hút nhiều học sinh ghi danh theo học.

Từ niên khóa 1971 - 1972 trường bắt đầu mở các lớp Đệ Nhị cấp, có thêm các thầy từ Trường Cường Để, Nữ Trung Học, Tăng Bạt Hổ đến phụ trách các môn, gồm các Thầy, Cô: Lê Đức Bé, Nguyễn Phụ Tài, Lê Hữu Tuyển (dạy Toán); Vương Quốc Tấn, Nguyễn Minh Đức, Nguyễn Phúc, Đặng Vĩnh Hồng (dạy Lý Hóa); Nguyễn Văn Thuận (dạy Pháp văn), Trần Thị Xuân Trang (dạy Sử Địa), Hồ Sĩ Duy (dạy Quốc Văn).

Đặc biệt, chỉ có trường Trung Học Tây Sơn dạy môn nhạc, các tư thục khác trong thị xã Qui Nhơn, không có. Một đặc điểm nữa, sĩ số của mỗi lớp luôn giữ đúng quy định như trường công lập là 50 học sinh [42].

H 61: Trường Tây Sơn tham gia trại hè Liên Trường Qui Nhơn,
tại sân trường Trung Học Kỹ Thuật, 1974.
(Nguồn: Taysonquynhon's_Blog)

11 - Trung Học Nhân Thảo:

Trường Trung học tư thục Đệ Nhị cấp do ông Võ Văn Nhàn sáng lập, hoạt động từ năm 1960. Niên khóa đầu 1960 - 1961 dùng tạm cơ sở tại căn lầu ở góc đường Võ Tánh và Hai Bà Trưng. Niên khóa sau, trường dời về khu nhà số 2, đường Trần Cao Vân, và cũng chỉ mở các lớp Đệ Nhất cấp, do ông Võ Văn Thảo làm Hiệu trưởng.

Niên khóa 1963 - 1964, trường Trung Học Nhân Thảo được cấp giấy phép mở Đệ Nhị cấp, mang số 3337- GD/HV/4 ký ngày 13 tháng 8 năm 1963. Nhưng rồi trường bị đóng cửa các lớp Đệ Nhị cấp một thời gian [43], sau được phép hoạt động lại. Hiệu trưởng là Bác sĩ Trương Sĩ Hoàn, tiếp đến Giáo sư Đinh Thành Chương.

Niên khóa 1972 - 1973, Trường phát triển đến 1000 học sinh, mở từ lớp Sáu đến lớp Mười hai có cả ban A và B.

H 62: Trường Trung Học Nhân Thảo [44].

12 - Quang Trung Nghĩa thục:

Trường tư thục Đệ Nhị cấp, Giám đốc sáng lập Lê Văn Ba, Hiệu trưởng Đặng Đức Thông, Giám học Nguyễn Thị Xuân Lan (kể từ niên khóa 1973 - 1974), Tổng Giám thị Nguyễn Cẩm Nhung, Thư ký văn phòng Nguyễn Văn Tại.

Năm 1972, Chủ tịch Tỉnh Thị Hội Giáo Giới Bình Định là Thầy Lê Văn Ba thương lượng với Thiếu tá Trưởng khu Gia Binh (tên là Bính, không nhớ rõ) đang điều hành trường Văn Hóa Quân Đội, xin dãy nhà 4 phòng học có sẵn bàn ghế và tiện nghi nằm trong trại Gia Binh ở Khu Sáu, để thành lập trường Quang Trung Nghĩa thục.

Niên khóa đầu, 1972 - 1973, Quang Trung Nghĩa Thục mở 2 lớp Sáu, 2 lớp Bảy, 1 lớp Tám và 1 lớp Chín, thu nhận 400 học sinh, học miễn phí. Ban Giảng huấn phần lớn là hội viên của Hội Giáo Giới Bình Định, ghi danh tình nguyện dạy không lương, gồm 45 vị trực tiếp dạy và 25 vị dự khuyết. Các môn dạy đầy đủ như một trường công lập, vì có cả môn Hội họa và Nữ công gia chánh. Đặc biệt, Trường còn dạy môn Dân tộc học và Võ thuật.

Năm sau, Tỉnh Thị Hội Giáo Giới vận động phụ huynh học sinh cùng Mạnh Thường Quân, đóng góp xây thêm hai phòng học nữa. Hội cũng nhờ Liên Đoàn 6 Công Binh của Đại tá Lưu Văn Dũng giúp nhân công và vật liệu. Hai phòng mới, xây gạch, lợp tôn, tiếp nối với dãy nhà cũ thành hình chữ U. Số học sinh tăng lên thành 8 lớp và có mở lớp 10. Niên khóa 1974 - 1975, trường có 11 lớp gồm: 3 lớp Sáu, 2 lớp Bảy, 2 lớp Tám, 2 lớp Chín, 1 lớp Mười và 1 lớp Mười một.

Quang Trung Nghĩa Thục là trường tư, không thu học phí, cũng không có tài trợ của Bộ Giáo Dục, nhưng vẫn sinh hoạt được là nhờ Trường có thành lập Ban Bảo trợ hùng hậu. Vị Chủ tịch là ông Ngô Khuôn (thân phụ của Trung tướng Ngô Du) nên hội hoạt động rất mạnh.

13 - Trung Học Viên Giác:

Nguyên là trường tư thục tiểu học trong khuôn viên chùa Viên Giác của thầy Huyền Ấn, ở Khu 6. Bắt đầu niên khóa 1970 - 1971, Trường mở 1 lớp Sáu, Hiệu trưởng là GS Hoàng Kim Long. Niên khóa 1971 - 1972, trường phát triển với 2 lớp Sáu và 1 lớp Bảy. Niên khóa 1972 - 1973, có 5 lớp trung học gồm 1 lớp Tám, 2 lớp Bảy và 2 lớp Sáu. Niên khóa 1973 - 1974 có lớp Chín, và cứ thế, số lớp tăng dần cho đến cuối tháng 3 năm 1975 thì chấm dứt.

14 - Trung Học Lê Lợi:

Ngoài trường Văn Hóa Quân Đội ở Sài Gòn đã hoạt động từ lâu, năm 1970, Cục Xã Hội thuộc Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị thành lập thêm 9 trường nữa trên toàn quốc Việt Nam Cộng Hòa, nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của con em binh sĩ. Vì thế, trường Trung Học Văn Hóa Quân Đội Lê Lợi Qui Nhơn ở Khu Sáu, gần Gềnh Ráng, phía sau trường Trung Học Kỹ Thuật, ra đời trong dịp này. Trường do Tiểu Đoàn 12 Công Vụ thuộc Bộ Chỉ Huy 2 Tiếp Vận tổ chức và điều hành. Hiệu trưởng đầu tiên là Chuẩn úy Nguyễn Mạnh Dạn, và do Cục Xã Hội Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị quản lý; nhưng việc giảng dạy hoàn toàn theo đúng với chương trình của Bộ Quốc Gia Giáo Dục ấn định.

Năm 1971, do nhu cầu cải tổ của quân lực, Tiểu Đoàn 12 Công Vụ giải thể. Trường Văn Hóa Quân Đội Lê Lợi được bàn giao cho Tiểu Khu Bình Định. Trường được cải danh là Trung Tiểu Học Quân Đội Lê Lợi, do Thiếu úy Văn Công Hạ làm Hiệu trưởng, quản nhiệm cả hai cơ sở Tiểu học và Trung học Đệ Nhất cấp.

Niên khóa 1972 - 1973, trường phát triển đến lớp Chín. Mùa hè năm 1973, Quân đội trao 4 lớp bậc trung học (1 Sáu, 1 Bảy, 1 Tám, 1 Chín) và một dãy nhà gồm 5 phòng cho Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên [45]. Cơ sở này mang tên mới là Trường Trung Học Lê Lợi.

Niên khóa 1973 - 1974, Thầy Ngô Đình Phùng được cử làm Hiệu trưởng của Trường này, và phát triển thêm 1 lớp Sáu nữa. Giáo sư cơ hữu gồm các Thầy: Ngô Đình Phùng, Nguyễn Thanh, Nguyễn Tư...; ngoài ra còn nhiều Giáo sư các trường khác đến dạy giờ, và bên quân đội có Đại úy Phan Ngô cộng tác.

Niên khóa 1974 - 1975, Trường có 2 lớp Sáu, 2 lớp Bảy, 1 lớp Tám và 1 lớp Chín nên phải xây thêm 2 phòng học lợp ngói, tiếp nối với 5 phòng cũ thành hình chữ L. Giữa sân trường là trụ cờ, cũng khánh thành một lượt với phòng ốc.

H 63: Trường Trung Học Văn Hóa Quân Đội Lê Lợi.
Đại tá Phạm Thanh Nghị, CHT/Tiếp Vận II;
Thiếu tá Nguyễn Ngọc Thủy TĐT/12CV;
Chuẩn úy Nguyễn Manh Dạn, HT/VHQĐ Lê Lợi.

Đầu năm 1975, Trường được Bộ Văn Hóa Giáo Dục đổi danh xưng một lần nữa là Trung Học Lam Sơn, nhận được Quyết định chưa được bao lâu thì ngày 1- 4- 1975 Qui Nhơn thất thủ và Trường cũng bị xóa tên.

15 - Trung Học Đống Đa:

Tiền thân là Trường Tiểu Học Phan Đình Phùng ở Khu Sáu, nằm tại góc đường Nguyễn Thái Học và đường Nguyễn Hữu Lộc, Hiệu trưởng là Nguyễn Tuấn Đức, được phép mở lớp Trung học.

Trong lúc đó, Bộ Giáo Dục cho mở cũng tại Khu Sáu Qui Nhơn thêm một trường Trung học Công lập nữa, lấy tên là Trung Học Đống Đa, nằm trên đường Đống Đa nối dài, rồi cho chuyển tất cả các lớp trung học của trường Phan Đình Phùng về trường mới. Nguyễn Tuấn Đức được tiếp tục làm Hiệu trưởng của trường này. Khi Nguyễn Tuấn Đức mất, Nguyễn An Phong lên thay, kế đến là Huỳnh Kim Phát.

Ban giáo sư chính của trường gồm có: Huỳnh Hữu Đức, Nguyễn Giỏi, Nguyễn Minh Hải, Nguyễn Phụng, và còn vài vị nữa không nhớ hết. Ngoài ra, Trường còn mời vài vị ở trường khác đến dạy giờ, chẳng hạn như Thầy Nguyễn Bá Thư,…

16 - Trung Học Đặng Đức Siêu:

Trường tư thục Đệ Nhất cấp này, tuổi đời quá ngắn, chỉ có một niên khóa (1974 - 1975). Cơ sở của Trường nằm trên một đường ngang nối đại lộ Gia Long và đường Bạch Đằng.

17 - Trung Học Phước Hậu:

Nguyên là trường Tiểu Học Phước Hậu thuộc xã Phước Hậu (quận Tuy Phước), và tọa lạc trên khoảnh đất rộng rãi, sát nách với Chợ Dinh, ngó ra Quốc lộ 1, tại ngã ba nối với xa lộ mới. Kể từ 30- 9- 1970, xã Phước Hậu bị giải thể, sáp nhập vào thị xã Qui Nhơn, trường này lại thuộc địa phận quận Nhơn Định của Thị xã. Khoảng năm 1972, trường được nâng lên thành trường Công lập Đệ Nhất cấp. Hiệu trưởng là Ngô Đình Cự.

18 - Trung Tiểu Học Sùng Nhơn:

Trường tư thục Sùng Nhơn của người Hoa, dạy song ngữ, tiếng Tàu và Việt. Ban đầu chỉ mở dạy bậc tiểu học, sau phát triển thành Trường Trung học Đệ Nhất cấp Sùng Nhơn.

Nguyên là ngôi Đình của người Hoa Kiều, nằm trên đường Bạch Đằng, ngó ra đầm Thị Nại, xây dựng từ thời Pháp thuộc, thờ Thánh Quan Công. Cơ sở kiến trúc xưa, tường xây gạch, lợp ngói âm dương, mái cong, có nhiều hình điêu khắc và chạm trổ trên các cửa lớn và nhỏ.

Khi thành lập Trường Sùng Nhơn, cơ sở này được tu bổ và sửa chữa thành những lớp học. Trường có khoảng mười phòng, xếp thành hai dãy song song, giữa là chánh điện thờ Quan Thánh, dùng làm phòng Hiệu trưởng và văn phòng. Sân trường rộng, tráng xi măng, dùng trong các buổi chào cờ, tiếp đến là sân bóng rổ. Trước Trường có hai cây bàng lớn, tàng cây che mát cả sân chơi, và hàng phượng vĩ đỏ rực vào mùa hè. Cổng chính nằm trên đường Bạch Đằng, Trường còn hai cổng phụ, ở hai bên hông, trổ ra hai đường ngang song song và nối đường Gia Long với Bạch Đằng.

Vì là Trường song ngữ, nên có hai nhóm Thầy giáo: Ban tiếng Việt, dạy đúng theo chương trình của Bộ Giáo Dục VNCH. Về tiếng Hoa, dạy theo trình độ của các trường Tàu Chợ Lớn, được quy định bởi chương trình ở Đài Loan. Do đó, các học sinh phải theo học mỗi ngày 7 hay 8 giờ, suốt từ thứ hai đến thứ bảy.

Khoảng năm 1960, Ban Hiệu trưởng, bên Hoa ngữ, có ông Vương Nhật Phi (Wang Ri Fei) người gốc Đài Loan, không biết tiếng Việt. Bên Việt ngữ, có thầy Lâm Du Hòa đảm nhiệm chức Hiệu trưởng, vừa điều hành giấy tờ hành chánh. Thành phần Giáo sư khoảng 20 vị, gồm người địa phương và một số chuyển từ Chợ Lớn. Vì là trường tư và dạy song ngữ, phải thuê mướn giáo sư từ xa đến, giá thành cao, nên học phí rất đắt so với các trường tư thục Việt đương thời. Nhờ có nhiều Mạnh Thường Quân, con em người Hoa những gia đình nghèo được xét trợ cấp, nên có thể theo học.

H 64: Trường Trung Tiểu Học Sùng Nhơn [46].

19 - Trung Học Triều Thuận:

Trường tư thục Đệ Nhất cấp của người Hoa, chưa có lớp 9.

20 - Trung Học Tăng Bạt Hổ ở Qui Nhơn:

Ngày 16 tháng 5 năm 1955, Chính Quyền Quốc Gia tiếp thu tỉnh Bình Định. Ngay trong niên khóa đầu tiên 1955 - 1956, Bộ Giáo Dục cấp tốc xây dựng trường ốc và mở tại tỉnh nhà hai trường Trung học Đệ Nhất cấp, đáp ứng nhu cầu số đông học sinh bị dở dang học hành trong nhiều năm vì chiến tranh. Bắc Bình Định có Trường Tăng Bạt Hổ ở Bồng Sơn, phía Nam là Trường Cường Để ở Qui Nhơn.

Song song với Trường Cường Để, Trường Tăng Bạt Hổ mở lớp Đệ tam vào niên khóa 1961 - 1962 [47]. Khoảng năm 1962, trường này có nghị định chuyển thành Trung học Đệ Nhị cấp, và đứng hàng thứ hai các trường trung học trong tỉnh cho tới niên khóa 1971 - 1972.

Nhưng vào tháng 3 năm 1972, tình hình chiến sự lan rộng đến thị trấn Bồng Sơn, đồng bào ba quận Bắc Bình Định di tản chiến thuật, vào trại tiếp cư ở Phú Tài và Qui Nhơn, trường Tăng Bạt Hổ cũng đóng cửa. Lúc ấy, ông Nguyễn Công Lượng (người địa phương và cựu học sinh TBH) đang là Phó Quận trưởng Hoài Nhơn, vận động cho trường tái hoạt động ở Qui Nhơn, để số học sinh tản cư được tiếp tục học hành. Về mặt trường sở, ông Lượng nhờ ông Lê Văn Quế, Chủ Tịch Hội Đồng Tỉnh Bình Định và ông Lê Văn Diện, Dân Biểu VNCH, đều là người Hoài Nhơn, đứng ra vận động ông Tỉnh Trưởng thuận cấp phòng ốc. Về mặt giấy tờ, ông Lê Ninh Hậu, Xứ lý thường vụ Hiệu trưởng Trường Tăng Bạt Hổ, lập tờ trình và đứng đơn xin Bộ cho phép dời địa điểm. Ông Nguyễn Công Lượng đích thân đem toàn bộ hồ sơ vào Sài Gòn, yết kiến ông Ngô Khắc Tĩnh, Tổng trưởng Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên, xin được giấy phép tái hoạt động tại Trung Tâm Sinh Hoạt Giáo Giới (nguyên là Ký Túc Xá Học Sinh), số 18

đường Nguyễn Huệ ở Qui Nhơn. Cơ sở này, nguyên của Tỉnh Thị Hội Giáo Giới Bình Định nhường lại, và nhờ có Liên Đoàn 6 Công Binh tình nguyện sửa chữa thành một trường học. Sau đó, ông Nguyễn Công Lượng xin hai chiếc xe của Trung Tâm Bình Định Phát Triển, và ông theo xe ra Bồng Sơn chở bàn ghế học sinh vào trường mới ở Qui Nhơn. Mọi việc tiến hành tốt đẹp, Trường kịp khai giảng niên khóa 1972 - 1973, vào ngày 26- 10- 1972 .

Từ ngày trường Trung Học Tăng Bạt Hổ dời vào Qui Nhơn, sĩ số chỉ còn hơn một nửa, số lớp cũng bớt lại, không còn giữ vị trí thứ hai các trường lớn của tỉnh. Tuy vậy, Ban Giáo sư vẫn nguyên vẹn nên việc giảng dạy rất tốt, và tồn tại 3 niên khóa, qua các đời Hiệu trưởng sau đây:

- Năm 1972, Giám học Lê Ninh Hậu, Xứ lý thường vụ Hiệu trưởng trong thời gian Trường di tản và xin dời địa điểm để tái hoạt động.

- Niên khóa 1972 - 1973, Hiệu trưởng Lê Văn Minh, Tổng Giám thị Nguyễn Hữu Hồng. Trong thời gian chuyển tiếp giữa hai Hiệu trưởng, Đào Văn A tạm thời Xử lý thường vụ.

- Từ 1973 - 1975, Hiệu trưởng Hồ Sĩ Duy, Giám học Nguyễn Ngọc Trân, Phụ tá Giám học Nguyễn Cao Trợ, Tổng Giám thị Nguyễn Hữu Hồng, Phụ tá Tổng Giám thị Ngô Văn Lâu.

H 65: Trường Trung Học Tăng Bạt Hổ ở Qui Nhơn [48].

II - LỜI KẾT CÁC TRƯỜNG Ở QUI NHƠN

Tóm lại, Qui Nhơn lúc bấy giờ chưa mở rộng đúng mức để nâng lên cấp thành phố mà đã có 19 trường Trung học và Cao đẳng định cư vĩnh viễn và 1 trường Trung học tỵ nạn chiến cuộc. Đó là trường Trung Học Tăng Bạt Hổ, di tản từ quận Hoài Nhơn, và tái hoạt động tại Qui Nhơn. Trong 20 trường ở Qui Nhơn, tính từ Trung học Đệ Nhất cấp trở lên (không kể trường Tiểu học), gồm: 9

trường công, 2 nghĩa thục, 9 trường tư; chia ra có 2 trường Cao đẳng, 10 trường Đệ Nhị cấp, và 8 trường Đệ Nhất cấp.

Trước tháng tư năm 1975, Qui Nhơn chỉ là một thị xã, mặc dù trong hoàn cảnh chiến tranh, nhưng vẫn có đến 20 trường Trung học và Cao đẳng đang hoạt động trên đà phát triển. Hơn thế nữa, Qui Nhơn chuẩn bị mở Đại Học vào niên khóa 1976 - 1977. Đã có Nghị Định của Bộ Quốc Gia Giáo Dục chấp thuận thành lập Đại Học Qui Nhơn và đề cử Giáo sư Lê Bảo Xuyến (phu nhân của GS Lê Văn, người quận Phù Mỹ), làm Viện trưởng [49]. Đủ chứng tỏ dưới chính thể Việt Nam Cộng Hòa, nền Quốc Gia Giáo Dục rất thịnh hành.

Phần D
BÌNH ĐỊNH, NHỮNG NGÔI TRƯỜNG TRUNG HỌC TRONG TRÍ NHỚ

Từ năm 1955, sĩ số càng ngày càng tăng, các trường công lập không đủ sức dung nạp. Đầu thập niên 1960, số học sinh thi vào lớp Đệ thất trường công lập, trúng tuyển khoảng 30%. Mặc dù Bộ Giáo Dục cố gắng phát triển hệ thống Trung học Công lập đến các quận, thị trấn và cả thị tứ; nhưng vẫn không bắt kịp với đà học sinh gia tăng. Đến đầu thập niên 1970, các trường công lập cũng chỉ thu nhận được 60% tổng số học sinh muốn vào lớp sáu [50]. Vì thế, những mô hình trường trại khác, cũng được thiết lập song hành với Trung học Công lập, hòng đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục.

Với tỉnh Bình Định, trước năm 1975, ngoài hệ thống Trung học Công lập, ở Qui Nhơn còn có các loại trường: Trung học Tư thục, Trung học Nghĩa thục, Trung học Văn hóa Quân đội phát triển mạnh. Và ở các quận, lại có mô hình Trung học Bán công [51], Trung học Tỉnh hạt [52], Trung học Tư thục, song hành với hệ thống Trung học Công lập.

Dù có nhiều loại trường cùng phát triển, nhưng các học hiệu cần theo đúng chương trình giảng dạy của Bộ Giáo Dục, nhằm ý hướng học sinh đều có chung một trình độ như trường công lập. Vì khi thi tốt nghiệp các cấp phổ thông, không phân biệt thí sinh của loại trường nào. Tất cả đều chung một đề thi, và bài thi đều được Hội đồng Giám khảo rọc phách [53], chấm bài theo mẫu thang điểm chung.

Ngoại trừ trường Trung Học Tăng Bạt Hổ ở Bồng Sơn, quận Hoài Nhơn, thành lập năm 1955, các trường trung học ở các quận khác, phải đến đầu thập niên 1960 mới hình thành.

Trong phạm vi bài này, lần lượt giới thiệu các trường Trung học ở các quận, không tính trường Tiểu học.

I - QUẬN TUY PHƯỚC: 7 TRƯỜNG

21 - Trung Học Tuy Phước:

Nguyên khuôn viên trường là ruộng sâu được lấp đất cao thành vườn, nằm bên lề phía Bắc Quốc lộ 1 (cũ), cách Quận Đường Tuy Phước chừng 200 mét về hướng Đông Nam.

Trung Học Tuy Phước là trường tỉnh hạt, xây dựng khoảng đầu năm 1968, ban đầu chỉ có 3 phòng, nằm dọc phía Tây khuôn viên trường, ngó xuống cầu Trường Úc, dùng làm lớp học và văn phòng, kinh phí do Tòa Tỉnh Bình Định đài thọ [54]. Trường khai giảng niên khóa 1968 - 1969, mở 3 lớp Đệ thất.

Sau đó, Hội Phụ Huynh đảm nhận xây dãy lớp chính, lầu đúc, ở phía Bắc, nằm ngang trải dài, để lộ một sân rộng, ngó ra Quốc lộ 1; và lúc ấy, hai dãy phòng nối thành hình chữ L. Tiếp nữa, Hội đã xây xong nền móng xi măng cốt sắt cho dãy phòng phía Đông, đối diện và cách với 3 phòng xây đầu tiên bởi chiều dài sân trường.

H 66: Cổng Trường Trung Học Tuy Phước.
(Ảnh chụp ngày 4 tháng 2 năm 2011)

Trung Học Tuy Phước có thể coi như trường Trung học Tỉnh hạt kiểu mẫu của Bình Định. Nhờ Hội Phụ Huynh vững mạnh và năng nổ, gồm các ông: Cao Hảo (Hội trưởng), Cao Xuân Nhàn (Hội phó), ông Bảng (quên họ, Thư ký), Mỹ Dung (Thủ quỹ), Bùi Tố (Ủy viên Kiến thiết)..., đã khéo vận động phụ huynh học sinh đóng góp tiền bạc để xây cất phòng ốc, kịp thời cho nhu cầu phát triển giáo dục tại địa phương. Tính đến cuối tháng 3 năm 1975, Trường đã xây dựng được 18 phòng học [55]. Nếu dãy phòng phía Đông hoàn tất, số phòng sẽ tăng lên rất nhiều, và ngôi trường thành hình chữ U đáy rộng, trông rất bề thế và hoành lệ.

Trong 7 niên khóa, từ 1968 - 1975, song song với việc phát triển phòng ốc, Trường mở dần từ lớp 6 đến lớp 12,

Tính đến 1- 4- 1975, Trường có khoảng dưới 40 lớp, ước chừng 2.000 học sinh [56]. Trong đó, 10 lớp Sáu, 3 lớp Mười Hai (1A + 1B + 1C). Đây là lớp 12 đầu tiên của Trường, chưa kịp thi lấy bằng Tú tài phổ thông [57], tức Tú tài toàn phần cũ, nên không rõ tỷ số thí sinh trúng tuyển.

Trường có Ban Giám đốc đầy đủ: Hiệu trưởng Dương Lễ, Giám học Nguyễn Văn Hiệu, Phụ tá Giám học Tạ Chương Ánh, Tổng Giám thị đầu tiên là Trương Trọng Toại (mất năm 1972), Đặng Văn Hạnh thay thế, Phụ tá Tổng Giám thị Ngô Thanh Nhượng; với một Ban Giáo sư khoảng 72 người [58].

H 67: Trường Trung học Tuy Phước, dãy phòng giữa, được xây cất đợt hai.
(Ảnh chụp ngày 4- 2- 2011)

22 - Trung Học Bồ Đề Nguyên Thiều:

Tháng 7 năm 1964, Trường Trung Học Bồ Đề Nguyên Thiều chào đời, trong tư thế thuận tiện là trung tâm của các xã đông dân như Phước Lộc, Phước Hiệp, Phước Quang, Phước Long, và Nhơn Hòa. Trường được xây cất tại chân núi Tháp Thị Thiện (Bánh Ít) thuộc ấp Đại Lễ (Phước Hiệp); trên khu đất do ông Bùi Hàng, Chủ tịch xã Phước Hiệp, cung cấp cho Tu Viện Nguyên Thiều để thành lập trường. Vì thế, Trường được mang tên Trung Học Bồ Đề Nguyên Thiều. Khuôn viên trường, ở vào địa thế khoáng đãng và yên tĩnh, nằm sát cạnh chùa Nguyên Thiều, lưng dựa vào Núi Tháp, triền dốc thoai thoải, mặt tiền quay về hướng Đông, nhìn xuống cánh đồng bạt ngàn của xã Phước Hiệp. Ngôi trường gồm hai dãy, mỗi dãy có 4 phòng học, vách xây, lợp ngói. Niên khóa đầu, mở 4 lớp Đệ Nhất cấp: Thất, Lục, Ngũ, Tứ.

Thế rồi, chiến sự lan tràn, tình hình xã Phước Hiệp trở nên mất an ninh. Đêm 6- 12- 1964, ngôi trường bị tấn công. Thầy Giám thị Bùi Hàng, và học sinh Ngô Văn Tâm tử thương. Trung Học Bồ Đề Nguyên Thiều phải dời về Vân Hội, cách bến xe Ngã Ba Diêu Trì chừng 200 mét về hướng Tây Nam. Khuôn viên trường mới là khoảnh đất của Phật tử Huỳnh Đắc Châu và Huỳnh Thắng Kim hiến cúng cho Tu Viện [59]. Ngôi trường ở vào địa thế: mặt trước giáp đường Liên tỉnh lộ 6 (nay là Tỉnh lộ 638) đi Vân Canh, mặt sau giáp sông Hà Thanh. Về cơ sở, Trường có 8 phòng học, gồm một dãy nhà do Sư Đoàn Mãnh Hổ của Đại Hàn xây dựng biếu tặng, một dãy nhà hình chữ L do trường xây cất, sân trường nằm giữa những dãy nhà.

Niên khóa 1967 - 1968, trường Trung Học Tư Thục Bồ Đề Nguyên Thiều có 3 Thất, 3 Lục, 2 Ngũ, 1 Tứ. Niên khóa 1968 - 1969, Trường chuyển từ Trung học Đệ Nhất Cấp sang Đệ Nhị Cấp, mở đến lớp Đệ Nhị, Bác sĩ Trần Đình Phô làm Hiệu trưởng. Và cuối niên khóa ấy, Trường đạt tỷ số 25% học sinh lớp Đệ Nhị thi đỗ Tú tài Phần Một. Khoảng niên khóa 1972 - 1973, Trường mở đến lớp 12, và có trên 12 lớp (không nhớ rõ), từ lớp Sáu đến lớp Mười hai [60], với chừng 800 học sinh.

H 68: Trang bìa Đặc San Trung Học Bồ Đề Nguyên Thiều.

Tính đến niên khóa 1969 - 1970, thành phần nhân sự Điều hành và Giảng huấn của trường Trung Học Bồ Đề Nguyên Thiều, gồm có:

- Ban Quản Trị: Giám Đốc Đại Đức Thích Đổng Quán, Chánh Thư ký Võ Hy, Hội Kế viên Trần Bùi Thao.

- Ban Học Vụ: Hiệu trưởng Trần Đình Phô, Giám học kiêm Tổng Giám thị Trần Bùi Thao, Văn phòng Trưởng Trần Hữu Khôi, Thư ký Giám thị Văn Phụng Châu, Thứ ký Thu ngân Trần Thị Ngọc Quỳnh, Tùy phái Lê Kim Ngọc.

- Hội Đồng Giáo Sư:

*Việt văn: Đại Đức Thích Thông Hạnh, Trần Bùi Thao, Phạm Ngọc Bích, Đào Đức Chương, Nguyễn Cường.

*Sinh ngữ: Nguyễn Siêu, Nguyễn Tư Triệt, Võ Hy, Lê Trọng Tiêu, Nguyễn Văn Vinh, Huỳnh Thưởng.

*Toán, Lý Hóa: Tu sĩ Thích Quảng Bửu, Nguyễn Bích, Lâm Quang Tuyến, Hồ Hạnh Phúc, Nguyễn Yến, Nguyễn Kim Ba, Trần Minh An, Trần Bùi Nghê

23 - Trung Học Diêu Trì:

Nhằm ý hướng của Bộ Quốc Gia Giáo Dục phát triển trường trung học không những ở quận lỵ, thị tứ, mà còn đến các xã đông dân. Vì thế, năm 1973, trường Trung Học Tỉnh Hạt Diêu Trì, xã Phước Long, ra đời. Cơ sở trường tọa lạc trên một khoảnh đất rộng, nguyên là ruộng sâu được đổ đất nâng cao, mặt trước là hướng Đông, ngó ra Quốc lộ 1 (đường mới), mặt sau giáp với địa phận ga Diêu Trì. Đầu tiên xây dựng 4 phòng đúc bê tông, tuy nhiên đang thi công, chưa sử dụng được.

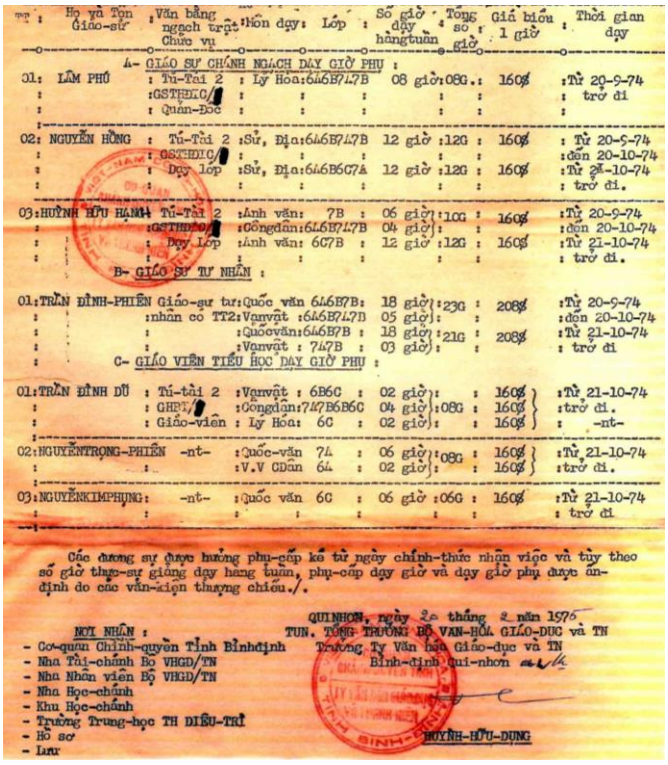

TT	Họ và Tên Giáo-sư	Văn bằng ngạch trật Chức vụ	Môn dạy	Lớp	Số giờ dạy hàng tuần	Tổng số giờ	Giá biểu 1 giờ	Thời gian dạy
	A- GIÁO SƯ CHÍNH NGẠCH DẠY GIỜ PHỤ :							
01	LÂM PHÚ	Tú-Tài 2 GSTHĐIC/ Quản-đốc	Lý Hóa	646B747B	08 giờ	08G.	160$	Từ 20-9-74 trở đi
02	NGUYỄN HỒNG	Tú-Tài 2 GSTHĐIC/ Dạy lớp	Sử, Địa Sử, Địa	646B747B 646B6G7A	12 giờ 12 giờ	12G 12G	160$ 160$	Từ 20-9-74 đến 20-10-74 Từ 21-10-74 trở đi.
03	HUỲNH HỮU HẠNH	Tú-Tài 2 GSTHĐIC/ Dạy Lớp	Anh văn: 7B Công dân: 6L6B747B Anh văn: 6G7B		06 giờ 04 giờ 12 giờ	10G 12G	160$ 160$	Từ 20-9-74 đến 20-10-74 Từ 21-10-74 trở đi.
	B- GIÁO SƯ TƯ NHÂN :							
01	TRẦN ĐÌNH-PHIÊN	Giáo-sư tư-nhân có TT2:	Quốc văn 646B7B Vạn vật 646B747B Quốc văn 646B7B Vạn vật 747B		18 giờ 05 giờ 18 giờ 03 giờ	23G 21G	208$ 208$	Từ 20-9-74 đến 20-10-74 Từ 21-10-74 trở đi
	C- GIÁO VIÊN TIỂU HỌC DẠY GIỜ PHỤ :							
01	TRẦN ĐÌNH DŨ	Tú-tài 2 GHPT/ Giáo-viên	Vạn vật Công dân: 747B6B6C Lý Hóa: 6C	6B6C	02 giờ 04 giờ 02 giờ	08G	160$ 160$ 160$	Từ 21-10-74 trở đi. -nt-
02	NGUYỄN TRỌNG-PHIÊN	-nt-	Quốc-văn 7A V.V CDân 6A		06 giờ 02 giờ	08G	160$ 160$	Từ 21-10-74 trở đi.
03	NGUYỄN KIM PHỤNG	-nt-	Quốc văn 6C		06 giờ	06G	160$	Từ 21-10-74 trở đi

Các đương sự được hưởng phụ-cấp kể từ ngày chính-thức nhận việc và tùy theo số giờ thực-sự giảng dạy hàng tuần, phụ-cấp dạy giờ và dạy giờ phụ được ấn-định do các văn-kiện thường chiếu./.

QUINHƠN, ngày 2 tháng 2 năm 1976
TUN. TỔNG TRƯỞNG BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC và TN
Trưởng Ty Văn hóa Giáo-dục và TN
Bình-định Qui-nhơn
HUỲNH-HỮU-DŨNG

NƠI NHẬN :
- Co-quan Chính-quyền Tỉnh Bình-định
- Nha Tài-chánh Bộ VHGD/TN
- Nha Nhân viên Bộ VHGD/TN
- Nha Học-chánh
- Khu Học-chánh
- Trường Trung-học TH DIÊU-TRÌ
- Hồ sơ
- Lưu

H 69: Trang cuối Sự Vụ lệnh dạy giờ phụ, niên khóa 1974 - 1975, Trường Trung Học Tỉnh Hạt Diêu Trì.

Niên khóa 1973 - 1974, Trung Học Tỉnh Hạt Diêu Trì mở 2 lớp Sáu, phải dạy tạm ở trường Tiểu Học Diêu Trì, nằm bên đường lên ga xe lửa và đối diện với chợ Cây Da. Thầy Lâm Phú vừa làm Hiệu trưởng trường Tiểu học, kiêm nhiệm chức Quản đốc các lớp Trung học.

Niên khóa 1974 - 1975 phát triển thành 5 lớp, gồm: lớp 6A, 6B, 6C, 7A, 7B; vẫn còn dạy tạm ở trường Tiểu Học Diêu Trì. Định niên khóa sau, các lớp trung học sẽ dời về trường mới, Lâm Phú vẫn làm Quản đốc. Trường dự trù phát triển đến lớp 9, để chính thức trở thành trường Trung Học Tỉnh Hạt Đệ Nhất Cấp Diêu Trì. Tính đến ngày 20- 2- 1975, Trường có 7 thầy dạy, gồm: 3 Giáo sư Trung học, 1 tư nhân dạy giờ, và 3 Giáo viên Tiểu học (có Tú tài 2) dạy giờ phụ. Ngoài số giờ quy định cho giáo chức lãnh lương chính ngạch phải dạy trong 1 tuần, nếu có nhận dạy thêm giờ nào nữa, thì Bộ Giáo Dục phải trả tiền giờ đó, gọi là giờ phụ.

24 - Trung Học Phú Tài:

Ngôi trường nằm bên đường Quốc lộ 1, tại thị trấn Phú Tài, xã Phước Thạnh; mặt tiền quay về hướng Nam, ngó vô đèo Cù Mông. Khuôn viên trường, mặt hông phía Đông giáp Quốc lộ 1, mặt hông phía Tây ngó vào núi. Cũng như trường ở Diêu Trì, Trung Học Phú Tài ra đời trong thời kỳ Trung học Tỉnh hạt về tới thị tứ và các xã đông dân, nhưng vì thiếu thông tin, nên không rõ trường này thuộc dạng công lập bình thường hay tỉnh hạt. Chỉ được biết, tính đến niên khóa 1974 - 1975, Trung Học Phú Tài chưa có lớp 9, vẫn còn ở dạng các lớp trung học. Thầy Đài (không nhớ họ), Hiệu trưởng trường Tiểu học Phú Tài, tạm thời kiêm nhiệm các lớp Trung học.

25 - Trung Học Bồ Đề Hương Quang:

Hệ thống Tư thục Bồ Đề của Giáo Hội Phật Giáo Thống Nhất có mặt hầu hết ở các nơi đông dân. Ngay tại quận Tuy Phước, có đến 2 trường Trung học, cách nhau không đầy 5 cây số, trường nào cũng đông đúc học sinh.

Trường Trung Học Bồ Đề Hương Quang tọa lạc trên lô đất nguyên là ruộng sâu được lấp cạn, nằm sát Quốc lộ 1 (cũ), cách trường Trung Học Tuy Phước chừng 200 mét về hướng Đông Nam, và gần cầu Trường Úc. Cơ sở trường là dãy nhà xây, dọc theo chiều sâu của lô đất, gian trước làm văn phòng, các gian kế tiếp dùng cho phòng học.

Đây là Trung học Tư thục Đệ Nhất cấp, Hiệu trưởng là Mang Đức Hổ. Niên khóa 1974 - 1975, Trường có 6 lớp [61], gồm 2 lớp Sáu, 2 lớp Bảy, 1 lớp Tám, 1 lớp Chín, với chừng 350 học sinh.

26 - Trung Học Nam Hòa:

Trường tọa lạc trên khoảnh đất của hảng dệt Xi- ta (cũ), sát chợ Trường Thuế, thuộc ấp Hữu Thành, xã Phước Hòa. Trung Học Nam Hòa thành lập năm 1959 là Tư thục Đệ Nhất cấp, Hiệu trưởng Lê Tú Oanh. Niên khóa 1959 - 1960, Trường có 2 lớp Đệ thất, 2 lớp Đệ lục, 1 lớp Đệ ngũ. Niên khóa sau tăng 1 lớp Đệ ngũ, mở thêm 1 lớp Đệ tứ [62]. Trường hoạt động trong 6 niên khóa, đến năm 1965 thì chấm dứt vì chiến sự lan tràn, xã Phước Hòa mất an ninh.

27 - Trung Học Huỳnh Thị Lưu:

Trường tư Đệ Nhất cấp tại ấp Tùng Giản, gần chợ Gò Bồi xã Phước Hòa, khai giảng 1960, bế giảng 1965, cũng vì lý do an ninh. Mới đầu có 2 lớp Đệ thất, 2 lớp Đệ lục, 1 lớp Đệ ngũ, niên khóa sau có thêm lớp Đệ tứ.

II - QUẬN AN NHƠN: 6 TRƯỜNG

28 - Trung Học Đào Duy Từ:

a/ Quá trình hình thành:

Nguyên là trường Trung Học Công Lập An Nhơn, thành lập năm 1961, tại thị trấn Bình Định. Hiệu trưởng Trung Học Bán Công An Nhơn kiêm nhiệm chức Hiệu trưởng trường công. Tuy chung Hiệu trưởng, nhưng mỗi trường có Ban Giảng huấn riêng. Giáo sư ở Trường Công Lập An Nhơn do Bộ Giáo Dục bổ dụng và lãnh lương của Bộ, giáo sư Trung Học Bán Công An Nhơn do tỉnh Bình Định bổ nhiệm và ăn lương giờ từ ngân sách của trường (thu tiền học phí), nếu Trường không đủ trả thì tỉnh sẽ tài trợ.

Trước khi Trường Công Lập An Nhơn có cơ sở riêng, các lớp Công lập mượn phòng học của Trường Bán Công, ở trụ sở Hiệp Hội Nông Dân, đối diện với Trung Học Bán Công. Từ năm 1964, Trường mượn thêm dãy nhà tranh đối diện với Quận Đường, làm 3 phòng học.

Ngày mãn niên khóa 1964 - 1965, các thầy đến từng lớp thăm viếng, khuyên nhủ các em những việc phải làm trong ba tháng hè để việc học hành được thăng tiến trong niên khóa tới, đồng thời và chụp ảnh lưu niệm.

Hai Thầy Đào Đức Chương và Lưu Đình Thọ đến thăm các lớp Đệ Thất, Đệ Lục và Đệ Ngũ, suốt năm qua đã học tại dãy nhà tranh, nền đất và lụp xụp này, để các em khỏi buồn lòng, vì có một số lớp được học ở Trung Học Bán Công và Hiệp Hội Nông Dân.

b/ Quá trình phát triển:

- Niên khóa 1961 - 1962, mở 1 lớp Đệ thất, Hiệu trưởng Nguyễn Văn Độ.

- Niên khóa 1962 - 1963, mở 3 lớp (2 Thất, 1 Lục), Hiệu trưởng Phạm Ngọc Bích.

Trại hè năm 1963 học sinh toàn tỉnh, dành cho các trường Trung học từ Công lập, Tỉnh hạt, Nghĩa thục,Bán công, đến Tư thục cắm trại tại Qui Nhơn.

H 70, trái: Giáo sư Liên trường Công Lập - Bán Công An Nhơn, Bình Định; từ trái sang phải: Nguyễn Bảy, Thầy Hy, Đào Đức Chương, Phạm Ngọc Bích (Hiệu trưởng Liên Trường), Thầy (không rõ tên), Huỳnh Đinh, Bùi Hữu Chẩn, Trần Tăng Mạnh, Thầy Quý.

H 71, phải: Thầy Đào Đức Chương trong Trại Trung ương Trường Trung Học Bán Công An Nhơn.

H 72, trái: Trại Trung ương Trường Trung Học Công Lập An Nhơn.

H 73, phải: buổi cơm chiều, một trong những trại của trường Trung Học Bán Công An Nhơn. Từ trái sang phải, các Thầy: Nguyễn Bảy, Đào Đức Chương và Bùi Thế Võ (nhân viên văn phòng)

H 74: Các thầy trường Trung Học Bán Công và Công Lập An Nhơn đến thăm khu lều trại Trường Bán Công.

- Niên khóa 1963 - 1964, mở 5 lớp (2 Thất, 2 Lục, 1 Ngũ), Hiệu trưởng Trần Quốc Sủng.

- Niên khóa 1964 - 1965, mở 7 lớp (2 Thất, 2 Lục, 2 Ngũ, 1 Tứ), Hiệu trưởng Lê Như Tri. Một số lớp, học ở dãy nhà tranh trong khu đất đối diện với Quận Đường, số còn lại vẫn dạy ở Trường Bán Công. Là niên khóa đầu tiên Trường Trung Học Công Lập An Nhơn có học sinh dự thí bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp. Vì thế lớp Đệ tứ Công Lập được ưu đãi học ở Trường Bán Công, phòng học đủ tiêu chuẩn học đường, sáng sủa mát mẻ, thuận lợi cho việc học hành, sẽ đạt tỷ lệ đỗ cao, đem lại thành tích vẻ vang cho Trường. Vả lại lớp Đệ tứ là lớp cao nhất, năm học cuối cùng của bản trường, cần được ưu tiên.

H 75, trái: Thầy Đào Đức Chương và Thầy Lưu Đình Thọ đến thăm lớp Đệ Thất, học tại dãy nhà tranh đối diện với Quận đường.

H 76, phải: Hai Thầy cũng ghé thăm lớp Đệ Lục, dãy phía Đông của khu nhà này, trong ngày mãn niên khóa 1964 - 1965.

<u>H 77, trái</u>: Các Thầy: Thọ, Chương, Trần Đình Giác (?) và lớp Đệ Ngũ Công Lập An Nhơn trong ngày mãn niên khóa 1964 - 1965, tại khu nhà tranh mượn của Quận làm phòng học.

<u>H 78, phải</u>: cũng trong ngày cuối cùng của niên khóa (1964 - 1965) thầy Đào Đức Chương dặn dò thân mật một số học sinh Trường Công lập An Nhơn tại khu nhà tranh, về việc phải làm trong ba tháng nghỉ hè để năm học tới được tiến bộ hơn.

- Niên khóa 1965 - 1966, mở 8 lớp (2 Thất, 2 Lục, 2 Ngũ, 2 Tứ). Thời ấy, Đệ Tứ là lớp cao nhất của Trường Trung Học Công Lập, muốn học Đệ Tam phải chuyển xuống Qui Nhơn. Cũng từ niên khóa này, Trung Học Công Lập tách khỏi Trường Bán Công; thầy Lê Nhữ Tri vẫn làm Hiệu trưởng Trường Công Lập, và Trung Học Bán Công có Hiệu trưởng khác.

Trường Công Lập dời về địa điểm mới, khuôn viên rất rộng, vuông vức, gần Cửa Tây thành Bình Định, nằm đối diện với Trường Tiểu Học và Sân Vận Động An Nhơn. Công việc đầu tiên, thầy trò phải dùng một buổi học chiều, làm công tác dọn dẹp, lấp các chỗ trũng và giếng lạn trong sân trường. Nơi đây có một dãy nhà nằm về phía Đông, gồm một phòng rất rộng quay mặt về hướng Bắc và ngó ra đường, dùng làm khu văn phòng. Nối theo là dãy nhà lợp tôn, vách xây, ngăn làm 3 phòng học, và quay mặt về hướng Tây, nhìn ra một sân rộng.

Tuy Trường đã có cơ sở riêng, nhưng ban đầu chỉ có 3 phòng học lợp tôn, không đủ dung nạp 8 lớp, vì vậy phải mượn phòng học của Trường Trung Học Bán Công, và ưu tiên dành cho 2 lớp Đệ Tứ, là năm thi tốt nghiệp Đệ Nhất cấp, vì Trường mới mái lợp tôn, mà chưa có la phông, nên khi mưa lớn nghe tiếng ồn, trời nắng gắt lại rất nóng, không tiện cho những lớp có năm thi.

H 79, 80: Lớp Đệ Tứ A, Trung Học Công Lập An Nhơn,
tháng 3 năm 1966, trong giờ Quốc Văn
của thầy Đào Đức Chương vừa là GS Hướng Dẫn.

- Từ niên khóa 1966 - 1967, Trường phát triển nhanh, số phòng không đủ, hai lớp Đệ tứ vẫn còn dạy ở Trường Bán Công. Sau đó, Bộ Giáo Dục cho xây hai phòng đúc, nằm sát phía Tây khuôn viên trường, đối diện với dãy phòng phía Đông qua một sân rộng thênh thang. Trong họa đồ xây cất, phía Tây cũng xây 4 phòng để cân xứng với phía Đông, nhưng góc Tây Bắc gặp nhà dân lấn chiếm chưa thương lượng được.

H 81: Đêm Văn Nghệ cuối năm Đinh Mùi, nhằm tháng 2 năm 1967,
Ban Văn Nghệ Trường Trung học Công lập An Nhơn trình diễn vũ điệu Sơn Cước.

<u>H 82, phải</u>: Thầy Đào Đức Chương và học sinh lớp Đệ Tứ A
Trung Học Công Lập An Nhơn, tại sân trường Bán Công, ngày 22- 5- 1967.

- Niên khóa 1967 - 1968, sau biến cố Tết Mậu Thân (1968), có lệnh Động viên toàn phần. Các Thầy được hoãn dịch vì lý do công vụ, nay đều có giấy gọi lên đường nhập ngũ.

Một ngày đầu tháng tư, chúng tôi (Đào Đức Chương) đang dạy Sử học lớp Đệ Tam Trung Học Bán Công, một binh sĩ thuộc Chi Khu An Nhơn đến lớp gặp tôi trao lệnh gọi nhập ngũ khóa 4/68, và trao sổ cho tôi ký nhận.

Thế rồi, vào chiều Thứ sáu, ngày 12 tháng 4 năm 1968, buổi dạy Quốc văn cuối cùng của Thầy Đào Đức Chương tại lớp Đệ Tứ B (sinh ngữ Pháp), Trường Trung Học Công lập An Nhơn. Thầy cũng vừa là GS hướng dẫn của lớp này, nên mỗi tuần đến lớp này 7 giờ, trước khi lên đường thi hành lệnh Tổng Động Viên, học sinh xin tổ chức 1 giờ Văn nghệ bỏ túi ***Hát Tiễn Thầy Lên Đường***:

<u>H 83, trái</u>: Thầy Đào Đức Chương phê học bạ về môn Việt Văn, trước khi ra đi.

<u>H 84, phải</u>: Thầy Chương với lớp Đệ tứ B Công Lập, trong buổi dạy cuối cùng.

<u>H 85, 86</u>: Buổi văn nghệ Hát Tiễn Thầy Chương lên đường nhập ngũ.

<u>H 87, trái</u>: Cả lớp yên lặng thưởng thức buổi Văn nghệ cây nhà lá vườn.

<u>H 88, phải</u>: Học sinh Diệp Thị Minh Thoa và Nguyễn Thị Cẩm Nhung song ca vừa xong, thì cũng vừa hồi trống tan học buổi chiều vang lên ở hành lang trước văn phòng. Thầy Chương và học sinh lớp Đệ tứ B (sinh ngữ Pháp) lưu luyến chia tay.

Cũng nên nói thêm: Niên khóa 1967-1968, Diệp Thị Minh Thoa là học sinh lớp Đệ Tứ Trường Trung Học Công lập An Nhơn. Niên khóa 1971-1972, là sinh viên Trường Đại Học Sài Gòn. Niên khóa 1972-1973, Diệp Thị Minh Thoa là Giáo sư tư nhân dạy giờ, phụ trách môn Vạn vật các Lớp 6 và 7 (Đệ thất và Đệ lục cũ), tại Trường Trung Học Đào Duy Từ, An Nhơn, Bình Định.

Từ Quân trường Thủ Đức, Tác giả bài này thỉnh thoảng nhận được những lá thư thăm Thầy của các học sinh lớp Đệ Tứ Công Lập và Đệ Tứ Bán Công An Nhơn. Không rõ, các em xin địa chỉ KBC 4100, từ Văn phòng Trường Công Lập An Nhơn, hay là do người nhà chúng tôi cung cấp. Trong thư, các em thăm hỏi, tỏ lòng biết ơn, ước mong Thầy được trở về để tiếp tục giảng dạy môn Việt văn.

Thật vậy, đời nhà giáo không có cái cảnh tiền hô hậu ủng, đón rước cờ xí rợp trời, tiếp đãi linh đình như các quan chức hành chánh hay quân đội trong lúc tại chức đương quyền. Nhưng Đời Nhà Giáo rất ấm lòng vì được Học Trò Cũ vẫn tưởng nhớ Thầy lúc không còn đứng trên bục giảng.

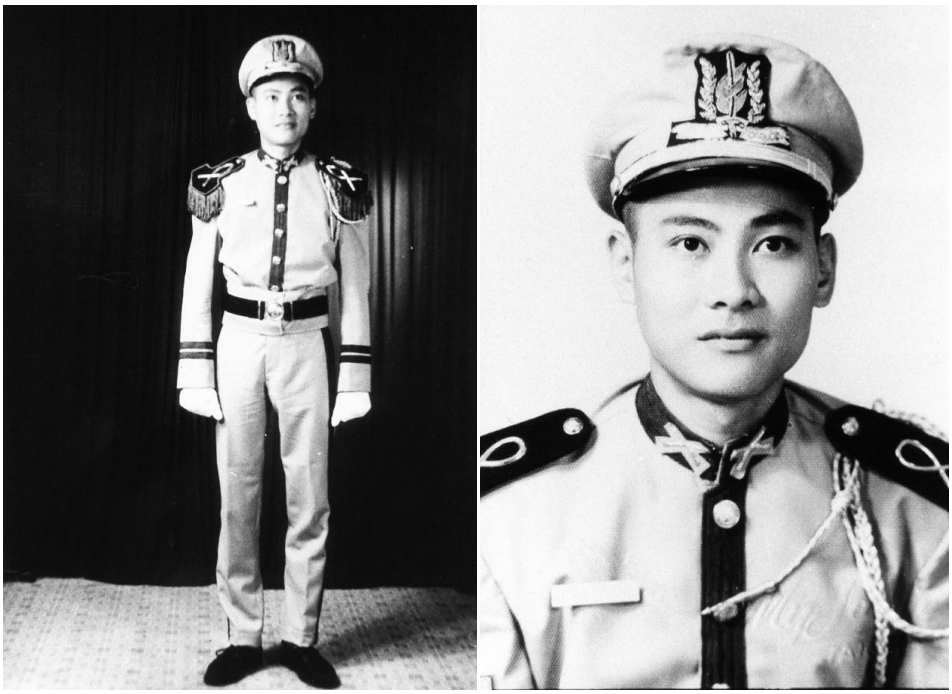

H 89, 90: Thầy Đào Đức Chương, Sinh viên Sĩ quan khóa 4/68 Quân trường Thủ Đức. Một ngày trong tháng 10- 1968, Đại lễ gắn Alpha, sau 8 tuần thụ huấn Trung Tâm Huấn Luyện Quốc Gia Quang Trung (ở Quán Tre, Hóc Môn) và 8 tuần huấn nhục ở Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức, rồi vẫn tiếp tục thụ huấn cho đến ngày tốt nghiệp.

- Niên khóa 1968 - 1969, tình trạng thiếu thầy dạy trầm trọng, các giờ học bị giảm bớt, Trường phải thu nhận nhiều nữ giáo sư tư nhân dạy giờ, qua sự chấp thuận của Bộ Giáo Dục bằng Sự Vụ Lệnh, để bù đắp số thầy đang thi hành lệnh Tổng động viên.

- Niên khóa 1969 - 1970, các thầy từ quân ngũ lần lượt được trở về dạy lại. Trường không những đón nhận các giáo sư cũ, mà còn có thêm nhiều giáo sư mới do Nha Trung Học bổ tới. Niên khóa này Trường mở đến 14 lớp, gồm: 5 lớp Sáu, 3 lớp Bảy, 3 lớp Tám, và 3 lớp Chín.

- Niên khóa 1970 - 1971, Trường tăng lên 17 lớp, gồm: 6 lớp Sáu, 5 lớp Bảy, 3 lớp Tám, 3 lớp Chín. Vì số lớp đông, Bộ Giáo Dục cử Thầy Đào Đức Chương giữ chức Tổng Giám Thị [63]. Thầy Lê Nhữ Tri vẫn làm Hiệu trưởng. Lúc này, đang xây cất dãy phòng phía Nam, là dãy lớp chính (song song với

đường lộ qua một sân rộng), cũng bằng vật liệu nặng bê tông cốt sắt [64]. Các dãy phòng kết thành hình chữ U, viền ba cạnh của sân trường.

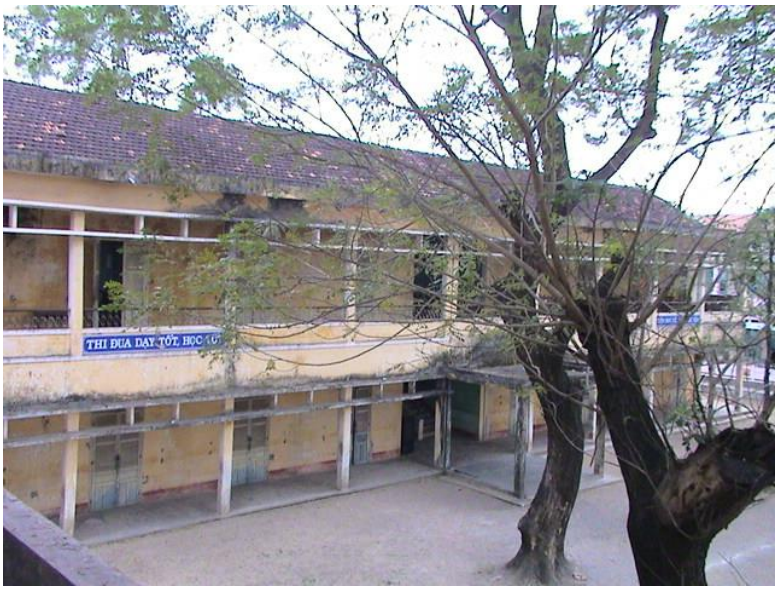

H 91: Một trong 5 dãy phòng của trường Trung Học Đào Duy Tư cũ, chụp sau năm 1975. (Ảnh: thpt.annhon1-binhdinh.edj.vn)

- Niên khóa 1971 - 1972, Trường tăng 25 lớp vì mở đến 8 lớp Sáu và 3 lớp Mười, gồm: 8/ Sáu, 6/ Bảy, 5/ Tám, 3/ Chín, 3/ Mười (2A+ 1B).

Kỳ thi vào lớp 6, do điều kiện phòng ốc, Trường định mở 6 lớp Sáu như năm trước. Nhưng theo bảng kê điểm của thí sinh, phần lớn con em của binh sĩ Sư Đoàn 22, đóng tại Tháp Bánh Ít, chỉ đỗ ở hạng dự khuyết, khó có cơ hội vào học. Ông Hiệu trưởng Trường Tiểu Học Quân Đội cam kết: nếu Trung Học Công Lập An Nhơn lấy thêm 2 lớp Sáu nữa, để tất cả thí sinh đỗ dự khuyết của binh sĩ được vào trường công, họ sẽ lo việc đổ đất nâng cao sân trường.

Nhưng điều quan trọng, là phải có ngân sách cho việc mở thêm 2 lớp sáu. Ngay ngày hôm sau, nhà trường cử Thầy Đào Đức Chương, với tư cách là Tổng Giám thị, mang Công Vụ lệnh, vào Nha Trung Học ở số 7 đường Nguyễn Bỉnh Khiêm Sài Gòn, yết kiến ông Giám đốc Đàm Xuân Thiều, trình bày sự việc. Chuyến đi thành công, vì được sự chấp thuận của Nha Trung Học và cho xúc tiến ngân sách xây tầng lầu dãy phòng phía Nam.

Trường chính thức có thêm 2 lớp Sáu (6+2=8). Đoàn xe công binh của Sư Đoàn 22 nối nhau, đổ đất suốt mấy ngày liền, và dùng cơ giới san bằng phẳng. Từ đó, sân trường trở nên cao ráo, thầy trò thoát cảnh lội nước khi trời mưa lớn.

Cũng từ niên khóa này, Trung Học Công Lập An Nhơn được phép mở các lớp Đệ Nhị cấp, nên bắt đầu có Giám học và Bộ Giáo Dục cử thầy Hồ Sĩ Phùng giữ chức Giám học của trường [65].

- Niên khóa 1972 - 1973, là niên khóa Trường có nhiều thay đổi về thành phần Ban Giám đốc, về danh xưng Trường, và phát triển lớp:

Trường tăng 33 lớp (từ 1971 đến 1973 tăng 16 lớp), trong đó có 6 lớp Đệ Nhị cấp.

Hiệu trưởng Lê Nhữ Tri xin chuyển về Trung Học Cường Để Qui Nhơn. Ngày 2- 12- 1972, ông Nguyễn Thanh Liêm, Phụ tá Đặc biệt Tổng Trưởng Bộ Giáo Dục, ký Sự vụ lệnh số 3720-GD/NV/2P/SVL, cử Thầy Hồ Sĩ Phùng làm Xử lý thường vụ Hiệu trưởng, và cử Thầy Đào Đức Chương giữ chức Giám học; ngoài ra, Bộ Giáo dục còn cử Thầy Đỗ Hơn lãnh chức Tổng Giám thị. Rồi ngày 21- 2- 1973, Tổng trưởng Bộ Giáo Dục Ngô Khắc Tỉnh, ký Sự vụ lệnh số 626-GD/NV/2P/SVL cử Thầy Hồ Sĩ Phùng chính thức giữ chức Hiệu trưởng. Cũng trong ngày 21- 2- 1973, Tổng trưởng Bộ Giáo Dục Ngô Khắc Tỉnh, ký Nghị định số 468-GD/NV/2P/NĐ, hợp thức hóa tình trạng hành chánh Thầy Đào Đức Chương làm Giám học. Và đến ngày 10- 4- 1973, ông Tổng trưởng Ngô Khắc Tỉnh, ký Nghị định 896-GD/NV/2P/NĐ, hợp thức hóa tình trạng hành chánh thầy Hồ Sĩ Phùng làm Hiệu trưởng.

Nhằm khuyến khích học sinh noi theo tấm gương sáng của tiền nhân, cũng từ niên khóa 1972 - 1973, Bộ Giáo Dục muốn các trường Trường học Công lập còn mang tên theo địa danh, nay được thay thế bằng tên danh nhân nước Việt. Bộ đã gửi công văn đến mỗi trường yêu cầu chọn ba danh nhân được bản trường cho là có ý nghĩa nhất, với điều kiện không trùng tên trường khác đã đặt trước. Trường Trung học Công lập An Nhơn đã gửi văn thư phúc trình đề cử 3 danh nhân văn học có liên quan đến Tỉnh nhà. Đó là Đào Duy Từ (陶維慈; 1572 - 1634) người huyện Bồng Sơn, Ngô Tùng Châu (吳從周; 1752 - 1801) người huyện Phù Ly, và Đặng Đức Siêu (鄧德超; 1751 - 1810) người huyện Bồng Sơn, có kèm theo tiểu sử. Qua kết quả của Hội đồng duyệt xét, Bộ Giáo Dục ra Nghị định chọn danh nhân Đào Duy Từ làm tên chính thức thay thế cho tên cũ là Trường Trung Học Công lập An Nhơn.

<u>H 92</u>: Huy hiệu bằng vải thêu, nhà trường phát cho học sinh may cố định trên áo đồng phục.

Kể từ năm 1973, trường này có tên mới được gọi đầy đủ là Trường Trung Học Công Lập Đệ Nhị Cấp Đào Duy Từ An Nhơn, Bình Định; nhưng thường gọi tắt là Trường Trung Học Đào Duy Từ An Nhơn. Trường cũng quyết định lấy ngày giỗ Đào Duy Từ tức 17 tháng 10 âm lịch làm ngày Truyền Thống Học Đường, hằng năm Trường tổ chức lễ tưởng niệm đến vị Danh nhân này.

- Niên khóa 1973 - 1974, Trường có 12/ Sáu, 8/ Bảy, 8/ Tám, 6/ Chín, 5/ Mười (2A+ 2B+ 1C), 3/ Mười một (1A+2B), 3/ Mười hai (2A+1B). Với 45 lớp, trong đó 11 lớp Đệ Nhị cấp và đủ 3 ban ABC, Trường được Bộ Giáo Dục cung cấp một Ban Giám Đốc đầy đủ (5 người), ngoài 3 người cũ, còn có thêm Thầy Hồ Sĩ Nhơn giữ chức Phụ tá Giám học, và Thầy Nguyễn Văn Nhung làm Phụ tá Tổng Giám thị. Trong niên khóa này, dãy nhà đúc phía Bắc, hai bên cổng vào, tiến hành xây cất.

H 93: Ngày 30- 11- 1974, Trường Trung Học Đào Duy Từ cử hành lễ giỗ Lộc Khê Hầu (ngày 17 tháng 10 Âm lịch) tại sân Trường.

- Niên khóa 1974 - 1975, năm học cuối cùng, Trường phát triển 56 lớp: 14 lớp Sáu, 12 lớp Bảy, 8 lớp Tám, 8 lớp Chín, 6 lớp Mười (2A+ 3B+ 1C), 5 lớp Mười một (2A+ 2B+ 1C), và 3 lớp Mười hai (1A+ 2B). Dự trù niên khóa tới (1975 - 1976), Trường không mở lớp Sáu, như vậy, các lớp Đệ Nhất cấp (lớp 6, 7, 8, 9) sau 4 niên khóa sẽ không còn nữa. Thay vào đó, Trường phát triển nhanh các lớp Đệ Nhị cấp, nhất là mở thêm nhiều lớp Mười hai, để tiếp nhận học sinh lên lớp 12, từ các trường Trung Học Phù Cát và Trung Học Phù Mỹ chuyển đến [66]. Tính đến niên khóa 1974 - 1975, Trung Học Đào Duy Từ lớn hàng thứ hai toàn tỉnh (56 lớp), chỉ sau Trung Học Cường Để (65 lớp).

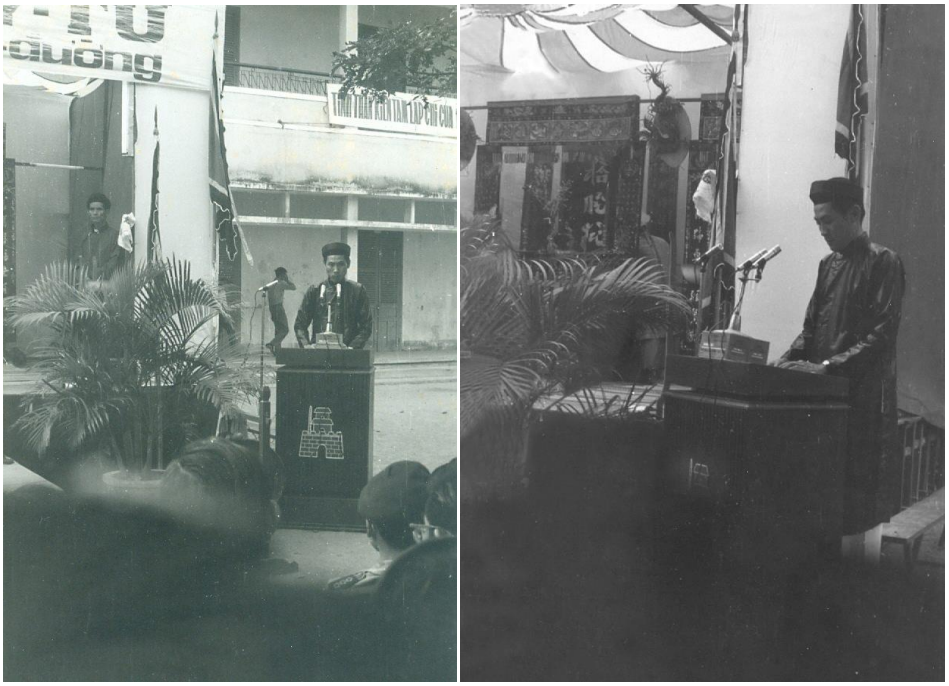

H 94, 95: Thầy Đào Đức Chương thuyết trình
Cuộc Đời và Sự Nghiệp Đào Duy Từ trong buổi lễ (30- 11- 1974)

c/ Thành phần nhân sự:

Theo Sự Vụ Lệnh số 3614/SHC/BD/NV/SVL ký ngày 24- 12- 1973 của Chánh Sự Vụ Sở Học Chánh Bình Định - Qui Nhơn (hiện còn lưu giữ), niên khóa 1973 - 1974 trường Trung Học Đào Duy Từ có 58 Thầy, Cô dạy thêm giờ phụ.

- Giáo sư Chánh ngạch, 24 vị, gồm các Thầy, Cô:

Hồ Sĩ Phùng (Hiệu trưởng), Đào Đức Chương (Giám học), Hồ Sĩ Nhơn (Phụ tá Giám học), Đỗ Hơn (Tổng Giám thị), Nguyễn Văn Nhung (Phụ tá Tổng Giám thị).

Dương Thị Phương (Quốc văn), Đoàn Phạm Túy Linh (Quốc văn), Hồ Ngọc Thỉ (Sử Địa), Huỳnh Đinh (Pháp văn), Lâm Bá (Lý Hóa), Lê Đình Trắc (Sử Địa), Lê Nở (Pháp văn), Lê Thị Châu (Lý Hóa), Lê Văn Thái (Anh văn), Lưu Đình Thọ (Anh văn), Nguyễn Bá Trình (Toán, Lý Hóa), Nguyễn Cương (Quốc văn), Nguyễn Dần (Sử Địa), Nguyễn Trung Định (Toán), Tô Trần Giám (Toán), Trần Lội (Toán), Trương Hữu Chưởng (Lý Hóa), Võ Hữu Bổng (Toán), Võ Phi Hoành (Anh văn).

- Giáo sư Lương khoán, 2 vị, gồm các Thầy: Hoàng Văn Xê (Toán), Trần Tịnh Sơn (Toán).

- Giáo sư Dạy giờ, 24 vị, gồm các Thầy, Cô:

Bùi Chí Đống (Pháp văn), Bùi Thị Ân (Quốc văn), Bùi Văn Thân (Triết lý), Châu Thị Kim Châu (Sử Địa), Diệp Thị Minh Thoa (Vạn vật), Hồ Thị Thanh Hà (Vạn vật), Lưu Thị Sự (Anh văn), Mạnh Thị Hạ Liên (Quốc văn), Nguyễn Mạo

(Toán, Lý Hóa), Nguyễn Trí Quang (Pháp văn), Nhữ Đình Thân (Pháp văn), Phạm Đình Khương (Hội họa), Phạm Lê Cảnh (Anh văn), Phạm Thị Ánh Nguyệt (Anh văn), Phạm Thị Bích Ngọc (Nữ công Gia chánh), Phạm Thị Diên (Vạn vật), Nguyễn Thị Thái Nhĩ (Nữ công Gia chánh), Trần Đình Giác (Âm nhạc), Trần Ngọc Cam (Anh văn), Trần Tăng Mạnh (Âm nhạc), Trần Thị Mộng Vân (Quốc văn), Trần Xuân Phong (Quốc văn), Võ Khắc Cần (Lý Hóa), Võ Xuân Phương (Lý Hóa).

- Giáo viên Tiểu học (có bằng Tú tài II) dạy giờ phụ, 6 vị, gồm các Thầy:

Lê Đình Lộc (Sử Địa), Ngô Xuân Nghiêm (Quốc văn), Nguyễn Chi Kiều (Toán), Nguyễn Văn Dẫn (Sử Địa), Nguyễn Xuân Phượng (Công dân), Trần Đình Diêu (Công dân).

- Nhân viên văn phòng kiêm Giám thị có dạy giờ phụ: Lương Văn Phú (Công dân), Trần Hữu Trí (Sử Địa).

- Nhân viên văn phòng kiêm Giám thị: Nguyễn Văn Tường (Học vụ), Cao Ngọc Anh (Hành chánh), Trần Đình Phương (Thư ký tổng quát), và Phạm Thị Bích Ngà (dạy thêm Nữ công).

- Tùy phái: Nguyễn Văn Trọng.

- Lao công: Hà Xe, Nguyễn Văn Anh, Trần Diên, Võ Ngọc Huấn.

Trở lại vấn đề Ban Giảng Huấn niên khóa 1973 – 1974, trên thực tế số giáo sư của Trường phải nhiều hơn gấp một lần rưỡi, vì nhiều vị chánh ngạch đã có giờ ở trường tư, hay vì một lý do khác, nên chỉ dạy đúng số giờ quy định (mỗi tuần 16 giờ cho Đệ Nhị cấp, hay 18 giờ cho Đệ Nhất cấp), không nhận dạy giờ phụ. Chẳng hạn như các Thầy: Đồng Xuân Thọ, Hoàng Thị Minh Hương (Lý Hóa), Ngô Văn Tỏ, Võ Ngọc Lam,…

Ban Giảng Huấn của Trường Trung Học Đào Duy Từ còn có những người đã từng là học sinh Trường Trung Học Bán Công hay Công Lập An Nhơn, sau khi đỗ Tú tài Phần II và trải qua một năm Đại học, được Trường đề nghị và Bộ Giáo Dục chấp thuận bằng một Sự Vụ Lệnh làm Giáo sư Tư nhân Dạy giờ. Chẳng hạn như: Diệp Thị Minh Thoa, Lưu Thị Sự, Phạm Thị Ánh Nguyệt, Trần Ngọc Cam (đỗ nhiều chứng chỉ Đại học Anh Văn), Trần Thị Mộng Vân, Võ Xuân Phương (đỗ 1 chứng chỉ Vật lý Địa cầu), …

Vấn đề giáo sư chuyển đến và chuyển đi, hầu như niên khóa nào cũng có, thường đến vào dịp khai giảng, và ra đi vào dịp nghỉ hè. Với quá khứ trên dưới nửa thế kỷ, nay lục tìm trong trí nhớ, có thể còn sai sót.

Niên khóa 1972 - 1973, Thầy Lê Nhữ Tri (Hiệu trưởng) xin chuyển về lại trường Trung Học Cường Để vào đầu niên khóa. Ngoài ra, có Cô Trịnh Thị Bích Hương dạy Pháp văn vài niên khóa rồi chuyển vào Nam, Cô Lê Thị Lệ Hương dạy Sử địa vài tháng cũng xin chuyển ra Đà Nẵng theo chồng. Thêm vào đó, còn có các Thầy: Phạm Quang Huy dạy Việt văn, Phan Văn Bảnh dạy Lý hóa, Huỳnh Văn Đằng… tất cả đều rời trường vào cuối niên khóa này.

Các niên khóa trước nữa còn có các Thầy, Cô như: Đinh Thị Kim Quy (Lý Hóa), Hà Văn Thạnh (Lý Hóa), Nguyễn Đình Yến, Nguyễn Túc (Anh văn), Nguyễn Thị Hòa (Vạn vật), Nguyễn Văn Hùng (Pháp văn), Phạm Xuân Ẩn (Quốc văn), Tôn Nữ Thanh Tùng, Trần Gia Thùy đều xin chuyển về Trường Trung Học Cường Để hoặc Nữ Trung Học ở Qui Nhơn. Ngoài ra còn vài Giáo sư nữa ở Sài Gòn hoặc các tỉnh khác, đơn cử như Bùi Hữu Chẩn (Quốc văn), và vài vị khác (không nhớ hết) đã được thuyên chuyển về các trường gần quê quán của họ.

- Niên khóa 1974 - 1975, năm học cuối cùng, Trường có thêm một số Giáo sư tư nhân dạy giờ, gồm: Cao Xuân Hải, Đinh Ngọc Thân, Hồ Ân (Pháp Văn), Huỳnh Thiên Hương, Lê Văn Thảo, Tôn Thất Biên, Trần Đình Trúc (Quốc văn), Võ Hữu (?) Nho, Vũ Xuân Trinh,… Ngoài ra còn có vài vị Giáo sư chánh ngạch nữa, nhưng không nhớ.

Theo cấp số quy định, cứ 2 lớp học phải có 3 giáo sư, vậy trường Trung học Đào Duy Từ trong niên khóa 1974 - 1975, riêng Ban Giảng Huấn có 84 vị; nếu tính cả Ban Giám Đốc (5), nhân viên văn phòng (6), tùy phái (1) và lao công (4), tất cả là 100 vị.

c/ Cơ sở trường ốc:

Suốt 4 niên khóa liền từ ngày thành lập (1961 - 1965), trường Trung Học Công Lập An Nhơn chưa có cơ sở riêng, phải tá túc trong Trường Bán Công. Đồng thời đáp ứng với số lớp mỗi niên khóa một tăng, Trường cần phải mượn thêm phòng học ở Hiệp Hội Nông Dân và khu nhà tranh trước Quận Đường.

Niên khóa 1965 - 1966, Trường được cấp khoảnh đất rộng, gần cửa Tây thành Bình Định cũ, và đối diện với Trường Tiểu Học quận lỵ. Cơ sở này, phía Đông có 3 phòng học, vách xây, lợp tôn. Dãy phòng này liên kết với một nhà rộng ngăn làm 3 căn: phòng ngoài rộng gấp đôi dùng làm phòng giáo sư và văn phòng; hai phòng trong, một dùng làm phòng Hiệu trưởng, và một dùng làm nơi chứa văn thư.

Ba niên khóa tiếp (1965 - 1968), trường Trung Học Công Lập An Nhơn mặc dù đã có cơ sở và đang xây thêm hai phòng học nữa ở phía Tây, nhưng vẫn không đủ chứa số lớp gia tăng, nên hai lớp Đệ tứ còn phải dạy tại trường Bán Công.

Niên khóa 1971 - 1972, Trường xây xong dãy nhà lầu phía Nam, gồm 12 phòng đúc. Trường dùng một phòng trệt ở đầu phía Đông, ngăn đôi, nửa ngoài làm phòng Giáo sư, nửa trong làm phòng Giám học và Tổng Giám thị. Còn phòng Hiệu trưởng và Nhân viên văn phòng vẫn ở vị trí cũ.

Niên khóa 1972 - 1973, xây xong tầng trệt của dãy phòng đúc phía Đông Bắc, gồm 3 phòng; dùng 1 phòng đầu phía Đông, làm phòng Tổng Giám thị và Nhân viên văn phòng. Chuyển phòng Giám học và phòng Giáo sư về lại khu nhà

Văn phòng cũ. Vậy từ năm 1973 đến năm 1975, khu nhà văn phòng được chia làm 3 căn: phòng ngoài rộng gấp đôi dành cho Giáo sư, phòng trong phía Nam dành cho Hiệu trưởng, phòng trong phía Bắc dành cho Giám học và phụ tá Giám học.

Trường Trung Học Đào Duy Từ có 5 dãy phòng, gồm 2 dãy lầu [67] và 2 dãy nhà trệt, nằm dọc theo 4 cạnh khuôn viên trường, và 1 dãy nhà tôn (3 phòng) được Quân đội hiến tặng khoảng năm 1972, ở phía sau và thẳng góc với dãy phòng phía Nam.

Tóm lại, tính đến tháng tư năm 1975, Trường Trung Học Công Lập Đệ Nhị Cấp Đào Duy Từ đã có 56 lớp, gồm: 14 lớp Sáu, 12 lớp Bảy, 8 lớp Tám, 8 lớp Chín (42 lớp Đệ Nhất cấp); và 6 lớp Mười, 5 lớp Mười một, 3 lớp Mười hai (14 lớp Đệ Nhị cấp, mở đủ các ban A, B, C); với chừng 2800 học sinh. Và điều hành bởi một lực lượng nhân sự 100 người, gồm: Ban Giám đốc: 5 vị, Ban Giảng huấn: chừng 84 vị (tính theo nguyên tắc cứ 2 lớp phải có 3 thầy dạy), Nhân viên văn phòng và Giám thị: 6 vị, Tùy phái và Lao công 5 vị. Hơn nữa, Trung Học Đào Duy Từ An Nhơn đang trên đà phát triển nhanh chóng chuẩn bị cho việc Qui Nhơn sẽ lên cấp thành phố và tách ra khỏi tỉnh Bình Định, thành hai đơn vị hành chánh là thành phố Qui Nhơn và tỉnh Bình Định, cả hai đều trực thuộc Trung ương. Khi ấy, Tòa Hành chánh tỉnh Bình Định sẽ đóng tại địa bàn thành Bình Định ngày xưa, và trường Trung Học Đào Duy Từ sẽ là Trường Tỉnh.

Nhưng có ai ngờ, tính từ lần tưởng niệm Đào Duy Từ vào ngày 30 tháng 11 năm 1974 nhằm ngày 17- 10- Giáp Thân, là lần tưởng niệm đầu tiên và cũng là lần tưởng niệm cuối cùng; vì chỉ 5 tháng sau ngôi trường thân yêu gồm 56 lớp đang trên đà phát triển, đã bị xóa tên và thay đổi toàn bộ thành phần nhân sự!

Thế nhưng, với một nền giáo dục mang triết lý đậm nét Dân tộc, Nhân bản, Khai phóng và Khoa học, đã đi vào lòng những cựu học học và dư âm ngày cũ mãi còn. Để tưởng nhớ các Thầy Cô và bạn bè Trường xưa Bạn cũ, một nhóm cựu học sinh Liên trường Bán Công và Công Lập An Nhơn sinh sống ở Sài Gòn, hằng năm cứ đến ngày Nhà Giáo Việt Nam (ngày 20 tháng 11) tổ chức họp mặt.

<u>H 96, trái</u>: Thầy Hồ Sĩ Phùng (HT từ 1972-1975) và Thầy Lê Nhữ Tri (HT từ 1964-1972) tham dự Ngày Nhà Giáo tổ chức tại Sài Gòn khoảng năm 2007, do một nhóm cựu học sinh Trung Học Bán Công và Công Lập An Nhơn tổ chức.

<u>H 97, phải</u>: Tháng 4 năm 2008, Thầy Lê Nhữ Tri về thăm Trường Trung Học Đào Duy Từ ngày cũ, nay đã đổi tên là Trung Học Phổ Thông Số 1 An Nhơn. Ảnh chụp Thầy đứng giữa sân trường, trước dãy phòng chính được xây dựng tầng trệt trong niên khóa 1970-1971, và hoàn thành tầng lầu trong niên khóa 1971-1972, lúc Thầy làm Hiệu Trưởng.

29 - Trung Học Bán Công An Nhơn:

Khoảng năm 1958, ông Nguyễn Hào đương kim Quận Trưởng quận An Nhơn, muốn có một trường Trung học công lập tại quận nhà để con em trong quận khi vào Đệ thất tuổi còn nhỏ khỏi đi xa nhà và phải trọ học quá tốn kém. Nhưng lúc ấy Bộ Giáo Dục chưa đủ ngân sách mở các trường Trung học cho mỗi quận. Vì thế, ông Nguyễn Hào xoay qua xúc tiến mô hình trường Bán công. Đầu tiên là phải có cơ sở trường ốc thì Bộ Giáo Dục mới cấp giấy phép, bằng cách huy động dân chúng toàn quận An Nhơn đóng góp xây cất một ngôi trường bằng vật liệu kiên cố. Đề nghị này được Ủy ban Hành chánh các xã trong quận hưởng ứng và dân chúng hoan nghênh, nên chỉ trong một thời gian ngắn, số tiền đóng góp đủ để xây cất một ngôi trường khang trang và sắm sửa học cụ. Trường khởi công xây dựng vào năm 1959 đến năm sau thì hoàn thành với kinh phí khoảng 1.300.000 đồng [68].

<u>H 98, trái</u>: Ngôi trường Trung Học Bán Công An Nhơn, khánh thành 1960, ảnh chụp 1963. Trường có 8 phòng, gồm: 7 phòng học, 1 phòng vừa dùng làm Văn phòng vừa làm phòng Hiệu trưởng và phòng Giáo sư.

<u>H 99, mặt</u>: Trang bìa Đặc San thứ 2 của Trung Học Bán Công An Nhơn. Đặc san dày 70 trang, khổ giấy 20 x 25 cm. Thầy Trần Đình Giác (dạy nhạc và hội họa) vẽ

hình bìa. Nhà trường tự túc in ấn, bằng phương pháp thủ công, Thầy Bùi Thế Võ (nhân viên văn phòng) đánh máy bài vở trên giấy sáp stencil, rồi ông Tường (lao công) in ra giấy bằng cách quay ronéo.

Tòa nhà được kiến trúc bằng vật liệu nặng, lầu 1 tầng, lợp ngói, gồm 8 phòng học, hai đầu đều có phòng vệ sinh, mỗi tầng có hành lang rộng nối các phòng. Trường quay mặt về hướng Nam, nằm giữa khoảnh đất vuông vức, rộng độ 2.000 m², sát cạnh phía Tây của Quận Đường An Nhơn. Và bắt đầu hoạt động từ niên khoá 1960 - 1961, được hợp thức hóa do Nghị định số 1184-GD/NV/NĐ ký ngày 27- 7- 1960, bổ túc bởi giấy phép số 381-GD/NV/5 ký ngày 21- 5- 1962 của Bộ Giáo Dục [69].

Dưới sự điều hành của Thầy Phạm Ngọc Bích, Hiệu trưởng Liên trường Trung Học Công Lập và Bán Công An Nhơn, Bình Định, Lễ Khai giảng niên khóa 1963 - 1964, được tổ chức quy củ, học sinh của hai Trường đều đồng phục trắng (xem hình 100 và 101)

H 100: Ảnh chụp từ cổng trường, một số Giáo sư trong Ban Giảng Huấn của hai Trường có mặt ngày khai giảng, niên khóa 1963-1964.

H 101: Ảnh chụp từ cổng trường, đội hình Liên trường Trung Học Công Lập và Bán Công An Nhơn, trong ngày Lễ Khai giảng niên khóa 1963-1964.

Ngay cả mỗi buổi sáng đầu tuần làm lễ chào cờ học sinh cũng đồng phục màu trắng, và sắp hàng ngay ngắn theo đơn vị lớp có bảng chỉ dẫn. Các ngày khác, học sinh đi học chỉ đồng phục áo trắng quần xanh. Trong ngày đầu tuần Trường cũng khuyến khích Giáo sư có mặt, và đều thắt cà vạt (xem hình 102).

H 102: Giáo sư và học sinh liên trường Trung Học Công Lập và Bán Công An Nhơn tại sân trường Bán Công, niên khóa 1963-1964, làm lễ chào Quốc kỳ mỗi sáng thứ hai.

H 103, trái: Thầy Đào Đức Chương và thầy Trần Tăng Mạnh tại sânTrường Bán Công trong sáng Chủ nhật ngày 18- 11- 1962.

H 104, phải: Hai thầy Đào Đức Chương và Hồ Sĩ Phùng trong ngày ngày khai giảng, niên khóa 1963 - 1964.

Về điều kiện nhập học, Trung Học Bán Công An Nhơn thu nhận tất cả học sinh từ lớp Đệ thất đến Đệ nhị, nhằm giúp đỡ cho những người hiếu học nhưng không có cơ hội vào trường Công lập. Muốn vào học, chỉ cần nộp hồ sơ cá nhân (đơn xin, giấy khai sinh, học bạ hay chứng chỉ học trình) và đóng học phí vào mỗi đầu tháng. Tuy vậy, học phí có phần nhẹ hơn giá biểu ở trường tư. Đối với học sinh nghèo không nơi nương tựa, học chăm chỉ và hạnh kiểm tốt, được cấp

học bỗng, hoặc miễn học phí. Ngoài ra, tu sĩ các tôn giáo vào học cũng được miễn phí.

Từ 1960 đến 1975, trong 15 niên khóa, Trường trải qua 10 đời Hiệu trưởng: Đầu tiên là thầy Bùi Văn Lăng, một nhà giáo lão thành, tốt nghiệp Cao Đẳng Sư Phạm Hà Nội và trứ tác nhiều tác phẩm văn học có giá trị. Khi Thầy qua đời, từ đấy trường Trung Học Cường Để cử giáo sư lên kế nhiệm chức vụ này, lần lượt có các thầy: Dương Văn Lộc và Nguyễn Văn Độ (1961 - 1962), Phạm Ngọc Bích (1962 - 1963), Trần Quốc Sủng (1963 - 1964), Lê Nhữ Tri (1964 - 1965), Nguyễn Kim Ba (1965 - 1967), Trần Thúc Bửu (1967- 1968), Trần Quốc Sủng (1968 - 1973), Lê Văn Dung (1973 - 1975). Các niên khóa từ năm 1961 đến 1965, các vị Hiệu trưởng Trung Học Bán Công kiêm nhiệm cả chức Hiệu trưởng Trung Học Công Lập An Nhơn. Từ niên khóa 1965 - 1966, hai trường tách ra, Trung Học Cường Để cử thầy Nguyễn Kim Ba làm Hiệu trưởng Trường Bán Công, thầy Lê Nhữ Tri vẫn giữ Hiệu trưởng Trường Công Lập [70].

H 105, 106: Một lớp học của trường Bán Công trong giờ Quốc văn của Thầy Đào Đức Chương niên khóa 1962-1963.

Mùa xuân năm 1963, sau nhiều ngày mưa dầm, cỏ dại mọc cao trong khuôn viên trường. Nhà trường tổ chức buổi tổng vệ sinh toàn trường, từ ngoài sân đến lớp học.

H 107, 108: Thầy Đào Đức Chương và thầy Trần Tăng Mạnh

hướng dẫn học sinh giẫy cỏ sân trước trường, phía Đông.

H 109, 110: Nữ sinh dọn dẹp rác và xác cỏ dại,
nam sinh dùng cuốc di chuyển tảng đá vào sát bờ rào.

H 111, 112: Giẫy cỏ dại sân sau Trường Trung Học Bán Công.

H 113: Làm xong công tác, Thầy trò ngồi nghỉ, lấy lại sức.

Ngoài việc dạy học tại lớp tại trường, Thầy trò trường Trung học Bán Công An Nhơn còn tổ chức các cuộc du ngoạn vào dịp nghỉ Tết, nghỉ hè, để học

sinh mở mang sự hiểu biết về nền văn hóa tỉnh nhà nói riêng và dân tộc Việt Nam nói chung.

Vào cuối tháng 4 năm 1964, mãn niên khóa 1963 - 1964, Thầy Đào Đức Chương cùng học sinh Trung Học Bán Công đến thị tứ An Thái xã Nhơn Phúc thăm phụ huynh và tìm hiểu cách làm bún song thằng, một đặc san của An Thái mà không nơi nào làm được (hình 114).

H 114, trái: Thầy Đào Đức Chương cùng học sinh trên đường đến thăm thị tứ An Thái.

H 115, phải: Thầy trò ngồi nghỉ chân dưới bóng cây ven đường. Hàng ngồi, từ trái, người thứ hai là Thầy Đào Đức Chương.

Năm sau, cũng vào cuối tháng tư, mãn niên khóa 1964 - 1965, Thầy Đào Đức Chương và học sinh Bán Công đến thăm Chùa Thập Tháp. Một ngôi chùa cổ tồn tại đã 3 thế kỷ. Nguyên vào năm Ất Tỵ (1665), đời Lê Huyền Tông niên hiệu Cảnh Trị thứ 3, tương đương năm thứ 17 chúa Nguyễn Phúc Tần, có một thiền sư người Trung Hoa, pháp danh Nguyên Thiều (元韶, 1648-1728), thuộc dòng Lâm Tế (臨 濟), trên đường vân du sang Việt Nam, nhìn thấy trên đồi Long Bích có 10 ngọn tháp Champa đã bị hoang tàn đổ nát, nhưng cảnh trí vẫn núi sông thanh tú. Ngài bèn dựng chùa trên đồi làm cơ sở hoằng đạo, và lấy địa danh đặt tên cho ngôi chùa (hình 116).

Cùng ngày thăm Chùa Thập Tháp, Thầy trò cũng ghé thăm tháp Cánh Tiên. Ngọn tháp nằm trên đỉnh một quả đồi cao 25m ở trung tâm thành Đồ Bàn, cố đô xưa của vương quốc Champa, nay thuộc thôn Nam An, xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn. Trong số những tháp cổ Champa còn lại ở tỉnh Bình Định, tháp Cánh Tiên không chỉ là một trong những kiến trúc còn khá nguyên vẹn, mà còn thuộc nhóm những cụm tháp ít thấy trong lịch sử kiến trúc Champa. Về hình thức, tháp cao gần 20 mét, có bốn cửa vòm nhọn vút lên mở ra bốn hướng, nhưng chỉ có cửa chính hướng Đông là ăn thông với lòng tháp, còn lại là ba cửa

giả. Từ vai tháp trở lên, bốn góc đều có bốn cánh xòe ra trong tư thế bay lên, bởi thế người đời gọi là Tháp Cánh Tiên (hình 117).

<u>H 116, trái</u>: Thầy Đào Đức Chương dẫn học sinh thăm Chùa Thập Tháp, viếng lăng mộ các vị sư trụ trì.

<u>H 117, phải</u>: Và đến tháp Cánh Tiên ngoạn cảnh.

Cuối niên khóa 1965 - 1966, Liên Trường Bán Công và Công Lập An Nhơn, tổ chức cắm trại tại sân trường Bán Công An Nhơn, vào ngày 18 tháng 5 năm 1966, trong 2 ngày 1 đêm. Liên Trường lập ra Ban Giáo Khảo chấm điểm 10 trại qua các tiêu chuẩn: Dụng lều trại, Trang trí trại, An ninh trại, Sinh hoạt trại, Ẩm thực trại. Kết quả lớp Đệ Lục Bán Công chiếm giải nhất.

Để giữ an toàn cho các trại sinh, từ 9 giờ đêm đến 5 giờ sáng, mọi sự sinh hoạt trong trại phải ngưng lại. Nam sinh, nghỉ qua dêm trong các lều trại của mình và sử dụng hai phòng vệ sinh tầng trệt. Nữ sinh được điểm danh và dồn hết trên lầu, dùng 4 lớp học làm nơi nghỉ ngơi, và sử dụng hai phòng vệ sinh tầng lầu. Các thầy nằm ngay lối đi lên cầu thang, và chia phiên gát đêm, để giữ tình trạng "ngoại bất nhập, nội bất xuất." Ngoài ra, nhà trường còn thành lập đội Trật tự liên trường, các em nam sinh chia phiên đi tuần suốt đêm trong khuôn viên cắm trại và các phòng ở tầng trệt.

<u>H 118</u>, trái: Sân Trường Bán Công, hướng Đông, phía Quận đường, từ trong ra ngoài, có các trại: Lớp Đệ lục A Công lập, Lớp Đệ ngũ Công lập, lớp Đệ thất Bán công, lớp Đệ thất (Pháp văn) Công lập, và lớp Đệ tứ Công lập.

<u>H 119</u>, phải: Sân Trường Bán Công, hướng Tây, phía Trường Tiểu học, từ trong ra ngoài, có các trại: Lớp Đệ lục Bán Công, Đệ lục (Pháp) Công Lập, Lớp Đệ Ngũ Bán Công, Đệ thất (Pháp) Công Lập, Lớp Đệ Tam Bán Công.

<u>H 120, trái</u>: Sân trường phía Đông, lớp Đệ thất Bán Công trong giờ dựng trại.

<u>H 121, phải</u>: Sân trường phía Tây, lớp Đệ lục (Pháp văn) Công lập, đang dựng trại.

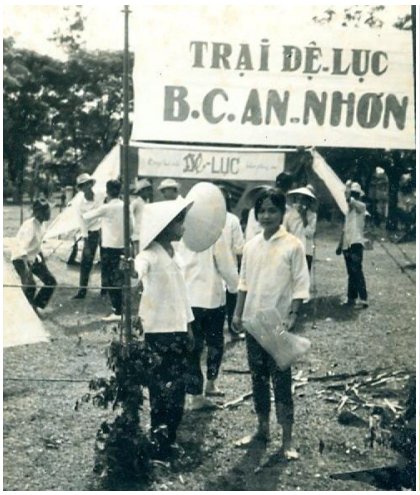

<u>H 122, trái</u>: Sân trường Bán Công phía Tây, Cổng trại lớp Đệ Lục Trường Trung Học Bán Công An Nhơn quay về Đông, vừa dựng xong. Người đứng giữa cổng trại là học sinh Trần Thị Mộng Vân.

Niên khóa 1965-1966, Trần Thị Mộng Vân là học sinh lớp Đệ Lục Trường Trung Học Bán Công An Nhơn. Niên khóa 1971-1972, là sinh viên Trường Đai Học Sài Gòn. Niên khóa 1972-1973, Trần Thị Mộng Vân là giáo sư tư nhân dạy giờ, dạy môn Quốc văn Lớp 6 (tức lớp Đệ thất cũ), tại Trường Trung Học Đào Duy Từ, An Nhơn, Bình Định.

<u>H 123, phải</u>: Lớp Đệ Ngũ Bán Công, ở phía Tây sân trường, trong giờ nghỉ ngơi khi dựng trại xong (ngày 18- 5- 1966).

Ảnh chụp một số Giáo sư Liên trường Bán Công và Công Lập An Nhơn, trên thềm tiền đường Trường Trung Học Bán Công An Nhơn trong ngày mãn khóa niên khóa năm 1965 - 1966.

<u>H 124</u>: Một số Thầy Cô trong ngày bế giảng niên khóa 1965 - 1966:

- Hàng trước: Bùi Hữu Chẩn, Lê Nhữ Tri (HT. Công lập), Lưu Đình Thọ, Nguyễn Kim Ba (HT. Bán công), Đào Đức Chương, Đinh Thị Kim Quy, Nguyễn Văn Hùng.

- Hàng sau: Hoàng Gioan (nhân viên Văn phòng), Thầy Thí (GS, dạy Pháp văn, Bán Công), Nguyễn Túc, Trần Đình Giác, Phạm Xuân Ẩn, Hà Văn Thạnh.

Thành phần Giáo sư Trung Học Bán Công An Nhơn là sự góp nhặt chọn lọc. Ban Giảng huấn của Trường, hầu hết là các vị giáo sư chính thức của các trường công lập trong tỉnh. Nhiều nhất là Giáo sư Trung Học Công Lập An Nhơn, rồi đến GS Trung Học Cường Để (Qui Nhơn); ngoài ra còn có vài vị GS Trung học Kỷ thuật Qui Nhơn, Trung Học Quang Trung (Bình Khê), Tăng Bạt Hổ (Bồng Sơn); được mời đến dạy giờ.

Niên khóa 1969 - 1970, trường có 13 lớp: 3 Đệ thất, 2 Đệ lục, 2 Đệ ngũ, 2 Đệ tứ, 2 Đệ tam và 2 Đệ nhị [71].

Cũng trong niên khóa này, trường xây cất thêm khu nhà văn phòng, nằm phía Tây của sân trường, mặt tiền ngó qua hông của Quận Đường. Ngôi nhà gồm ba gian: căn ngoài (phía Nam và sát đường) là phòng học vụ, căn giữa làm phòng Giáo sư, căn trong (phía Bắc) dành riêng cho Hiệu trưởng và Giám học.

Ngoài ra Trường còn được Sư đoàn Mãnh Hổ của Quân đội Đại Hàn xây dựng và biếu tặng một sân bóng rổ và ngôi nhà rộng tại khuôn viên phía Tây của Trường, dùng tập võ Thái Cực đạo và làm phòng họp đông người, như lễ phát thưởng vào cuối niên khóa.

Niên khóa 1970 - 1971, Trường có chức Giám học, và thầy Nguyễn Mạo được cử giữ chức vụ này cho đến năm 1975.

Từ niên khóa 1972 - 1973, mở thêm lớp 12, vì bỏ thi Tú tài phần 1; học sinh lớp 11 cuối niên học đủ điểm trung bình đương nhiên lên lớp 12.

<u>H 125, trái</u>: Từ trái, Thầy Thọ, HS Thái (Đệ Nhị Bán Công), và Thầy Chương. Ảnh chụp tại khu nhà tranh mượn tạm của Quận làm lớp học cho các lớp Công Lập.

<u>H 126, phải</u>: Lớp Đệ Nhị Bán Công mở tiệc Liên hoan, mời các Thầy đến dự,

trước khi về nghỉ Tết Đinh Mùi (tháng 2- 1967).

30 - Trung Học Thánh Giuse Kim Châu:

Thời ấy, muốn đến Trường này, nếu đi từ Qui Nhơn, hay Diêu Trì, hoặc Phú Phong xuống, đều phải qua cầu Tân An, theo Quốc lộ 1 vào thị trấn Bình Định, qua bến xe hơi, gặp tiệm buôn Thắng Thuận và thấy rạp hát Thanh Châu là rẽ trái. Theo con đường đất rộng, qua Cửa Đông (thành Bình Định cũ), bên tay mặt là hướng Bắc có khu công sở, lần lượt gặp Chi Cảnh Sát, Chi Thông Tin (đối diện với Chi Y Tế), Quận Đường, Trung Học Bán Công, trường Tiểu Học Quận lỵ (đối diện với Trung Học Đào Duy Từ), rồi đến sân Vận Động. Tiếp nữa, qua Cửa Tây, rẽ mặt, theo đường liên quận Phước Hòa (Tuy Phước) - Nhơn Khánh (An Nhơn) - Bình Nghi (Bình Khê), đi chừng hơn một trăm thước lần lượt gặp nhà của ông Trần Diên (lao công Trường Đào Duy Từ) và nhà Thầy Trần Tăng Mạnh (dạy âm nhạc) nằm phía tay phải, rồi tiếp tục đi chừng nửa cây số sẽ gặp Trường Trung Học Thánh Guise, ở bên tay trái.

Trường Trung học Thánh Giuse Kim Châu là những dãy nhà đúc được xây cất từ thời Pháp thuộc, nằm trong khu nhà thờ Kim Châu, xưa thuộc thôn Kim Châu, tổng An Ngãi, phủ An Nhơn; nay là thôn Kim Châu, phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn. Đầu tiên, Trường chỉ mở dạy các lớp bậc tiểu học.

Thời Việt Minh, trường ngưng hoạt động một thời gian.

Thời Việt Nam Cộng Hòa, từ niên khóa 1955 - 1956 hoạt động trở lại. Trường mở dạy các lớp Trung học Đệ Nhất cấp, từ Đệ thất đến Đệ tứ. Học sinh tốt nghiệp (thi đỗ bằng Trung học Đệ Nhất cấp) được chuyển vào học lớp Đệ tam Trường Trung Học Cường Để. Thời kỳ này, Thầy Ambroise Phạm Doanh Châu làm Hiệu trưởng. Tiếp theo là Thầy Marcus Nguyễn Văn Đức (thường gọi là Thầy Mac) kế nhiệm.

Khoảng niên khóa 1966 - 1967 Trường mở thêm các lớp Đệ Nhị cấp: Đệ Tam và Đệ Nhị. Học sinh thi đỗ bằng Tú tài Phần một, sẽ được chuyển đến Trường Trung Học Cường Để vào lớp Đệ nhất.

Từ niên khóa 1972 - 1973, bỏ thi Tú tài bán phần, Trường mở thêm lớp 12 (thay đổi danh xưng lớp từ năm 1970). Giai đoạn này Trường mở các lớp Đệ nhị cấp, Thầy Damien Phan Châu Đại làm Hiệu trưởng, có mời các cựu học sinh của Trường thời học tiểu học như các Thầy Lê Hữu Tuyển, Hồ Sĩ Duy,…về dạy giờ. Và Ban Giám đốc sau cùng, có Thầy Clément Lưu Minh Hoàng làm Hiệu trưởng, Thầy Éma chuyên trách việc học hành và thi cử như chức Giám học.

Thành phần Giáo sư, phần lớn các Sư huynh dòng Thánh Giuse ở Nha Trang ra giảng dạy, ngoài ra có thu nhận một số giáo sư tư nhân dạy giờ. Đặc biệt Trường chỉ thu nhận nam học sinh, và có quy chế nội trú cho những học sinh ở xa. Tuy là trường tư, nhưng Trường này được nổi tiếng về kỷ luật học đường.

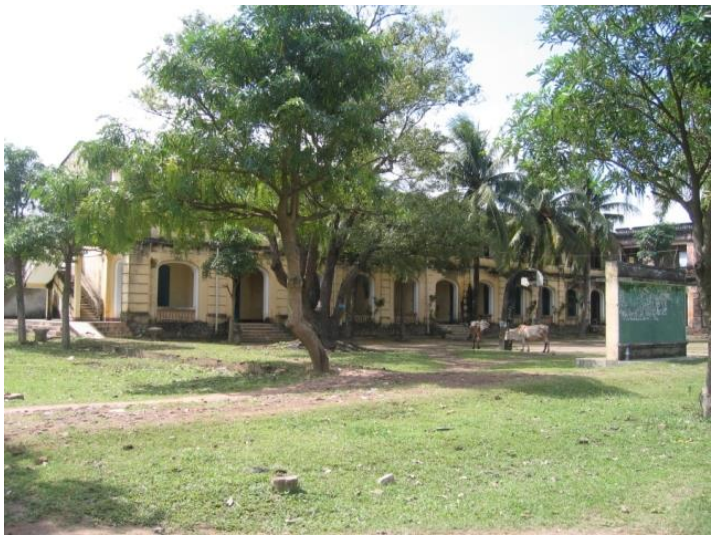

H 127: Trường Trung Học Giuse An Nhơn.
(Ảnh: Trần Quang Kim, Cuongde.org)

Sau biến cố Tháng Tư Đen năm 1975, Trường chấm dứt hoạt động hoàn toàn, nhà nước quản lý cơ sở, trước dạy Bổ túc Văn hóa, sau chuyển sang nhiều cơ quan khác [72].

31 - Trung Học Phạm Đăng Hưng:

Trường Tỉnh hạt Đệ Nhất cấp tại thôn Bằng Châu (憑 洲 村) xã Đập Đá, thành lập năm 1969 với tên gọi Trường Trung Học Đập Đá. Khoảng niên khóa 1972 - 1973, Trường cải danh Trung Học Phạm Đăng Hưng. Cơ sở trường là dãy nhà 2 tầng, cất thành chữ L với 15 phòng, gồm 5 phòng cũ và 10 phòng mới. Ban đầu Trường chỉ có Hiệu trưởng là Võ Bá Tôn, khi phát triển đủ số lớp quy định, trường có thêm Tổng Giám thị là Huỳnh Thưởng, sau nữa có cả Phụ tá Tổng Giám thị là Võ Bá Hà.

Niên khóa 1969 - 1970, trường chỉ có 2 lớp Đệ thất. Niên khóa 1970 - 1971, phát triển thành 4 lớp Sáu và 2 lớp Bảy. Niên khóa 1971 - 1972, tăng lên 10 lớp. Niên khóa 1972 - 1973, trường có 16 lớp, gồm: 6/ Sáu, 4/ Bảy, 4/ Tám, 2/ Chín. Niên khóa 1973 - 1974, trường có 20 lớp. Và niên khóa 1974 - 1975, trường tăng lên 22 lớp, thu nhận gần 1.200 học sinh, gồm: 6/ Sáu, 6/ Bảy, 6/ Tám, 4/ Chín.

32 - Trung Học Tư Thục Tân Phong ở Đập Đá:

Trường thành lập năm 1963, có 6 phòng xây, lợp ngói, tọa lạc trên khoảnh đất gần Trường Tiểu Học Đập Đá. Ông Nguyễn Hữu Thời vừa là sáng lập Trường Tân Phong, vừa là Hiệu trưởng. Niên khóa 1963 - 1964 có 2 lớp Đệ thất, 1 lớp Đệ lục và 1 lớp Đệ ngũ. Niên khóa 1964 - 1965, trường phát triển thành 7 lớp, gồm: 3 Thất, 2 Lục, 1 Ngũ, 1 Tứ. Năm 1965, chiến sự lan tràn, Trường giải tán để

làm nơi tiếp cư cho đồng bào các xã ở vùng Đông Bắc quận An Nhơn như Nhơn Hạnh, Nhơn Phong, Nhơn An đổ về.

33 - Trung Học Bồ Đề Đập Đá:

Cơ sở trường là dãy nhà lợp ngói có 6 phòng học nằm trước sân vận động Đập Đá, gần Chi Hội Phật Giáo, tại thôn Phương Danh, do Thượng tọa Thích Liễu Không sáng lập năm 1964 và mời Thầy Trần Quang Khảo làm Hiệu trưởng, rồi đến Thầy Nguyễn Văn Hùng, và cuối cùng là Thầy Bùi Chí Đống.

Niên khóa đầu, 1964 - 1965, Trường Trung Học Bồ Đề Đập Đá mở 6 lớp, gồm 2 lớp Đệ thất, 2 lớp Đệ lục, 1 lớp Đệ ngũ, 1 lớp Đệ tứ. Niên khóa sau, Trường phát triển 8 lớp, gồm 2 Thất, 2 Lục, 2 Ngũ, 1 Tứ, 1 lớp Đệ tam và hoạt động đến niên khóa 1974 - 1975 mới dứt.

III - QUẬN BÌNH KHÊ: 4 TRƯỜNG

34 - Trung Học Quang Trung:

a - Vị trí:

Trường nằm phía Tây Bắc thị trấn Phú Phong, cách quốc lộ 19 chừng 200 mét về hướng Bắc, cách Quận Đường chừng 1 km về hướng Tây, sát với ngã ba sông. Nơi đây, sông Đá Hàng (tên một phụ lưu của sông Côn, phát nguyên từ vùng núi An Tượng ở Vân Canh chảy về hướng Bắc, vòng qua Hầm Hô rồi đổ ra Phú Phong theo hướng Tây Nam - Đông Bắc), gặp sông Hà Giao (tên của sông Côn ở đầu nguồn) chảy từ Tây Bắc xuống Đông Nam. Khuôn viên trường là một phần đất của hãng Delignon (công ty dệt tơ tằm của Pháp ngày xưa), mặt tiền (hướng Bắc) và mặt hông (hướng Tây) ngó ra sông nên cảnh trí rất thơ mộng.

H 128: Tấm hoành ghi tóm tắt lịch sử Trường.
(Nguồn: nonnuocbinhkhe.blogspot.com)

b - Quá trình hình thành và phát triển:

Trường Trung Học Quang Trung được thành lập vào năm 1965, theo Nghị định số 545/GDTN/NĐ của Bộ Giáo Dục Việt Nam Cộng Hòa. Trước kia, tấm hoành này được trưng bày tại văn phòng, hiện nay còn lưu giữ.

Niên khóa đầu tiên, 1965 - 1966, Trường tuyển sinh 2 lớp Đệ thất, chia lớp theo danh sách học sinh chọn sinh ngữ Anh hoặc Pháp. Về sau, số học sinh chọn môn Pháp văn quá ít, Trường chia lớp theo vị thứ trúng tuyển. Lúc bấy giờ, Trường có tên gọi là Trung Học Bình Khê, nhưng cơ sở Trường chưa có, phải học ở Trường Tiểu Học Quận Lỵ Bình Khê, do thầy Nguyễn Đồng đang là Hiệu trưởng Trường Tiểu Học này kiêm nhiệm Hiệu trưởng Trường Trung Học. Niên khóa 1966 - 1967, Trường phát triển thành 4 lớp: 2 Thất và 2 Lục [73].

Niên khóa 1967 - 1968, Thầy Trần Văn Thái được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng Trường Trung Học này, gồm 6 lớp: 2 Thất, 2 Lục, 2 Ngũ. Trường sở là dãy nhà trệt, gồm 4 phòng, nằm phía Đông của khuôn viên, đối diện với Trường Tiểu Học Quận Lỵ Bình Khê.

Ngày 31- 3- 1967, Trường làm lễ đặt đặt viên đá đầu tiên và khởi công xây dựng dãy phòng bằng vật liệu nặng bê tông cốt sắt. Đến ngày 8- 4- 1968, Trường phối hợp với Bộ Giáo Dục long trong tổ chức khánh thành ngôi trường được mang tên mới: Trường Trung Học Công Lập Quang Trung - Bình Định.

Niên khóa 1968 - 1969, Trường được 8 lớp, và bắt đầu có lớp Đệ tứ.

Niên khóa 1969 - 1970, Trường tuyển 3 lớp Đệ thất, nhưng chưa mở Đệ tam, nên chỉ tăng lên 1 lớp. Khoảng giữa niên khóa này, tên lớp được đổi danh xưng (xem ghi chú 60, trang 100).

Niên khóa 1970 - 1971 tuyển 4 lớp Sáu, Trường có 11 lớp.

Niên khóa 1971 - 1972, Trường phát triển thành 14 lớp, gồm: 5 lớp Sáu, 4 lớp Bảy, 3 lớp Tám, và 2 lớp Chín.

H 129: Một dãy lớp Trung Học Quang Trung ở Bình Khê.
(Nguồn: nonnuocbinhkhe.blogspot.com)

Niên khóa 1972 - 1973, Trường bắt đầu mở các lớp Đệ Nhị cấp, tăng nhanh thành 20 lớp, gồm: 6 lớp Sáu, 5 lớp Bảy, 4 lớp Tám, 3 lớp Chín, và 2 lớp Mười.

Niên khóa 1973 - 1974, có 26 lớp, gồm: 6 lớp Sáu, 6 lớp Bảy, 5 lớp Tám, 4 lớp Chín, 3 lớp Mười, và 2 lớp Mười Một.

Niên khóa 1974 - 1975, Trường phát triển đến 33 lớp, gồm: 7 lớp Sáu, 6 lớp Bảy, 6 lớp Tám, 5 lớp Chín, 4 lớp Mười, 3 lớp Mười Một, và 2 lớp Mười Hai.

c - Xây dựng trường sở:

Niên khóa 1967 - 1968, Trường xây dãy lầu 6 phòng học và 2 phòng hành chánh mặt tiền ngó ra sông, nối với dãy phòng phía Đông thành hình chữ L. Niên khóa 1971 - 1972, trường xây thêm dãy lầu 6 phòng học, nằm phía Tây sân trường. Lúc này, cơ sở trường có ba dãy nhà gồm 18 phòng học, liên kết thành hình chữ môn (門). Ngoài ra, còn một dãy nhà trệt, nằm bên tay phải cổng vào, gồm 3 phòng làm việc, dành cho Hiệu trưởng, Giám học và Giáo sư. Nhận thấy dãy phòng học ở phía Đông là nhà trệt không cân xứng nên Trường định sẽ phá bỏ để thay thế bằng dãy lầu. Ngoài ra trường cũng đã mua đủ kính, dự định hè năm 1975, sẽ thay thế toàn bộ cửa sổ lá sách các phòng, bằng cửa kính cho sáng sủa và ấm áp, trong mùa đông gió bấc phải đóng kín cửa.

H 130: Toàn cảnh Trung Học Quang Trung ở Bình Khê.
(Ảnh: Kinh Thi, 1972)

d - Ban Giám đốc và Ban Giáo sư:

Trường Trung Học Quang Trung, lúc đầu chỉ có 6 giáo sư, trường phát triển dần đến 36 giáo sư chính thức (không kể giáo sư phụ dạy giờ), với 33 lớp gồm: 24 lớp Đệ Nhất cấp (7/6, 6/7, 6/8, 5/9/) và 9 lớp Đệ Nhị cấp (4/10, 3/11, 2/12)

Thành phần Ban Giám Đốc của trường, Hiệu trưởng từ 1965 - 1968 là Thầy Nguyễn Đồng, từ 1968 - 1975 có Thầy Trần Văn Thái. Giám học là Thầy Trần Cẩm Tú từ 1972 - 1975. Tổng Giám thị, từ 1968 - 1972 có Thầy Nguyễn Thao, từ 1972 - 1975 Thầy Trương Di thay thế. Dự trù niên khóa 1975 - 1976, Trường sẽ mở đủ số lớp quy định, để Bộ Quốc Gia Giáo Dục bổ nhiệm thêm chức Phụ tá Giám học và Phụ tá Tổng Giám thị.

H 131: Ban Giám Đốc và Giáo Sư Trung Học Quang Trung, 1974.
Hàng thứ 2, tận cùng bên phải: thầy Nguyễn Đồng (già nhất) cựu Hiệu trưởng đứng cạnh thầy Trần Văn Thái (cà vạt) đương kim Hiệu trưởng.
(Nguồn: Quangtrungbinhkhe.blogspot.com)

35 - Trung Học Bồ Đề Bình Khê:

Trường tư thục Đệ Nhất cấp do Giáo Hội Phật Giáo Bình Khê thành lập năm 1964. Ngày khởi công xây cất có Thượng tọa Thích Tâm Châu đến dự và đặt viên đá đầu tiên. Trường sở gồm 4 phòng trệt ngó ra Quốc lộ 19, và nằm ngay trước mặt Quận Đường Bình Khê. Niên khóa đầu tiên (1964 - 1965) có 6 lớp, gồm 2 lớp Đệ thất, 2 lớp Đệ lục, 1 lớp Đệ ngũ, 1 lớp Đệ tứ. Từ năm 1964 - 1966, thầy Quách Vĩnh Khương làm Hiệu trưởng, từ 1966 - 1975 thầy Nguyễn Minh đảm nhận chức vụ này.

36 - Trung Học Tiến Đức:

Trường Tư thục Đệ Nhất cấp do ông Huỳnh Sô và một số giáo sư ở địa phương sáng lập, khai giảng từ niên khóa 1963 - 1964 có 2 lớp Đệ thất và 1 lớp Đệ lục. Ban điều hành mướn 2 căn phố liền nhau để làm phòng học, cơ sở nằm trên con đường nối liền Quốc lộ 19 đến Điện thờ Tây Sơn. Trường chỉ hoạt động trong hai niên khóa và Hiệu trưởng là Huỳnh Sô.

37 - Trung Học Trần Quang Diệu:

Nguyên là Trường Tiểu Học xã Bình Thành, nằm trên địa bàn của thôn Kiên Mỹ, gần Điện Tây Sơn. Niên khóa 1971 - 1973, nâng cấp thành trường Công lập Đệ Nhất cấp, thầy Đặng Thành làm Hiệu trưởng kiêm nhiệm cả Tiểu học lẫn Trung học. Niên khóa 1974 - 1975 phát triển đến lớp 9.

IV - QUẬN PHÙ CÁT: 3 TRƯỜNG

38 - Trung Học Phù Cát:

Trường Công lập Đệ Nhị cấp, được thành lập từ niên khóa 1967 - 1968, mới đầu chỉ có 2 lớp Đệ thất. Đến niên khóa 1974 - 1975, qua 8 năm hoạt động, Trường phát triển đến mức mở được 15 (?) lớp Sáu (niên khóa trước có 7 lớp Sáu), và 4 (?) lớp Mười hai (2A, 2B) [74]. Cũng như Trung Học Tuy Phước, học sinh lớp 12 của Trường này, không kịp thi lấy bằng Tú tài phổ thông trong niên khóa cuối cùng.

Trường có 3 dãy nhà trệt vách gạch, lợp ngói, liên kết thành hình chữ U. Về nhân sự điều hành, lúc mới thành lập, ông Bành Quang Khánh tạm thời xử lý thường vụ trong vài tháng. Cũng ngay trong niên học đầu, Bộ Giáo Dục cử thầy Nguyễn Văn Mẹo giữ chức Hiệu trưởng (1967 - 1975). Rồi theo đà số lớp gia tăng nhanh chóng, Bộ Giáo Dục đã cử thầy Trần Văn Thương làm Giám học, thầy Cao Công Điện Phụ tá Giám học, thầy Đặng Hồng Sanh Tổng Giám thị và thầy Huỳnh Văn Phẩm Phụ tá Tổng Giám thị.

39 - Trung Học Giuse Phù Cát:

Trường Trung học Tư thục Đệ Nhị cấp, do Cha Huệ làm Giám đốc, có Giám học (?) là Trần Long Bá. Trường mở đến lớp 11 đã lâu, nhưng lớp 12 vào niên khóa 1974 - 1975 mới có, và chưa kịp thi Tú tài phổ thông thì chấm dứt. Cơ sở Trường là dãy nhà trệt, lợp ngói. Thành phần giáo sư của Trường, phần lớn là từ trường Trung Học Công Lập Đệ Nhị Cấp Phù Cát qua dạy giờ. Ngoài ra, còn có vài Giáo sư Trường Trung Học Đào Duy Từ Bình Định, từ An Nhơn đến dạy giờ như các thầy: Trần Ngọc Cam (dạy Anh văn lớp 12), Hồ Sĩ Nhơn (Anh văn), Hồ Sĩ Phùng (Việt văn), Hồ Ân (Pháp văn), Huỳnh Thiên Hương…

40 - Trung Học Bồ Đề Phù Cát:

Nếu từ thị trấn Bình Định theo Quốc lộ 1 đi ra chừng 14 km là đến thị trấn Phù Cát, lần lượt gặp trường Trung Học Bồ Đề Phù Cát, rồi Trường Trung Học Giuse Phù Cát, đều nằm phía tay trái; cuối cùng là Trường Trung Học Công Lập Phù Cát, nằm phía tay phải [75].

Trường Trung học Tư thục Bồ Đề Phù Cát của Giáo Hội Phật Giáo Thống Nhất, do Thượng tọa Thích Nguyên Trí làm Hiệu trưởng, mở các lớp Đệ nhất cấp từ lớp 6 đến lớp 9.

V - QUẬN PHÙ MỸ: 4 TRƯỜNG

41 - Trung Học Lê Chất:

Tháng 10 năm 1964, thành lập trường Trung Học Công Lập Phù Mỹ. Khai giảng niên khóa đầu tiên (1964 - 1965), trường mở 1 lớp Đệ thất, thầy Nguyễn Văn Tân làm Hiệu trưởng, và mượn phòng của Trường Tiểu Học Phù Mỹ để giảng dạy.

Niên khóa 1967 - 1968, Trường có 4 lớp: 1 Thất, 1 Lục, 1 Ngũ, 1 Tứ. Giữa năm học, ông Nguyễn Văn Tân nhận lệnh nhập ngũ. Ngày 8- 1- 1968, thầy Trương Quang Tấn về làm Xử lý thường vụ. Cũng trong niên khóa này Trường Trung Học dời về địa điểm mới, ở cây số 1, cách Quận Đường 1 km về hướng Nam. Trường mới, có 3 phòng xây lợp tôn, nằm về phía Bắc của khuôn viên rộng hơn nửa mẫu tây, ở bên trái Quốc lộ 1 nếu từ Nam ra Bắc. Tháng 3- 1968, Cơ Quan Viện Trợ Hoa Kỳ cho Trường 4 phòng đúc, nhưng họ chỉ cung cấp sắt cây, 200 bao ciment và 200 tấm tôn. Sau khi chiết tính, Trường chỉ đủ xây 2 phòng và đóng trần cho 3 phòng cũ. Phải bán hết sắt với một số xi măng, để mua gạch, cát và trả tiền công thợ.

H 132: Trung Học Phù Mỹ, lễ tổng kết 1968.
(Ảnh: Nguyễn Quang Tấn cung cấp)

Niên khóa 1968 - 1969, trường tăng 6 lớp, vì thu nhận đến 3 lớp Đệ thất.

Năm khóa 1969 - 1970, trường có đến 11 lớp, ngoài 3 Thất chính thức, Trường còn nhận thêm 3 lớp Thất dự khuyết. Mỗi học sinh dự khuyết phải đóng cho Hội Phụ Huynh 10.000$ để xây cổng trường và bờ rào. Đáp ứng với đà gia tăng sĩ số, Bộ Giáo Dục cho xây 6 phòng lợp ngói. Dãy lớp này nằm ở phía Nam, đối diện với 5 phòng phía Bắc qua một sân trường rộng, việc thi công có nhà thầu Nguyễn Hợp đảm nhận. Bấy giờ trường có 9 phòng học và 2 phòng làm văn phòng.

Giữa năm 1970, Nguyễn Văn Tân trở lại Trường và làm Hiệu trưởng trong hai niên khóa (1970 - 1972). Ông được thuyên chuyển vào Sài Gòn, bàn giao chức vụ Hiệu trưởng cho Trương Quang Tấn theo Sự vụ lệnh của Bộ Giáo Dục. Sau đó, thầy Tấn vào Sài Gòn học khóa Quản trị Học đường, và được hợp thức hóa bằng Nghị định.

Niên khóa 1972 - 1973, Trường mở một lớp 10 ban B, và xin Bộ Giáo Dục cấp giấy phép trường Đệ Nhị cấp.

Niên khóa 1973 - 1974, Trường có 23 lớp, gồm: 9 lớp Sáu, 6 lớp Bảy, 4 lớp Tám, 2 lớp Chín, 1 lớp 10B, 1 lớp 11B. Bộ Giáo Dục cử thầy Trần Đại Nghĩa làm Tổng Giám thị bằng Sự vụ lệnh và hợp thức hóa bằng Nghị định. Đồng thời Bộ cũng chi ngân sách cho xây cất dãy phòng phía Tây bằng xi măng cốt sắt. Đợt đầu xây 4 phòng trệt, giữa có gian cầu thang rộng, tiện việc lên xuống nhiều người cùng lúc.

Niên khóa 1974 - 1975, Trường phát triển 32 lớp, gồm: 9 lớp Sáu, 9 lớp Bảy, 6 lớp Tám, 4 lớp Chín, 2 lớp 10 (1A+ 1B), 1 lớp 11B, 1 lớp 12B. Dãy 8 phòng ở phía Tây, tiếp tục xây 4 phòng lầu, nhưng mới thực hiện được 3 phòng, thì chấm dứt. Và đây là niên khóa cuối cùng của Trường Trung Học Công Lập Đệ Nhị Cấp Lê Chất, trong khi học sinh lớp 12B, sau 7 năm theo học bậc trung học, chưa kịp thi lấy bằng Tú tài phổ thông thì gặp biến cố Tháng Tư đen năm 1975.

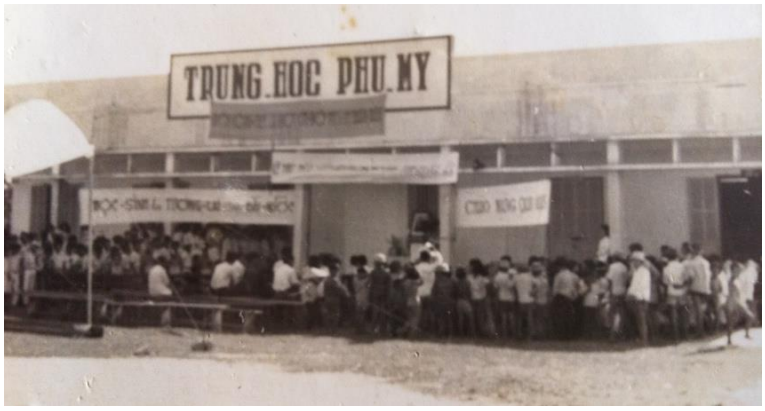

H 133: Ngôi trường Trung Học Lê Chất ở Phù Mỹ, lễ tổng kết 1973.
(Ảnh: Nguyễn Quang Tấn cung cấp)

42 - Trung Học Toàn Mỹ:

Trường Trung học tư thục Đệ Nhất cấp của Thiên Chúa Giáo, thành lập từ niên khóa 1960 - 1961, Linh mục Hóa làm Hiệu Trưởng. Trường xây cất bằng vật liệu kiên cố, có lầu và tọa lạc trên một khu đất rộng, ở thôn An Hoan xã Mỹ Chánh. Cảnh trường rất nên thơ, nằm cạnh khúc sông đẹp, gần bến ghe bầu, buôn bán tấp nập. Nhờ có Trường Trung Học Toàn Mỹ, con em các gia đình nghèo ở các xã Mỹ Chánh, Mỹ Thành, Mỹ Thọ, Mỹ Cát, Mỹ Tài... đỡ phần thất học vì không đủ đài thọ đi xa để theo học ở Trung Học Tăng Bạt Hổ Bồng Sơn hay Trung Học Cường Để Qui Nhơn.

43 - Trung Học Đồng Công ở Nhà Đá:

Trường Trung học tư thục Đệ Nhất cấp của Giáo Hội Thiên Chúa Giáo, ở xã Mỹ Hiệp, thành lập từ niên khóa 1964 - 1965.

44 - Trung Học Bồ Đề Phù Mỹ:

Trường Bồ Đề Phù Mỹ là Trung học Tư thục Đệ Nhất cấp của Giáo Hội Phật Giáo Thống Nhất. Trường thành lập khoảng năm 1964, cơ sở ở Quận lỵ, và phát triển đến lớp Đệ tứ.

VI - QUẬN AN TÚC: 1 TRƯỜNG

45 - Trung Học Đề Thám:

An Túc nguyên là quận Tân An của tỉnh Pleiku, được sáp nhập vào tỉnh Bình Định, đổi tên là quận An Túc theo Sắc lệnh số 63-NV của Tổng Thống VNCH ký ngày 13- 3- 1959 [76]. Ngoài ra còn có thêm 3 xã K. Gol, Kon Pong, Kon Vong của tỉnh Kon Tum cũng được sáp nhập vào quận An Túc.

Giữa thập niên 1960, dân cư quận An Túc trở nên đông đúc vì Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn Không Vận Kỵ Binh Mỹ đóng ở đây, các dịch vụ buôn bán và quán xá mỗi ngày một nhiều. Thêm nữa, số người ở An Lão, Hoài Ân, Tam Quan, Vĩnh Thạnh tản cư lên đây càng ngày càng đông. Trước nhu cầu giáo dục, năm 1967 Trường Trung Học Đề Thám được thành lập ngay tại thị trấn, sát sân Vận động và cách Quận Đường chừng 200 mét. Trường sở gồm 3 dãy nhà liên kết hình chữ U, đáy là khu nhà đúc 2 tầng có 8 phòng học và một cầu thang rộng ở giữa. Hai dãy nhà hai bên, một dãy dùng làm khu văn phòng, dãy đối diện dùng làm phòng hội và thư viện, nhưng ngày thường vẫn dùng làm phòng học.

Vị Hiệu trưởng đầu tiên là Nguyễn Đình Hà, kế đến Trần Hữu Lam, sau rốt là Đỗ Công Tiếp. Những năm cuối cùng, Trường mới có Tổng Giám thị và thầy Nguyễn Đình Hinh giữ chức vụ này. Ngoài ra, Trường có các Giáo sư chính thức như: Châu Văn Tâm, Hà Ngọc Đăng, Lê Trọng, Nguyễn Bình, Nguyễn Đình

Long, Nguyễn Hữu Tấn, Nguyễn Văn Cang, Nguyễn Văn Tể, Trần Văn Minh, thầy Hải (không rõ họ), và các Cô: Bùi Thị Trà, Phan Thị Hồng.

Niên khóa đầu (1967 - 1968) Trường chỉ có 1 lớp Đệ Thất. Qua 8 năm hoạt động, niên khóa 1974 - 1975, trường phát triển đến 25 lớp, gồm: 6 lớp Sáu, 6 lớp Bảy, 5 lớp Tám, 4 lớp Chín, 2 lớp Mười, 2 lớp Mười Một; và trở thành Trường Trung học Công lập Đệ Nhị cấp.

VII - QUẬN HOÀI ÂN: 2 TRƯỜNG

46 - Trường Trung học Tỉnh hạt Hoài Ân:

Trung Học Hoài Ân được thành lập năm 1967 dưới quy chế trường Tỉnh hạt, địa phương hoàn toàn tự túc việc xây dựng cơ sở, Bộ Quốc Gia Giáo Dục cung cấp nhân sự và đài thọ lương bỗng. Vì thế, cơ quan quận Hoài Ân đã dùng ngôi nhà, nguyên là Quận Đường, để làm cơ sở của Trường.

H 134: Huy hiệu gắn trên áo học sinh của Trường.
(http://sites.google.com/site/luuxuancanh/)

Theo Lưu Xuân Cảnh [77], lúc bấy giờ, ông Lê Nam Hải đang là Quận trưởng quận Hoài Ân đã đề cử thầy Đàm Công Định, giáo viên Trường Tiểu Học Cồng Đồng Quận Lỵ Hoài Ân, làm Quản đốc Trường Trung Học Tỉnh Hạt Hoài Ân.

Trường sở, vách xây gạch, mái lợp ngói, gồm 3 phòng (phòng đầu và cuối rất rộng, phòng giữa hẹp hơn), trước phòng giữa còn có một phòng trống (không vách). Ngôi nhà này ở thôn Gia Chiểu, xã Ân Đức, huyện Hoài Ân, trước kia là quận đường, năm 1964 cơ quan này chuyển đến địa điểm khác.

Niên khóa 1967 - 1968, Trường mở 1 lớp Đệ thất, đặc biệt không thi tuyển, chỉ cần có học bạ Lớp nhất, tức là học xong bậc Tiểu học, thì được nhận vào học. Và lớp học đầu tiên có khoảng 60 học sinh.

Niên khóa 1968 - 1969, trường có 3 lớp: 2 Thất và 1 Lục. Lần này có khoảng 90 học sinh xin vào học lớp Đệ thất, tạm đủ cho 2 lớp, nên cũng miễn thi tuyển.

Niên khóa 1969 - 1970, Bộ Quốc Gia Giáo Dục cử thầy Lê Minh Ba, Giáo sư trường Trung Học Cường Để Qui Nhơn, làm Hiệu trưởng Trường Trung Học Hoài Ân, thay thế cho thầy Đàm Công Định (chức Quản đốc). Từ đấy, Trường được chính thức với tên gọi: Trung Học Hoài Ân, không còn là Lớp Trung Học Hoài Ân như trước. Cũng kể từ niên khóa này, Trường tổ chức thi vào 2 lớp Đệ thất, thầy Hiệu Trưởng làm Chủ tịch Hội đồng thi, có khoảng 120 học sinh trúng tuyển. Qua 3 niên khóa, trước nhu cầu phát triển thành 5 lớp, gồm: 2/ Thất, 2/ Lục, 1 Ngũ; nên được sự nhiệt tình ủng hộ của phụ huynh và chính quyền địa phương các cấp, Trường xây thêm 2 phòng học, vách gạch, lợp tôn. Như vậy, Trường có 4 phòng học dành cho 5 lớp, và 1 dùng làm văn phòng.

Niên khóa 1970 - 1971, Trường mở thi vào lớp Sáu, tuyển khoảng trên 100 học sinh, đủ cho 2 lớp. Trường có 7 lớp, gồm: 2/ Sáu, 2/ Bảy, 2/ Tám, và 1/ Chín. Đây là niên học đầu tiên Trường có lớp Chín, và cũng là niên khóa cuối cùng của Trường này tại quận nhà, vì Hoài Ân xảy ra chiến sự, dân chúng di tản vào trại tiếp cư Phú Tài, xã Phước Thạnh, quận Tuy Phước.

Niên khóa 1972 - 1973, Trường cũng theo dân, cố gắng hoạt động ngay tại trại tiếp cư Phú Tài 1, nhưng sĩ số rất ít, chỉ được 1 lớp Sáu và 1 lớp 7. Vì phần nhiều học sinh tản cư, được nhận vào học các trường Trung học ở Qui Nhơn và ở quận Tuy Phước. Cuối năm 1973, dân Hoài Ân được tỉnh chuyển định cư tại quận An Túc, trường Hoài Ân đóng cửa.

Trong 6 niên khóa hoạt động, trường Trung Học Hoài Ân, trải qua 3 đời Quản đốc hay Hiệu trưởng:

Từ 1967 - 1969, thầy Đàm Công Định, người xã Ân Hữu, quận Hoài Ân, được đề cử làm Quản Đốc Lớp Trung Học, vừa dạy môn Việt văn cho Trường này.

Từ 1969 - 1971, thầy Lê Minh Ba, chính thức làm Hiệu Trưởng Trường Trung Học Hoài Nhơn.

Từ năm 1971 - 1772, thầy Võ Tiếp làm Hiệu Trưởng, thay thế thầy Lê Minh Ba xin chuyển về Qui Nhơn.

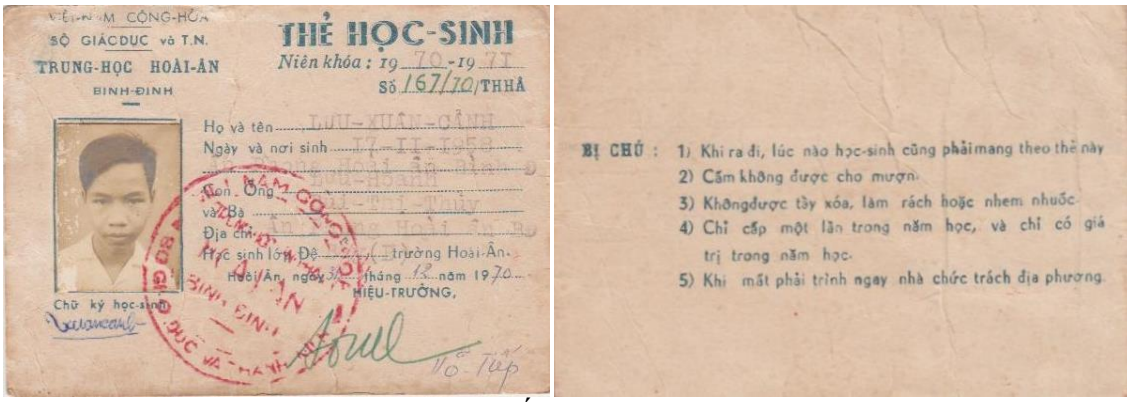
VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
SỞ GIÁO-DỤC và T.N.
TRUNG-HỌC HOÀI-ÂN
BÌNH-ĐỊNH

THẺ HỌC-SINH
Niên khóa: 19 70 - 19 71
Số 167/70/THHÂ

Họ và tên ..... LƯU-XUÂN-QUỲNH
Ngày và nơi sinh .....
Con Ông .....
và Bà .....
Địa chỉ .....
Học sinh lớp Đệ ..... trường Hoài-Ân.
Hoài-Ân, ngày 30 tháng 12 năm 1970
HIỆU-TRƯỞNG,

Chữ ký học-sinh

BỊ CHÚ :
1) Khi ra đi, lúc nào học-sinh cũng phải mang theo thẻ này
2) Cấm không được cho mượn.
3) Không được tẩy xóa, làm rách hoặc nhem nhuốc.
4) Chỉ cấp một lần trong năm học, và chỉ có giá trị trong năm học.
5) Khi mất phải trình ngay nhà chức trách địa phương.

<u>H 135</u>: Thẻ học sinh cấp trong niên khóa 1970 - 1971

(http://sites.google.com/site/luuxuancanh/)

Các Thầy, Cô dạy Trường Trung Học Tỉnh Hạt Hoài Ân, gồm có: Dương Thị Bích Vân, Hoàng Kim Thạch, Lâm Xuất, Lý Xuân Huê, Nguyễn Văn Chánh, Nguyễn Văn Lại, và Thầy Công, Thầy Giỏi, Thầy Hiến (không nhớ họ và tên lót). Trong các Thầy của Trường này, có vài thầy là sĩ quan quân đội được phái đến giảng dạy.

Tóm lại, trường Trung Học Tỉnh Hạt Hoài Ân, hoạt động được sáu năm, từ 1967 - 1973. Niên khóa 1971 - 1972 là đông đảo nhất có 8 lớp, với trên 400 học sinh.

<u>H 136</u>: Thẻ học sinh cấp trong niên khóa 1971 - 1972.
(http://sites.google.com/site/luuxuancanh/)

47 - Trường Trung Học do Quân Đội thành lập:

Cũng theo Lưu Xuân Cảnh, thời ấy, trong quận Hoài Ân, ngoài Trường Tỉnh Hạt, còn có một số lớp Trung Học, tương tự như Trường Văn Hóa Quân Đội, do các sĩ quan giảng dạy tại khu gia binh gần Gò Loi, thuộc xã Ân Tường, dành cho học sinh con em binh sĩ.

VIII - QUẬN HOÀI NHƠN: 2 TRƯỜNG

48 - Trung Học Tăng Bạt Hổ:

Trường Trung Học Tăng Bạt Hổ Bồng Sơn khai giảng ngày 5- 11- 1955, thu nhận học sinh các quận ở Bắc Bình Định, từ Phù Mỹ trở ra và cả quận Đức Phổ của tỉnh Quảng Ngãi. Niên khóa 1955 - 1956, Trường mở 6 lớp gồm 1 Đệ thất, 3 Đệ lục, 1 Đệ ngũ, 1 Đệ tứ.

1/ <u>Trường sở và nhân sự</u>:

Lúc đầu, Trường chưa kịp xây cất, các lớp phải học tạm tại nhà dân hay các trường làng ở thôn An Tây như Miễu Chòm, Liên Nông và các nhà dân ở thôn Phụ Đức; còn văn phòng đặt tại tư gia ông Thủ Sắc (thân sinh Bác sĩ Minh).

H 137: Mặt tiền Trường Trung Học Tăng Bạt Hổ Bồng Sơn.
(Nguồn: Web y7177.com/tbh.jph)

Bộ Quốc Gia Giáo Dục cử Thầy Đoàn Nhật Tấn làm Hiệu Trưởng, Thầy Phạm Khắc Thành làm Giám thị. Niên khóa đầu, Ban Giảng huấn gồm các giáo sư: Đoàn Nhật Tấn người Tài Lương xã Hoài Thanh, Hoàng Đôn Trịnh người Tam Quan, và quý vị ở Huế vào như các Thầy: Lê Văn Thự, Lê Tú Vinh, Nguyễn Đức Duyên, Trần Đình Đàm, Trần Xuân Dưỡng [78], rồi có thêm Thầy Phạm Đức Bảo từ Sài Gòn ra. Sau nữa, là các giáo sư: Nguyễn Diễn (Quảng Ngãi), Phạm Ngọc Liễn (Bắc), Phạm Xuân Điềm, Trần Đình Cang (Nhạc sĩ Phương Mai), Trương Ngọc Phú...

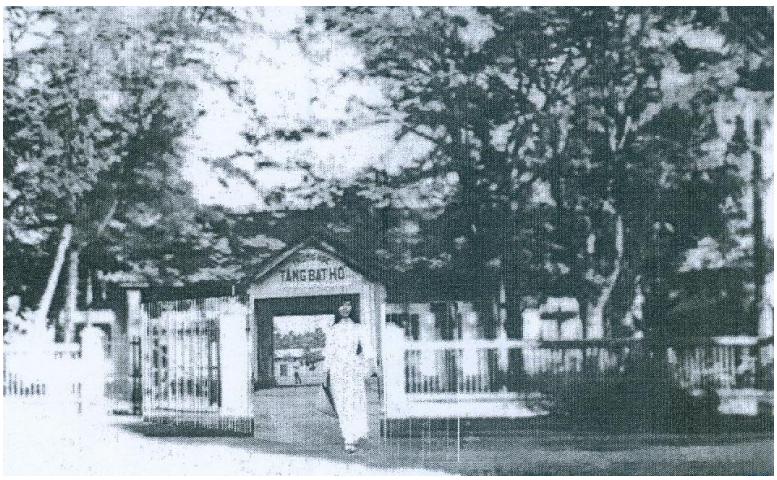

H 138: Trung Học Tăng Bạt Hổ ở Bồng Sơn, 1966.
(Ảnh từ Đặc San Lưu Kỷ Xuân Tân Tỵ 2001)

Thi xong Đệ Nhất lục cá nguyệt, khoảng đầu năm 1956, Trường dời về cơ sở mới [79], gồm 6 phòng học vách đất tô vôi, lợp tôn, trần bằng cót tre. Trường xây cất trên khoảnh đất khá rộng, trước kia là đồn lính Pháp, quen gọi là khu

"Đất Đồn." Nơi đây, mặt trước giáp Quốc lộ 1, tại ngã ba đường lên An Lão, mặt sau có đường xe lửa xuyên Việt.

Từ niên khóa 1957 - 1958 trở đi, có thêm các thầy: Bùi Xuân Diêu, Dương Công Ấm, Dương Thanh Tùng, Đặng Ngọc Tốt, Đặng Vĩnh Hồng, Đinh Phúc Văn, Hà Công Bê, Hoàng Minh Phương, Huỳnh Hữu Dụng, Huỳnh Văn Gi, Lê Minh Tâm, Lê Văn Dung, Lê Văn Minh, Mai Trọng Hòa, Nguyễn An Hảo, Nguyễn Chư, Nguyễn Đình Tự, Nguyễn Hứa Phương, Nguyễn Kiệt, Nguyễn Tích, Nguyễn Văn Trợ, Phạm Phú Dương, Phạm Thành, Phạm Văn Song, Phan Viết Hưng, Phùng Rân, Tạ Văn Ry, Trần Công Ly Tao, Trần Đình Du, Trần Đình Uẩn, Võ Thành Công, Võ Thu Lương... Và các cô: Hồ Thị Thu Thủy, Nguyễn Thị Hoàng Lan, Nguyễn Thị Thanh, Nguyễn Thị Thanh Nhàn, Nguyễn Thị Thu Ba, Trần Thị Thu Hà, Trương Thị Tạo, Văn Thị Mận, Võ Thị Trà Liên... [80]

<u>H 139</u>: Học sinh lớp của cô Trương Thị Tạo hướng dẫn đang tổ chức tiệc liên hoan.

2/ <u>Đặc điểm của Trường</u>:

- Thứ nhất, một dấu ấn khó quên, niên khóa đầu tiên 1955 - 1956, khoa thi Trung Học Đệ Nhất Cấp (lấy bằng Thành chung) kỳ 1, vào tháng 6 năm 1956, Hội Đồng Thí Vụ mở tại trường Tăng Bạt Hổ Bồng Sơn, dành cho thí sinh 3 tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên ứng thí. Nhưng khi chấm bài thi, Ban Giám Khảo phân đôi: Một nhóm vào Qui Nhơn trú sở, phụ trách bài của thí sinh trường Cường Để và trường Nguyễn Huệ ở Tuy Hòa. Nhóm kia, vẫn trụ tại Bồng Sơn, chấm bài của thí sinh trường Tăng Bạt Hổ và Trần Quốc Tuấn Quảng Ngãi. Chánh Chủ Khảo là Giáo sư Trần Văn Việt, Hiệu trưởng trường Chu Văn An Sài Gòn, vẫn đặt Tổng Hành Dinh tại Bồng Sơn suốt cả thời gian mở khoa thi.

Vì vậy, tất cả thí sinh đỗ thi viết, phải trở lại Bồng Sơn để thi vấn đáp (oral). Và đây là lần đầu, cũng là lần cuối, trường Tăng Bạt Hổ được Bộ Quốc Gia Giáo Dục chọn mở khoa thi [81].

- Thứ hai, trong số Giáo sư của Trung Học Tăng Bạt Hổ, có hai vị trước là cựu học sinh của Trường: Ông Phạm Thành, học Đệ tứ (1955 - 1956), sau về làm Hiệu trưởng từ 1970 - 1972, lúc Trường ở Bồng Sơn. Kế đến, ông Lê Văn Minh, học Đệ lục, ngũ, tứ (1955 - 1958), sau về làm Hiệu trưởng, niên khóa 1972 - 1973, lúc Trường dời về Qui Nhơn.

- Thứ 3, Trung Học Tăng Bạt Hổ, có hai địa điểm sinh hoạt: từ năm 1955 - 1972, đóng tại Bồng Sơn; từ năm 1972 - 1975 dời về Qui Nhơn.

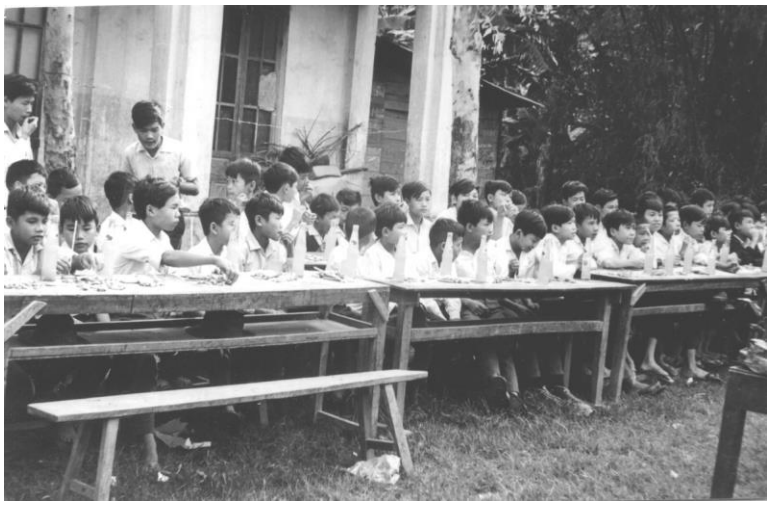

H 140: Một lớp của Trường Tăng Bạt Hổ mở tiệc liên hoan [82].

3/ Các đời Hiệu trưởng và quá trình phát triển của Trường:

Tính đến năm 1975, Trường có tuổi đời 20 niên khóa, trải qua 8 vị Hiệu trưởng hoặc Xử lý thường vụ. Trong phạm vi bài này, chỉ đề cập đến giai đoạn ở Bồng Sơn với 4 đời Hiệu trưởng.

a/ Từ 1955 - 1962, Hiệu trưởng Đoàn Nhật Tấn; Giám thị Phạm Khắc Thành, rồi Nguyễn Bá Hoàng, sau lại Phạm Khắc Thành.

- Niên khóa 1958 - 1959, Trung Học Tăng Bạt Hổ vẫn chưa có Đệ tam, số học sinh khi tốt nghiệp Trung học Đệ Nhất cấp, muốn học tiếp, phải vào Trung Học Cường Để Qui Nhơn [83].

- Niên khóa 1961 - 1962 bắt đầu mở Đệ tam.

b/ Từ 1962 - 1966, Hiệu trưởng Hoàng Đôn Trịnh, Tổng Giám thị là Huỳnh Ngọc Anh, Giám thị Phạm Khắc Thành.

- Khoảng niên khóa 1962 - 1963, Trung Học Tăng Bạt Hổ chính thức có Nghị định chuyển thành trường Đệ Nhị cấp.

c/ Từ 1966 - 1969, Hiệu trưởng Huỳnh Hữu Dụng; Tổng Giám thị Huỳnh Ngọc Anh, kế tiếp là Đặng Ngọc Anh.

- Niên khóa 1969 - 1970, Trường có 22 lớp, gồm: 4/ Sáu, 4/ Bảy, 4/ Tám, 4/ Chín, 3/ Mười (2A+ 1B), 3/ Mười một (2A+1B).

- Trường bắt đầu có Giám học, nhưng đến khoảng tháng 11 năm 1969, Hiệu trưởng Huỳnh Hữu Dụng chuyển về Qui Nhơn, Giám học Phạm Thành kiêm Xử lý thường vụ Hiệu trưởng.

H 141: Một lớp khác của trường Trung học Tăng Bạt Hổ [84].

d/ Từ 1970 - 1972, Hiệu trưởng Phạm Thành, Giám học Lê Ninh Hậu, Tổng Giám thị Đặng Ngọc Anh (chưa có Phụ tá Giám học và Phụ tá Tổng Giám thị).

- Niên khóa 1970 - 1971, Trường có 26 lớp, gồm: 6/ Sáu, 4/ Bảy, 4/ Tám, 4/ Chín, 3/ Mười (2A+ 1B), 3/ Mười một (2A+1B), 2/ Mười hai (1A+1B).

- Niên khóa 1971 - 1972, Trường có 29 lớp, gồm: 7/ Sáu, 6/ Bảy, 4/ Tám, 4/ Chín, 3/ Mười (2A+ 1B, 3/ Mười một (2A+1B), 2/ Mười hai (1A+1B).

Thời điểm này Trường phát triển cao nhất, và xếp hàng thứ 2 (có 29 lớp) các trường trung học trong tỉnh (tính đến 1971 - 1972), chỉ đứng sau Trung Học Cường Để, và đứng trước Trường Trung Học An Nhơn (có 25 lớp).

Tháng 3 năm 1972, đồng bào ba quận Bắc Bình Định di tản chiến thuật, vào trại tiếp cư ở Phú Tài và Qui Nhơn, trường Tăng Bạt Hổ Bồng Sơn dời về thị xã Qui Nhơn và tiếp tục hoạt động thêm 3 niên khóa nữa (xem Trường Tăng Bạt Hổ Qui Nhơn, trong Phần C, trang 38 và 39).

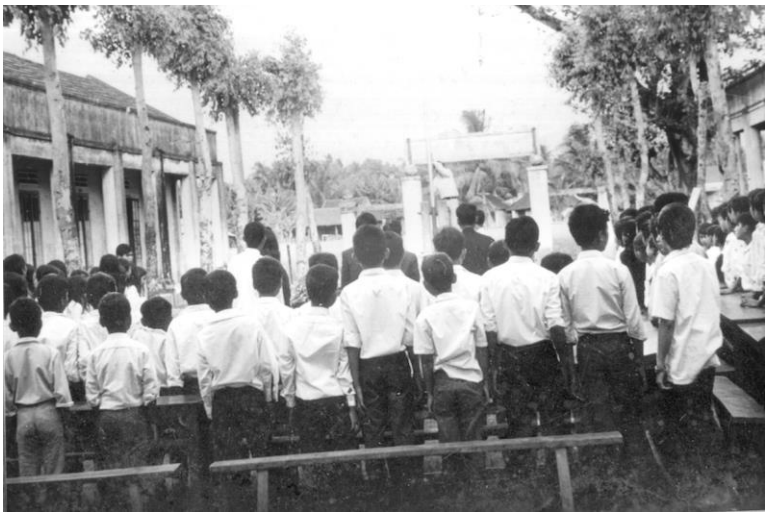

H 142: Một lớp của trường Tăng Bạt Hổ sinh hoạt ngoài trời [85].

49 - Trung Học Bồ Đề Bồng Sơn:

Nguyên là Trường Tư Thục Tương Lai của Giáo sư Huỳnh Văn Gi, chưa có cơ sở phải tạm mướn nhà hai phòng ở đường Quốc lộ 1 làm lớp học và khai giảng niên khóa 1958 - 1959. Sau, Hội Phật Giáo tiếp nhận trường này, dời về địa điểm mới, đối diện với Chùa Phật Học và đổi thành Trường Trung Học Bồ Đề Bồng Sơn. Năm 1972, Trường đóng cửa vì chiến cuộc.

IX - NHA TAM QUAN: 1 TRƯỜNG

50 - Trung Học Bán Công Tam Quan:

Trường Đệ Nhất cấp, Hiệu trưởng Thái Vĩnh Thung, sau là Nguyễn Chí Thống. Ban Giảng huấn gồm các thầy như Đinh Bá Thắng, Nguyễn Kim Tâm... có mặt từ lúc trường mới thành lập.

Niên khóa đầu, 1956 - 1957, Trung Học Bán Công Tam Quan mượn rạp hát của tư nhân, gần ga xe lửa. Nơi đây, phòng ốc rộng rãi nhưng tối tăm, nên chỉ dạy tạm trong thời gian ngắn:

Sơ sinh trường ở gần ga,
Trong một rạp hát tư gia chung hùn.
Xung quanh rợp bóng dừa um,
Rộng rãi thì có, song trùm âm u. [86]

Trường dời đến địa điểm gần lò nung vôi, nơi đây phòng ốc sáng sủa nhưng gặp trở ngại khói thoát ra nồng nặc, học sinh bị viêm đường hô hấp:

Tháng ngày cứ hít hơi vôi,
Học hành trở ngại, tìm nơi xa nồng.

Niên khóa 1957 - 1958, Trường lại dời về ngôi chùa cổ ba gian của người Hoa, cách chợ Tam Quan khoảng 500 mét về hướng Nam:

Niên khóa mãn, học sinh đông,
Kẹt đường dọn xuống chùa Ông, Tân Thành.
Nơi đây thoải mái học hành,
Dừa xanh rợp bóng, vắng tanh tiếng ồn.

Nhưng rồi Chùa Ông cũng không đủ chỗ để dung nạp nhu cầu phát triển của trường. Để đáp ứng sự hiếu học của dân địa phương, năm 1958, chính quyền xây cất trường sở tại khu Rừng Quýt, thuộc thôn Tân Thành, xã Tam Quan:

Hoài Nhơn, quan chức xuống lên,
Thấy trường nề nếp lại thêm trẻ nhiều.
Đoạn về kiến nghị yêu cầu,
Tam Quan Trung Học, quá nhiều học sinh.
Học hành tạm bợ chùa đình,
Nên xây trường lớp, hợp tình Bán Công.
Tỉnh Đường chấp nhận vui lòng,
Ngân sách có hạn, quận phòng phụ thêm.

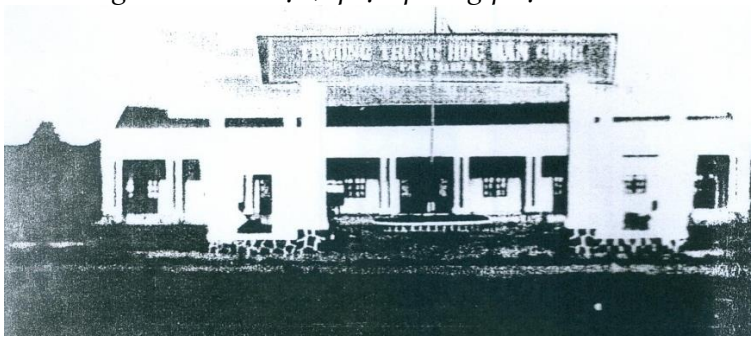

H 143: Trường Trung Học Bán Công Tam Quan.
(Nguyễn Công Lượng cung cấp, ảnh copy)

Niên khóa 1958 - 1959, Bán Công Tam Quan khai giảng ở cơ sở mới:

Thời gian sáu tháng đã xong,
Trường xây bốn lớp, văn phòng liền chung.

Niên khóa 1959 - 1960, lớp Đệ tứ trường này lần đầu tiên ra quân tham dự kỳ thi Trung Học Đệ Nhất Cấp, đã đạt thành tích vẻ vang: Với 39 thí sinh, 17 người trúng tuyển, trong đó có 2 đoạt hạng bình, 6 bình thứ, và 9 hạng thứ [87], chiếm tỷ lệ 43,58%. Trong lúc tỷ lệ trúng tuyển trung bình là 40% cho kỳ thi lấy bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp.

Trung Học Bán Công Tam Quan đang đà phát triển. Hội Phụ Huynh Học Sinh dự trù đóng góp tiền để xây thêm phòng ốc. Nhưng, khoảng năm 1966, tình hình ở Tam Quan trở nên mất an ninh, Trường Bán Công Tam Quan vĩnh viễn đóng cửa!

Bút nghiên được mấy năm trời,
Chiến tranh khói đạn, bom rơi lửa tràn.
Trường phải đóng cửa bỏ hoang,
Thầy trò tứ tản, mỗi đàng, mỗi nơi. [88]

H 144: Hiệu trưởng, các Giáo sư, và học sinh lớp Đệ Tứ Trung Học Bán Công Tam Quan, trong niên khóa 1960 - 1961. (Nguyễn Công Lượng cung cấp, ảnh copy)

Phần Đ
TỔNG KẾT
TRƯỜNG TRUNG HỌC TỈNH BÌNH ĐỊNH

Ngày 16- 5- 1955, Chính quyền Quốc Gia tiếp thu tỉnh Bình Định. Khai giảng niên khóa đầu tiên (1955 - 1956), toàn tỉnh chỉ có 2 trường Trung học là Cường Để ở Qui Nhơn và Tăng Bạt Hổ tại Bồng Sơn. Cọng lại, có 14 lớp Đệ Nhất cấp, gồm: 4 Thất, 5 Lục, 3 Ngũ, 2 Tứ. Qua 20 niên khóa (1955 - 1975), mặc dù trong cảnh chiến tranh lan tràn, nhưng nền giáo dục Miền Nam Việt Nam nói chung và tỉnh Bình Định nói riêng, vẫn phát triển nhanh chóng.

Tính đến niên khóa 1974 - 1975, tỉnh Bình Định không có quận nào hoàn toàn an ninh, nhưng quận nào cũng có trường Trung học: Tuy Phước 7 trường, An Nhơn 6 trường, Bình Khê 4 trường, Phù Cát 3 trường, Phù Mỹ 4 trường, An Túc 1 trường, Hoài Ân 2 trường, Hoài Nhơn 2 trường, Tam Quan 1 trường. Tổng cọng có 30 trường Trung học (không tính trường Tiểu học), trong đó, gồm: 13 trường công, 2 trường bán công, 15 trường tư; chia ra có 12 trường Đệ Nhị cấp, và 18 trường Đệ Nhất cấp.

01 - Tổng kết về mức tăng trưởng học đường:

Trong quá trình phát triển trường lớp, đáp ứng nhu cầu hiếu học của tỉnh nhà mỗi ngày một tăng. Nhưng vì thiếu tài liệu, không thể tổng kết chính xác tổng số lớp của 50 trường. Vì thế, chỉ có thể nêu điển hình một số trường hợp:

- Trung Học Đào Duy Từ An Nhơn (Bình Định), nguyên có tên Trung Học Công Lập An Nhơn, suốt 4 niên khóa đầu (1961 - 1965) chưa có phòng ốc. Trường phải tạm trú tại Trung Học Bán Công, và mượn thêm phòng ở trụ sở Hiệp Hội Nông Dân, hoặc khu công sở đối diện với Quận Đường, mới đủ chỗ cho sự phát triển các lớp học. Từ năm 1965, Công Lập An Nhơn có trường sở chính thức. Trong 10 niên khóa sau (1965 - 1975), Trường phát triển rất nhanh, từ 7 lớp (1965 - 1966), tăng thành 56 lớp (1974 - 1975). Với mức tăng kỷ lục, vào 14 tuổi đời (1961 - 1975), trung bình mỗi niên khóa Trường tăng lên 4 lớp.

- Trung Học Phạm Đăng Hưng ở Đập Đá (1969 - 1975), tuổi đời chỉ có 6 niên khóa, tăng 22 lớp, trung bình mỗi niên khóa có thêm hơn 3,6 lớp.

- Trung học Cường Để Qui Nhơn, có tuổi thọ cao nhất so với 50 trường Trung học và Cao đẳng của tỉnh nhà. Trong 20 niên khóa tăng 65 lớp, trung bình mỗi niên khóa Trường có thêm 3,25 lớp.

- Trung Học Phù Cát, theo lời Nguyễn Văn Mẹo cựu Hiệu trưởng Trung Học Phù Cát: "niên khóa 1973 - 1974 có 7 lớp Sáu, niên khóa 1974 - 1975 mở đến 15 lớp." Nếu đúng vậy, thì riêng lớp Sáu của trường này đạt mức tăng kỷ lục.

- Trong thời Việt Nam Cộng Hòa, riêng tỉnh Bình Định chỉ có 20 niên khóa (từ ngày 16- 5- 1955 đến 31- 3- 1975), mở được 50 trường Trung học và Cao đẳng, trung bình mỗi niên khóa có 2,5 trường được thành lập.

02 - Tổng kết theo nhóm:

a/ Nếu tính cả thị xã Qui Nhơn và các quận nha, toàn tỉnh Bình Định có 50 trường [89]. Trong đó, chia ra: hai nhóm số nằm trong ngoặc đơn, nhóm số đầu biểu thị cho số trường ở Qui Nhơn, nhóm số sau biểu thị cho số trường ở các quận; được phân cấp như sau:

- 02 (2+0) Trường Cao đẳng [90] chuyên nghiệp;
- 22 trường (10+12) Trung học Đệ Nhị cấp;
- 26 trường (8+18) Trung học Đệ Nhất cấp.

b/ Nếu phân loại trường theo thể chế tổ chức, tỉnh Bình Định (bao gồm thị xã Qui Nhơn, 8 quận và 1 nha) cũng có đủ 7 loại trường, chia ra:

- 22 (9+13) trường Trung học Công lập (gồm Phổ thông, Kỹ thuật, Chuyên nghiệp, Tỉnh hạt, Văn hóa quân đội);
- 02 (0+2) trường Trung học Bán công;
- 02 (2+0) trường Trung học Nghĩa thục;
- 24 (9+15) trường Trung học Tư thục.

Những dữ kiện trình bày trên, cho thấy sự đa dạng và mức phát triển vượt bực về nền giáo dục của tỉnh nhà. Và có thể nói, trong thời Việt Nam Cộng Hòa, Bình Định là một trong vài tỉnh có trường Trung học nhiều nhất và phát triển nhanh nhất.

San Jose, ngày 06- 12- 2004
Bổ chính lần 6: 08- 09- 2022
ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

GHI CHÚ

[1] Diện tích tỉnh Bình Định căn cứ vào bản đồ địa chánh 1/100.000, và dân số tính đến tháng 12- 1970 theo tài liệu HES, trích từ Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên Cứu Địa Bạ Triều Nguyễn – Bình Định*, Tập I (Sài Gòn, nxb TP/HCM, 1996), trang 131 - 136.

[2] Ngày 30- 9- 1970, Sắc lệnh số 113-SL/NV của Thủ tướng VNCH, cải biến xã Qui Nhơn thuộc quận Tuy Phước, tỉnh Bình Định và các phần đất phụ cận, thành thị xã Qui Nhơn. Địa phận Thị xã, trên cơ sở sáp nhập 4 xã: Qui Nhơn, Phước Hải, Phước Hậu, Phước Tấn (ấp Xuân Quang và Xuân Vân đã nhập vào Qui Nhơn năm 1961); chia thành 2 quận:

a/ Quận Nhơn Bình, gồm:

- Một phần xã Qui Nhơn cũ có các ấp: Cường Để, Đào Duy Từ, Ghềnh Ráng, Hải Cảng, Hàm Nghi, Lê Lợi, Nguyễn Du, Nguyễn Huệ, Xuân Quang.
- Xã Phước Hải có các ấp: Hải Đông, Hải Giang, Hải Nam, Hải Ninh.
- Xã Phước Tấn.

b/ Quận Nhơn Định, gồm:

- Một phần xã Qui Nhơn cũ có các ấp: Bạch Đằng, Huyền Trân, Lý Thường Kiệt, Nguyễn Công Trứ, Phan Bội Châu, Tháp Đôi.
- Xã Phước Hậu có các ấp: An Thạnh, Bình Thạnh, Đông Định, "Hưng Thạnh", Lạc Trường, Lương Nông, Nhơn Mỹ, Phú Hòa, Phú Vinh, Phụ An, Tây Định, Thuận Nghi, Tường Vân, Vân Hà. (Nguyễn Quang Ân; *Việt Nam Những Thay Đổi Địa Danh Và Địa Giới Các Đơn Vị Hành Chính 1945 - 1997* {Hà Nội, nxb Văn Hóa Thông Tin, 1997}; trang 216).

Ghi chú thêm về ấp Hưng Thạnh:

Trong Sắc lệnh số 113-SL/NV, ký ngày 30- 9- 1970 (xem Trần Đình Thái, *Ai Có Về Qui Nhơn*, trang 19), và Nghị định số 494-BNV/HCĐP/26/ĐT/NĐ, ký ngày 11- 6- 1971 (xem Nguyễn Quang Ân, *Việt Nam Những Thay Đổi Địa Danh Và Địa Giới Các Đơn Vị Hành Chính 1945 - 1997*, trang 221) đều có ghi lầm là ấp Hưng

Thạnh thuộc xã Phước Hậu, quận Tuy Phước. Chúng tôi xin phân tích trường hợp này để được rõ hơn:

Theo địa bạ lập năm 1839, thôn Hưng Thạnh thuộc tổng Tuy Hà, huyện Tuy Phước, phủ An Nhơn, tỉnh Bình Định. Nhưng từ ngày 30- 4- 1930, thôn Hưng Thạnh được sáp nhập vào Qui Nhơn; lúc ấy thành phố Qui Nhơn chia làm 5 khu, Hưng Thạnh cải biến thành Khu Năm (xem Đỗ Bang – Nguyễn Tấn Hiểu, *Lịch Sử Thành Phố Qui Nhơn*, trang 106). Đến năm 1948, xã Phước Hậu được thành lập, trên cơ sở sáp nhập 3 xã nhỏ là Thanh Hương, Khánh Lộc, và Đôn Hậu, bao gồm 12 thôn: Tường Vân, Nhơn Mỹ, Phụ An, An Thạnh, Vân Hà (thuộc xã Thanh Hương cũ); Thuận Nghi, Lạc Trường, An Định (thuộc xã Khánh Lộc cũ); Lương Nông, Bình Thạnh, Phú Vinh, Phú Hòa (thuộc xã Đôn Hậu cũ), không có thôn Hưng Thạnh. Năm 1954, xã Phước Hậu có 13 thôn vì An Định chia làm hai thôn là Đông Định và Tây Định, cũng không có thôn Hưng Thạnh.

Nói tóm lại, Hưng Thạnh sáp nhập vào Qui Nhơn (từ ngày 30- 4- 1930), trước khi xã Phước Hậu ra đời (khoảng đầu năm 1948). Vậy không thể liệt kê Hưng Thạnh vào các thôn của xã Phước Hậu.

[3] Ngày 11- 6- 1971, Nghị định số 494-BNV/HCĐP/26/ĐT/NĐ của Tổng trưởng Nội vụ VNCH, chia 2 quận Nhơn Bình và Nhơn Định của thị xã Qui Nhơn (tỉnh Bình Định), làm 16 khu phố (Nguyễn Quang Ân, *Việt Nam Những Thay Đổi Địa Danh Và Địa Giới Các Đơn Vị Hành Chính 1945 - 1997*, trang 220 - 221)

Ngày 22- 8- 1972, Nghị định số 553/BNV/HCĐP, đổi danh xưng khu phố ra phường. Thị xã Qui Nhơn có 16 khu phố, nay là 16 phường (Trần Đình Thái, *Ai Có Về Qui Nhơn*, trang 13).

[4] Theo Nguyễn Huy, E-mail đề ngày 18- 1- 2011, việc đặt tên các khu phố thị xã Qui Nhơn (1971) khởi đầu bằng chữ "Trung" là lấy chữ cuối của niên hiệu Quang Trung (光 中) làm chữ đầu của 16 khu phố, và người có sáng kiến này là ông Nguyễn Đức Hồng.

[5, 8, 9] Nghị định số 550-NV của Thủ Tướng VNCH ký ngày 6- 4- 1965: cải biến các quận Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão thuộc tỉnh Bình Định thành cơ sở phái viên hành chánh, đặt trực thuộc các quận sau đây:

- Cơ sở phái viên hành chánh An Lão, thuộc quận Hoài Nhơn.
- Cơ sở phái viên hành chánh Vân Canh, thuộc quận Tuy Phước.
- Cơ sở phái viên hành chánh Vĩnh Thạnh, thuộc quận Bình Khê (Nguyễn Quang Ân, *Việt Nam Những Thay Đổi Địa Danh Và Địa Giới Các Đơn Vị Hành Chính 1945 - 1997*, trang 183)

[6] Phước Thạnh là xã mới được thành lập dưới thời VNCH, bởi Nghị định số 527-BNV/HC/P7/NĐ ký ngày 23- 9- 1958. Địa phận xã Phước Thạnh, trích ra từ diện tích xã Phước Long (quận Tuy Phước), gồm hai thôn Phú Tài và

Thế Thạnh (Nguyễn Quang Ân, *Việt Nam Những Thay Đổi Địa Danh Và Địa Giới Các Đơn Vị Hành Chính 1945 - 1997*, trang 112).

[7] Theo Sắc lệnh số 113- SL/NV của Thủ Tướng Chính Phủ VNCH, các xã Phước Hải, Phước Hậu và Phước Tấn, kể từ ngày 30- 9- 1970, không còn thuộc quận Tuy Phước nữa, và sáp nhập vào thị xã Qui Nhơn. (Nguyễn Quang Ân, *Việt Nam Những Thay Đổi Địa Danh Và Địa Giới Các Đơn Vị Hành Chính 1945 - 1997*, trang 216).

[10] Ngày 13- 3- 1959, Sắc lệnh số 63-NV của Tổng thống VNCH, Bình Định có thêm một quận mới là An Túc, thành lập từ toàn quận Tân An của tỉnh Pleiku (tỉnh này trước năm 1915 thuộc tỉnh Bình Định) và các xã K. Gol, Kon Pong, Kon Vong của tỉnh Kon Tum (Nguyễn Quang Ân, *Việt Nam Những Thay Đổi Địa Danh Và Địa Giới Các Đơn Vị Hành Chính 1945 - 1997*, trang 121).

[11] Phần này đăng trong tập "Một Thời Để Nhớ" là Đặc San Cường Để & Nữ Trung Học năm 2010. Tòa Soạn của Đặc San, đặt tựa đề cho Phần C là *"Qui Nhơn, Những Ngôi Trường Ngày Cũ"* và viết lời giới thiệu như sau:

"LTS: Đặc san CĐ – NTH 2010 có nhận được một bài biên khảo rất công phu, rất giá trị của cựu học sinh Cường Để và cũng là một giáo sư quen thuộc của nhiều trường Trung Học tại Bình Định: nhà văn Đào Đức Chương. Bài biên khảo có tên gọi chính thức là "Các Trường Trung Học Và Cao Đẳng Tỉnh Bình Định" (tính đến 1- 4- 1975) giới thiệu về 49 (đúng là 50) *ngôi trường trong cả tỉnh, chia làm hai phần: Phần một, gồm 20 ngôi trường tọa lạc tại thị xã Qui Nhơn, và phần hai có 29* (đúng là 30) *ngôi trường rải rác ở khắp các thị trấn, các quận – xã. Toàn bộ tác phẩm dày gần 100 trang nên chúng tôi buộc lòng phải chia ra để giới thiệu trên hai kỳ báo và xin phép được chọn cho mỗi phần giới thiệu một đề tựa tạm, nhẹ nhàng và mang tính văn nghệ một chút cho phù hợp với tiểu mục 'Phố Nhỏ, Trường Xưa, Thầy Bạn Cũ'. Khi tác phẩm được giới thiệu hoàn chỉnh, đương nhiên nó sẽ được mang đề tựa chính thức, phù hợp với một tác phẩm về biên khảo. Kính mong tác giả thông cảm. Xin cảm ơn.*

ĐS CĐ – NTH" (Sách đã dẫn, trang 13)

Chúng tôi vẫn giữ tên gọi "*Qui Nhơn, Những Ngôi Trường Ngày Cũ*," nhưng có thêm nhóm chữ "Trung Học và Cao Đẳng" để xác định phạm vi đề tài rõ ràng hơn, và dùng làm đề mục Phần C của tác phẩm "*Các Trường Trung Học Và Cao Đẳng Tỉnh Bình Định* (tính đến 1- 4- 1975)" như là một kỷ niệm 2010 với Tòa Soạn Đặc San Cường Để & Nữ Trung Học.

[12] Phần D, đăng trong tập "*Ngày Đó Chúng Mình*" là Đặc San Cường Để & Nữ Trung Học năm 2011. Tòa Soạn của Đặc San, đặt nhan đề cho Phần này là *"Bình Định, Những Ngôi Trường Trong Trí Nhớ"* và viết lời giới thiệu như sau:

"LTS: Đặc san CĐ – NTH 2011 đã rất vinh hạnh giới thiệu bài viết: 'Qui Nhơn, Những Ngôi Trường Ngày Cũ' của Thầy Đào Đức Chương. Đây là phần giới thiệu 20 ngôi trường Trung Học tọa lạc tại thị xã Qui Nhơn trong tổng số 49 (đúng là 50) *ngôi trường Trung Học của toàn tỉnh Bình Định tính đến tháng 4 năm 1975.*

ĐS CĐ NTH 2011 xin tiếp tục giới thiệu 29 (đúng là 30) *ngôi trường Trung Học còn lại của quê hương Bình Định ngày nào và giống như năm rồi, chúng tôi lại xin phép chọn cho bài viết một tên gọi nhẹ nhàng, mang tính văn nghệ một chút cho phù hợp với tiểu mục chung 'Phố Nhỏ, Trường Xưa Thầy Bạn Cũ'. Khi tác phẩm được giới thiệu hoàn chỉnh, đương nhiên nó sẽ mang đề tựa chính thức, chung cho cả hai bài viết, thích hợp với một công trình biên khảo: 'Các Trường Trung Học Và Cao Đẳng Tỉnh Bình Định'. Kính mong tác giả thông cảm. Xin cảm ơn.*

ĐS CĐ – NTH." (Sách đã dẫn, trang 64)

Chúng tôi vẫn giữ tên đầu đề "*Bình Định, Những Ngôi Trường Trong Trí Nhớ,*" nhưng cũng như Phần C, có thêm hai chữ "Trung Học" để xác định phạm vi đề tài rõ ràng hơn, khi dùng làm đề mục Phần D trong tác phẩm "*Các Trường Trung Học Và Cao Đẳng Tỉnh Bình Định*"; như là một kỷ niệm 2011 với Tòa Soạn Đặc San Cường Để & Nữ Trung Học.

[13] Thị xã Qui Nhơn: Ngày 30- 9- 1970, Sắc lệnh số 113-SL/NV của Thủ Tướng Việt Nam Cộng Hòa, cải biến xã Qui Nhơn thuộc quận Tuy Phước, tỉnh Bình Định và các phần đất phụ cận, thành Thị xã Qui Nhơn.

Ngày 3- 7- 1986, Quyết định số 81-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, mở rộng và nâng cấp thị xã Qui Nhơn Thành thành phố Qui Nhơn, thuộc tỉnh Nghĩa Bình.

[14] Qui Nhơn, chữ "Qui" viết "i" ngắn: Qui Nhơn là một địa danh có từ năm 1602, do chúa Nguyễn Hoàng đổi từ phủ Hoài Nhơn (府 懷 仁) sang phủ Qui Nhơn (府 歸 仁). Rồi từ khi chữ Quốc ngữ theo mẫu tự La Tinh được phổ biến, các tài liệu cổ đều viết là "Qui Nhơn" (Qui: "i" ngắn) như:

- Bản đồ tỉnh Bình Định vẽ từ đầu thế kỷ XX (trích trong Annuaire General de l'Indochine; Hanoi, **1910**; trang 513).

- Trần Trọng Kim; *Việt Nam Sử Lược*; Imprimerie du Trung Bắc Tân Văn, **1920**. Tái bản lần thứ 7; Sài Gòn, nxb Tân Việt, 1964; sách đã dẫn: các trang 392, 394, 395, 396, 397, 398, 399, 400,…

- Bùi Văn Lăng; *Địa Dư Mông Học Tỉnh Bình Định*, in lần thứ nhì; Imprimerie de Quinhon, **1935**. Sách đã dẫn, trang 8, 10, 14, 15, 16, 18, 33, 35, 38, 39,…

- Bùi Văn Lăng; *Danh Nhân Bình Định*; Hà Nội, Tác giả xuất bản, **1942**. Sách đã dẫn các trang 36, 37, 41, 42, 43, 44, 46, 49, 182, 183,…

- Hoa Bằng; *Quang Trung Nguyễn Huệ Anh Hùng Dân Tộc*; xuất bản **1944** tại Hà Nội; Sài Gòn, nxb Bốn Phương tái bản, 1958; Đại Nam tái bản không đề năm. Sách đã dẫn các trang 27, 28, 34, 35, 50, 52,…

- Tòa Hành Chánh Tỉnh Bình Định; *Địa Phương Chí tỉnh Bình Định*; Tòa Hành Chánh tỉnh Bình Định biên soạn và ấn hành, **1966**. Sách đã dẫn, trang 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 21, 28, 29, 30,…

- Trịnh Vân Thanh; *Thành Ngữ Điển Tích Danh Nhân Từ Điển*; Gia Định, Tác giả xuất bản, **1966**. Quyển I, sách đã dẫn trang 76; Quyển II, các trang 854, 1366, 1453,..

- Quách Tấn; *Nước Non Bình Định*; Sài Gòn, nxb Nam Cường, **1967**. Sách đã dẫn các trang 12, 13, 14, 15, 17, 189, 204, 205, 377,…

- Quách Tấn biên soạn thời Việt Nam Cộng Hòa; *Tìm hiểu Bình Định*; bản đánh máy lưu giữ ở Thư Viện Qui Nhơn. Sách đã dẫn, trang 3, 4, 9,…

- Phạm Văn Sơn; *Việt Sử Tân Biên*, Quyển IV; Sài Gòn, Khai Trí xuất bản, **1968**. Sách đã dẫn các trang 202, 204, 207, 208, 212, 213, 214, 215, 216, 217,…

- Đặng Qúy Địch; *Nhân Vật Bình Định*; Sài Gòn, Soạn giả xuất bản, **1971**. Sách đã dẫn các trang 15, 23, 25, 34, 49, 59, 70, 81, 84, 87,…

- Nguyễn Huyền Anh; *Việt Nam Danh Nhân Từ Điển*, tái bản lần thứ 3; Sài Gòn, nhà sách Khai Trí, **1972**. Sách đã dẫn các trang 28, 58, 303, 337, 338, 561, 562,…

- Trần Đình Thái; *Ai Có Về Qui Nhơn*; Sài Gòn, Tủ Sách Đẹp Quê Hương xuất bản, **1973**. Sách đã dẫn: trang bìa, và các trang: 8, 9, 10, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20,…

Một địa danh đã có lâu đời, hầu hết các tài liệu xưa cho đến trước năm 1975, đều viết là "Qui Nhơn." Đã là một địa danh, một danh tự riêng, nên tôn trọng cách viết truyền thống, theo thói quen đã lâu đời. Vậy, riêng với địa danh này, chúng tôi vẫn tiếp tục viết: Qui, i ngắn.

[15] Thị trấn Bình Định và quận An Nhơn trước năm 1975, nay trở thành phường Bình Định và thị xã An Nhơn kể từ ngày 28- 11- 2011 theo Nghị quyết số 101-NQ/CP.

[16] Đoàn Thêm; *Hai Mươi Năm Qua, Việc Từng Ngày (1945 - 1964)*, tái bản ở Hải Ngoại; trang 321.

[17] Trần Đình Thái; *Ai Có Về Qui Nhơn* (Sài Gòn, Tủ Sách Đẹp Quê Hương xuất bản, 1973); trang 55 - 57.

[18] Trần Vũ Mỹ Trân; *Đôi Nét về Trường Sư Phạm Qui Nhơn*; Đặc San Sư Phạm Qui Nhơn, xb tại Hải ngoại, 2009; trang 370 và 371: "Kinh phí xây cất Trường Sư Phạm Qui Nhơn là 19.389.199 đồng Việt Nam."

[19] Trần Đình Thái, sách đã dẫn, trang 55.

[20] Đặng Văn Bồn sưu tập; *Cơ Cấu Trường Sư Phạm Qui Nhơn*; Đặc San Sư Phạm Qui Nhơn, xuất bản tại Hải ngoại, 2008; trang 14.

[21] Trần Vũ Mỹ Trân, *Đôi Nét về Trường Sư Phạm Qui Nhơn*, trang 374, chép: "...Do Quốc Trưởng Phan Khắc Sửu tặng một triệu đồng khi đến thăm Qui Nhơn..." Trần Đình Thái, *Ai Có Về Qui Nhơn*, trang 57, ghi là "... Kinh phí nửa triệu đồng do Ông Phan Khắc Sửu, lúc đó là Quốc Trưởng VNCH, tặng."

[22] Nguyễn Bích, cựu học sinh Trung Học Cường Để, sau đỗ Cử nhân Giáo khoa Vật lý ở Đại Học Khoa Học Sài Gòn về làm Hiệu trưởng Trường

Trung Học Kỹ Thuật Qui Nhơn từ 1970 - 1975, và mất cuối năm 1976. Nguyễn Minh Hải, sau là Giáo sư trường Trung Học Đống Đa Qui Nhơn.

[23] Từ niên khóa 1957 - 1958, học sinh lớp Đệ tứ đủ điểm trung bình toàn niên, nhưng thi lấy bằng Trung học Đệ Nhất cấp không đỗ, vẫn được lên lớp Đệ tam. Năm 1959, chỉ thi viết bỏ vấn đáp. Và từ niên khóa 1967 - 1968 (có tài liệu chép 1970 - 1971), Bộ Quốc Gia Giáo Dục quyết định bỏ thi Trung học Đệ Nhất cấp, nhưng lại tổ chức kỳ thi Trung học Đệ Nhất cấp Tráng niên, dành cho người lớn tuổi.

[24] Theo Thầy Hồ Sĩ Duy, trường Trung Học Cường Để còn nhiều vị Tổng Giám Thị khác nữa, nhưng không nói rõ tên họ và thời gian nhậm chức, nên chưa thể ghi vào đây được.

[25] Trần Đình Thái, sách đã dẫn, trang 59.

[26] Trường mở lớp 10 ban C: Giữa niên khóa 1969 - 1970, Bộ Quốc Gia Giáo Dục cải tổ, đổi danh xưng các lớp: Bậc tiểu học, tên cũ là: lớp năm, tư, ba, nhì, nhất nay gọi là lớp 1, 2, 3, 4, 5. Bậc trung học đệ nhất cấp, tên cũ là: đệ thất, đệ lục, đệ ngũ, đệ tứ; nay gọi là lớp 6, 7, 8, 9. Bậc trung học đệ nhị cấp, tên cũ là: đệ tam, đệ nhị, đệ nhất; nay gọi là lớp 10, 11, 12.

[27] Ảnh chụp 2004, do Tạ Chí Thân cung cấp: Hình số 34, *Trường Nữ Trung Học*, trang 20.

[28] Về giáo sư dạy môn, phần lớn do Thầy Trương Hữu Kha cung cấp trong lần phỏng vấn ngày 1- 4- 2016.

[29] Theo Võ Xuân Phương, email ngày 26- 4- 2019, ảnh cổng Trường Trung Học Kỹ Thuật Qui Nhơn do Huỳnh Quang Phương chụp năm 1970, người trong ảnh là Lê Đức Hưng.

[30, 31] Trần Đình Thái, sách đã dẫn, trang 58.

[32] Ảnh chụp 2004, do Tạ Chí Thân cung cấp: Hình số 53, *Trường Kỹ Thuật*, trang 28.

[33] Ban Giám đốc Trường Bồ Đề Qui Nhơn: bổ túc từ các ý kiến của: Hồ Sĩ Duy cựu Hiệu trưởng Tăng Bạt Hổ, cựu Dân biểu Nguyễn Hữu Thời; và các cựu Giáo sư Lê Tú Vinh, Lê Văn Ba, Hoàng Thanh.

[34] Ảnh chụp 2004, do Tạ Chí Thân cung cấp: Hình số 54, *Trường Bồ Đề Qui Nhơn*, trang 28.

[35] Trần Đình Thái, sách đã dẫn, trang 60.

[36] Ảnh chụp 2004, do Tạ Chí Thân cung cấp hình số 55, *Trường Vi Nhân*, trang 29.

[37] Theo ông Võ Trấp, trường Nghĩa Thục Tự Lực, tính đến đầu năm 1975, mở đến lớp 12, và ông Nguyễn Bá Thư cũng nói Trường có lớp 10. Trái lại, có nhiều giáo chức ở Qui Nhơn, nghĩ rằng "Trường này chỉ mở Đệ Nhất cấp." Còn Ông Vũ Xuân Trinh, cựu Giáo sư của Trường Tự Lực, khẳng định "chỉ mở

đến lớp 9." Hư thực thế nào? Có thể, thời gian đã 34 năm, trí nhớ không còn chính xác.

[38, 39] Trần Đình Thái, sách đã dẫn, trang 64, 62.

[40] Từ niên khóa 1972 - 1973, bỏ kỳ thi Tú tài I (tức Tú tài bán phần). Học sinh lớp 11, nếu cuối niên học đủ điểm trung bình, được lên lớp 12. Và cuối niên học lớp 12, thi lấy bằng Tú tài phổ thông (tức Tú tài II, hayTú tài toàn phần cũ). Vậy, suốt trong 12 năm, học sinh chỉ trải qua 2 kỳ khảo hạch: Thi vào lớp 6 để được học trường công lập, khỏi đóng học phí hàng tháng. Thi tốt nghiệp bậc trung học để lấy bằng Tú tài phổ thông.

[41] Ảnh chụp 2004, do Tạ Chí Thân cung cấp: hình số 60, *Trường Tây Sơn Qui Nhơn*, trang 32.

[42] Trần Quý Cảnh, *Lịch Sử Trường Tây Sơn*, http://truongtayson.net.tf.

[43] Trần Đình Thái, sách đã dẫn, trang 59.

[44] Ảnh chụp 2004, do Tạ Chí Thân cung cấp: Hình số 62, *Trường Nhân Thảo*, trang 34.

[45] Từ tháng 6- 1971, Bộ Quốc Gia Giáo Dục được mở rộng thành Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên.

[46] Ảnh chụp 2004, do Tạ Chí Thân cung cấp: Hình số 64, *Trường Trung Tiểu Học Sùng Nhơn,* trang 38.

[47] Trung Học Cường Để Qui Nhơn mở lớp Đệ tam từ niên khóa 1958 - 1959, trước Trung Học Tăng Bạt Hổ Bồng Sơn 3 niên khóa.

[48] Ảnh chụp 2004, do Tạ Chí Thân cung cấp: Hình số 65, *Trường Tăng Bạt Hổ ở Qui Nhơn,* trang 39.

[49] Đại Học Qui Nhơn, trong giai đoạn đầu chỉ mở các lớp Văn khoa.

- Về Quy chế: vừa theo mô hình Đại học Cộng Đồng (Community college) của Hoa Kỳ, vừa đặt trọng tâm thích hợp với môi trường địa phương. Kết quả học trình sẽ được chuyển vào Đại Học Sài Gòn hay Đại Học Huế. Kế hoạch đó, tiết kiệm cho sinh viên, vì được học 2 năm gần nhà, họ sẽ có điều kiện dễ dàng hơn để học tiếp hai năm sau ở một trường Đại học lớn. Đại Học Qui Nhơn cũng dự trù sẽ phát triển thành Đại học lớn với chương trình 4 năm và chuyên khoa, trong giai đoạn sau.

- Về Ban Giảng Huấn: dự trù bao gồm 5 thành phần: một số giáo chức và nhân sĩ đang phục vụ tại tỉnh nhà, một số Giáo sư thỉnh giảng từ Đại Học Huế và Sài Gòn, các trường Đại học ở Mỹ và Pháp sẽ yểm trợ nhiều Giáo sư tình nguyện, tuyển chọn các sinh viên ưu tú tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Huế và Sài Gòn, nhận đơn xin giảng dạy của tư nhân có đủ điều kiện bằng cấp.

- Về cơ sở: Đại Học Qui Nhơn dùng trung tâm MACV làm văn phòng, trường ốc sẽ xây trên khu dọc bờ biển Qui Nhơn, trước Trường Trung Học Vi Nhân. Địa điểm này hẹp, không phù hợp với tầm vóc của một trường đại học. Cuối cùng, Ủy Ban Thành Lập Đại Học và Tỉnh Trưởng Bình Định, quyết định

xây dựng Đại Học Qui Nhơn trên khu đất phía Bắc Tây Bắc Cầu Đôi, sát Quốc lộ và phía đầm Thị Nại.

- Tầm hoạt động: Viện Đại Học này chung cho bốn tỉnh Bình Định, Kon Tum, Pleiku và Phú Bổn; trong đó Bình Định gánh vác phần chính. Vì thế, trong một ngày đầu tháng 3- 1975, tại Qui Nhơn, mở cuộc họp khoáng đại, gồm các Ty trưởng Giáo dục và cơ quan Hành chánh của 4 tỉnh liên hệ. Có sự tham dự của dân biểu Nguyễn Ngọc Liên, là một trong những người vận động tích cực thành lập Đại Học Qui Nhơn. Không ngờ, đây là lần họp cuối cùng!

[50] Nguyễn Thanh Liêm; *Tổng Quát Về Giáo Dục Ở Miền Nam Tự Do*; "Giáo Dục Ở Miền Nam Tự Do Trước 1975," Nhiều tác giả (Santa Ana, Lê Văn Duyệt Foundation ấn hành và xuất bản), năm 2006; trang 6.

[51] Trung Học Bán Công là loại trường phần lớn do dân chúng trong vùng đóng góp tiền để xây cất cơ sở, nếu thiếu một ít, tỉnh sẽ cung cấp. Về nhân sự, Hiệu trưởng trường Trung Học Bán Công là một giáo sư trường công lập, được Sở Học chánh hay Hiệu trưởng Trung học trường tỉnh bổ nhiệm, bằng một Sự vụ lệnh và Tỉnh trưởng sở tại duyệt khán. Ban giảng huấn do Hiệu Trưởng Bán Công mời: Nếu là giáo sư tư nhân thì phải làm đơn xin tỉnh bổ nhiệm. Nếu là giáo sư chánh ngạch hay khế ước, ngoài số giờ quy định ở trường công lập, có thể xin dạy giờ tại Bán Công. Học sinh chỉ cần làm đơn xin nhập học, kèm theo giấy hộ tịch và chứng chỉ học trình, phải đóng học phí vào đầu tháng, nhưng giá tiền ít hơn trường tư. Lương giáo chức được tính theo số giờ dạy trong thời khóa biểu và trả vào mỗi cuối tháng. Số tiền chi thu của trường, hàng tháng phải lập tờ trình báo cho tỉnh, quận và Sở Học chánh hoặc Ty Giáo dục biết, không ai được chi tiêu vào việc riêng.

[52] Trung Học Tỉnh Hạt là mẫu trường công, được thành lập theo công thức: chính quyền tỉnh và phụ huynh học sinh đảm nhận việc xây cất trường sở, Bộ Giáo dục lo việc bổ nhiệm giáo chức và nhân viên. Số lớp của trường phát triển tùy theo khả năng xây cất phòng ốc của địa phương, Bộ Giáo dục cũng theo đó mà cung cấp nhân sự và đài thọ lương bỗng. Học sinh muốn vào lớp 6, phải qua kỳ thi tuyển, như các trường công lập bình thường và quyền lợi ngang nhau.

[53] Phách là phần giấy ở đầu mỗi bài thi, in mẫu ghi lý lịch của thí sinh (họ và tên, ngày sinh, nơi sinh, số báo danh). Chủ khảo ghi mật mã vào phách và trên bài thi, rọc phách trước khi trao bài cho các Giám khảo 1 chấm, rồi Giám khảo 2 chấm lại lần nữa, lấy điểm trung bình cọng. Xong, căn cứ vào mật mã, ráp phách lại, biết tên mà ghi vào bảng kê điểm của thí sinh.

[54] Theo Hiệu trưởng Dương Lễ, kinh phí xây dựng Trung Học Tuy Phước do tỉnh đại thọ. Theo Giám học Đặng Văn Hiệu, tiền xây cất trường hoàn toàn do Hội Phụ Huynh lo liệu. Vào mỗi dịp nghỉ hè, Hội Phụ Huynh họp với Ban Giám Đốc (sau 1975 gọi là Ban Giám hiệu) của Trường, lên kế hoạch xây cất thêm 2 phòng, phù hợp với sự gia tăng 3 lớp cho mỗi niên khóa. Hai ý kiến khác

biệt đó, có thể hiểu rằng: 3 phòng học đầu tiên do ngân sách tỉnh đài thọ (Lúc đó, Trường chỉ có Hiệu trưởng, chưa có các lớp Đệ Nhị cấp nên không có Giám học. Bởi vậy, Đặng Văn Hiệu không rõ sự việc thuở ban đầu). Về sau, việc trường ốc hoàn toàn do Hội Phụ Huynh đảm nhận.

[55] Số phòng và số giáo sư của Trường, chép theo lời Giám học Đặng Văn Hiệu, qua điện đàm ngày 10- 3- 2011.

[56] Nếu căn cứ vào thành phần Ban Giám đốc (đủ 5 người), với 72 giáo sư và có đến 10 lớp Sáu, 3 lớp Mười hai (1974 - 1975), có thể phỏng tính tổng số lớp và sĩ số toàn trường.

[57] Từ niên khóa 1972 - 1973, bỏ kỳ thi Tú tài I (tức Tú tài bán phần). Học sinh lớp 11, nếu cuối niên học đủ điểm trung bình, được lên lớp 12. Và cuối niên học lớp 12, thi lấy bằng Tú tài phổ thông (tức Tú tài II, hayTú tài toàn phần cũ). Vậy, suốt trong 12 năm, học sinh chỉ trải qua 2 kỳ khảo hạch: Thi vào lớp 6 để được học trường công lập, khỏi đóng học phí hàng tháng. Thi tốt nghiệp bậc trung học để lấy bằng Tú tài phổ thông.

[58] Xem ghi chú số 55.

[59] Ban Giám Đốc THBĐNT; *Những Bước Thăng Trầm Của Trường Bồ Đề Nguyên Thiều*; Đặc San Xuân Canh Tuất Kỷ Niệm Đệ Ngũ Chu Niên (1970); trang 21.

[60] Khoảng đầu năm 1970 (giữa niên khóa 1969 - 1970) cải tổ Giáo Dục, vẫn giữ hệ 12 năm, nhưng thay đổi danh xưng các lớp từ Tiểu học đến hết Trung học, như sau:

- Tiểu học: Lớp 1 (Năm), Lớp 2 (Tư), Lớp 3 (Ba), Lớp 4 (Nhì), Lớp 5 (Nhất).
- Trung học Đệ Nhất cấp: Lớp 6 (Đệ thất), Lớp 7 (Đệ lục), Lớp 8 (Đệ ngũ), Lớp 9 (Đệ tứ).
- Trung học Đệ Nhị cấp: Lớp 10 (Đệ tam), Lớp 11 (Đệ nhị), Lớp 12 (Đệ nhất).

[61] Không nhớ rõ tổng số lớp, nhưng biết chắc trường Trung Học Bồ Đề Hương Quang đã mở đến Lớp 9, vì chúng tôi (tác giả bài này) có dạy một số giờ ở Lớp 9 của Trường này.

[62] Ghi theo lời kể của thầy Nguyễn Bá Thư, có dạy giờ tại Trường Trung Học Tư Thục Nam Hòa.

[63] Thầy Đào Đức Chương giữ chức Tổng Giám thị theo Sự vụ lệnh số 2111-GD/NV/2P/SVL, do Thứ Trưởng Giáo Dục Bác sĩ Nguyễn Danh Đàn ấn ký ngày 8- 8- 1970. Và hợp thức hóa tình trạng hành chánh bằng Nghị định số 2605-GD/NV/2P/NĐ, do Phó Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Bộ Giáo Dục Bác sĩ Nguyễn Lưu Viên, ấn ký ngày 1- 12- 1970.

[64] Niên khóa 1970 - 1971 dãy phòng này chỉ xây tầng trệt, nhưng trong thiết kế dự trù sẽ có tầng lầu.

[65] Thầy Hồ Sĩ Phùng giữ chức Giám học theo Sự vụ lệnh số 931-GD/NV/2P/SVL, do Thứ trưởng Giáo dục Bác sĩ Nguyễn Danh Đàn ấn ký ngày 20- 4- 1971. Và hợp thức hóa tình trạng hành chánh bằng Nghị định số 1601-GD/NV/2P/NĐ do ông Nguyễn Thanh Liêm Phụ tá đặc biệt Phó Thủ tướng kiêm Tổng trưởng Giáo dục, Thừa ủy nhiệm ấn ký ngày 26- 8- 1971.

[66] Khoảng tháng 2 năm 1975, Ty Giáo Dục tỉnh Bình Định mở cuộc họp, mời các vị Hiệu trưởng của những Trường Trung Học liên hệ, bàn việc niên khóa tới (1975 - 1976), nội dung như sau:

Toàn bộ Lớp 12 của hai trường Trung Học Phù Cát và Trung Học Phù Mỹ sẽ chuyển vào học tại Trung Học Đào Duy Từ Bình Định. Cuối cùng, Phó Ty trưởng Phan Bá Trác đề nghị thêm, trên nguyên tắc là học sinh lớp 12 của 2 Trường trên phải chuyển đến Trường Trung Học Đào Duy Từ, nhưng nếu học sinh chứng minh được có thân nhân ở Qui Nhơn, có thể xin chuyển về Trung Học Cường Để hay Nữ Trung Học cũng được. Đây là lần họp cuối cùng giữa Ty Giáo Dục và các Hiệu trưởng Trung học liên hệ, bàn việc chuyển trường cho học sinh lớp 12. Sự kiện lịch sử này, thầy Phan Bá Trác (hiện ở Dallas, Texas) cung cấp, và Hồ Sĩ Phùng (hiện ở Sài Gòn) là cựu Hiệu trưởng Trường Đào Duy Từ xác nhận có dự cuộc họp ấy, với nội dung kể trên là đúng.

[67] Hai dãy lầu (nằm hai bên cổng trường), trên thực tế, dãy lầu phía Nam đã hoàn tất, còn dãy lầu phía Bắc chỉ xây xong tầng trệt và đưa vào sử dụng, còn tầng lầu dự trù niên khóa 1975 - 1976 sẽ xây tiếp.

[68, 69] V.L. (là tên tác giả viết tắt); *Vài Nét Về Bán Công An Nhơn*; "Đặc San Xuân Canh Tuất" (Trung Học Bán Công An Nhơn), 1970; trang 6 và 7.

[70] Không có tài liệu, chỉ viết theo trí nhớ, có thể không chính xác về con số.

[71] V.L.; *Vài Nét Về Bán Công An Nhơn*; trang 7.

[72] Theo Email ngày 22- 12- 2018 của Hồ Sĩ Phùng, cựu Hiệu trưởng trường Trung Học Công Lập Đệ Nhị Cấp Đào Duy Từ, Bình Đinh.

[73] Trương Nghi, *Quang Trung Bình Khê – Cái Tên Thân Thương*, Trang mạng: nonnuocbinhkhe.blogspot.com

[74] Ghi theo lời kể của Nguyễn Văn Mẹo, cựu Hiệu trưởng Trường Trung Học Công Lập Phù Cát, trong cuộc phỏng vấn qua điện thoại ngày 9- 3- 2011.

[75] Theo Hồ Sĩ Phùng, cựu Hiệu trưởng Trung Học Công Lập Đào Duy Từ, nguyên có dạy giờ tại trường Trung Học Giuse Phù Cát, phỏng vấn qua điện thoại ngày 9- 6- 2019.

[76] Nguyễn Quang Ân; *Việt Nam Những Thay Đổi Địa Danh Và Địa Giới Các Đơn Vị Hành Chính 1945 - 1997* (Hà Nội, nxb Văn Hóa - Thông Tin, 1997); trang 121.

[77] Lưu Xuân Cảnh, *Quá Trình Hình Thành Trường Tỉnh Hạt Hoài Ân Bình Định*, http://sites.google.com/site/luuxuancanh/. (Lời ghi của Lưu Xuân Cảnh:

"Thông tin trên hoàn toàn theo trí nhớ của Thầy Đàm Công Định (năm 2013 đã 81 tuổi) và một số cựu học sinh Hoài Ân.")

[78] Theo Lê Tú Vinh, nguyên Giáo sư Trung Học Tăng Bạt Hổ từ thuở trường mới thành lập: Sự vụ lệnh bổ dụng 6 người, nhưng ông Ngô Kha không đi.

[79] Các lớp Tăng Bạt Hổ dời về Trường mới, có nhiều ý kiến khác nhau về thời điểm: Theo Lê Tú Vinh (Giáo sư Cố vấn Lớp Đệ ngũ TBH, 1955 - 1956), sau kỳ thi Đệ nhất lục cá nguyệt, tức khoảng đầu năm 1956, các lớp Trung Học Tăng Bạt Hổ dời về Trường mới. Theo Phạm Thành (cựu học sinh Đệ tứ TBH, 1955 - 1956), khoảng đầu tháng 12 năm 1955, dời toàn bộ các lớp Trung Học Tăng Bạt Hổ về Trường mới ở khu "Đất Đồn." Theo *Lưu Kỷ Cựu Học Sinh Trường Trung Học Tăng Bạt Hổ Bồng Sơn*, Xuân Tân Tỵ 2001, qua bài viết của Ban Biên Tập "*Vài Nét về Trường Trung Học Tăng Bạt Hổ Bồng Sơn,*" trang 1, có đoạn chép: "*Đầu tháng 10 năm 1955, hai dãy trường lợp bằng tole trên khu 'Đất Đồn' được xây dựng xong, văn phòng nhà trường và tất cả các lớp được dời về đó*."

[80] Giáo sư Trường Tăng Bạt Hổ khoảng 85 người.

[81] Như đã nói trên, thi lấy bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp niên khóa 1955 - 1956, kỳ 1 thi ở Bồng Sơn; kỳ 2, vào tháng 8 năm 1956, Hội Đồng Thi cũng chung cho ba tỉnh nhưng mở tại Qui Nhơn.

[82, 84, 85] Ảnh tài liệu của Cô Trương Thị Tạo, cựu Giáo sư Trường Trung Học Tăng Bạt Hổ.

[83] Nguyễn Thanh Phước; *Lớp Đệ Lục III (1955 - 1956)*; "Lưu Kỷ Cựu Học Sinh Trường Trung Học Tăng Bạt Hổ Bồng Sơn," Xuân Tân Tỵ 2001; trang 127-138.

[86, 87, 88] Tài liệu do ông Nguyễn Công Lượng, Chủ nhiệm kiêm Chủ bút Đặc San Lại Giang, cung cấp: các bài văn "*Anh Thái Vĩnh Thung*" của Đinh Bá Thắng (cựu Giáo sư Bán Công Tam Quan), "*Từ Ngôi Chùa Cổ*" của Trương Ngọc Lệ (cựu học sinh Bán Công Tam Quan), và bài thơ "*Lịch Sử Trường Trung Học Bán Công Tam Quan*" của Phạm Xuân Điềm (cựu Giáo sư Trung Học Tăng Bạt Hổ).

[89] Tính cả Trung Học Tăng Bạt Hổ Bồng Sơn (ở quận) và Trung Học Tăng Bạt Hổ Qui Nhơn (ở thị xã), toàn tỉnh Bình Định có 50 trường.

[90] Trường Sư Phạm Thực Hành, tuy thu nhận học sinh cấp I và giảng dạy chương trình Tiểu học, nhưng mục đích chính là dành cho giáo sinh thực tập và luyện tay nghề. Giờ thực tập của mỗi Giáo sinh, có Thầy dạy ở Trường Sư Phạm đến hướng dẫn và chấm điểm, có Giáo viên phụ trách lớp dự khán phê bình, có các Giáo sinh cùng lớp dự thính để học hỏi. Vì vậy, cũng có thể coi là trường Cao đẳng, đào tạo thầy giáo ngạch Giáo Học Bổ Túc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1/ ĐỖ BANG – NGUYỄN TẤN HIẾU; *Lịch Sử Thành Phố Qui Nhơn*; Huế, nxb Thuận Hóa, 1998.

2/ NGUYỄN ĐÌNH ĐẦU; *Nghiên Cứu Địa Bạ Triều Nguyễn - Bình Định, Tập I & II*; Sài Gòn, nxb TP/HCM, 1996.

3/ NGUYỄN QUANG ÂN; *Việt Nam Những Thay Đổi Địa Danh Và Địa Giới Các Đơn Vị Hành Chính 1945 - 1997*; Hà Nội, nxb Văn Hóa - Thông Tin, 1997.

4/ NHIỀU TÁC GIẢ; *Đặc San Trường Sư Phạm Qui Nhơn*; xuất bản tại Nam California, do Hội Ái Hữu Sư Phạm Qui Nhơn California - Hoa Kỳ thực hiện, 2009.

5/ NHIỀU TÁC GIẢ; *Đặc San Xuân Canh Tuất Kỷ Niệm Đệ Ngũ Chu Niên*; Trường Trung Học Bồ Đề Nguyên Thiều xuất bản, 1970.

6/ NHIỀU TÁC GIẢ; *Đặc San Xuân Canh Tuất*; Trường Trung Học Bán Công An Nhơn xuất bản, 1970.

7/ NHIỀU TÁC GIẢ; *Tăng Bạt Hổ Niên Kỷ* - Cựu Học Sinh Trường Trung Học Tăng Bạt Hổ; xuất bản tại Việt Nam, 1999.

8/ NHIỀU TÁC GIẢ; *Lưu Kỷ Cựu Học Sinh Trường Trung Học Tăng Bạt Hổ Bồng Sơn*; xuất bản tại Việt Nam, Xuân Tân Tỵ 2001.

9/ NHIỀU TÁC GIẢ; *Giáo Dục Ở Miền Nam Tự Do Trước 1975* (Education in South Vietnam before 1975); Santa Ana (CA), Lê Văn Duyệt Foundation ấn hành và xuất bản, 2006.

10/ SỞ HỌC CHÁNH BÌNH ĐỊNH, Bản Kê Giáo Sư Dạy Giờ Phụ Trung Học Đào Duy Từ; Sự Vụ Lệnh Số 3614/SHC/BĐ/NV/SVL, ký ngày 24- 12- 1973 của Chánh Sự vụ Sở Học Chánh Bình Định - Qui Nhơn.

11/ QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN; *Đại Nam Nhất Thống Chí*, Phạm Trọng Điềm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Tập III (tỉnh Bình Định); Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1971.

12/ TRANG MẠNG:

- http://cuongde.org
- http://nthqn.org
- http://truongtayson.net.tf
- http://sites.google.com/site/luuxuancanh
- Quangtrungbinhkhe.blogspot.com
- nonnuocbinhkhe.blogspot.com

13/ TRẦN ĐÌNH THÁI; *Ai Có Về Qui Nhơn*; Sài Gòn, Tủ Sách Đẹp Quê Hương xuất bản, 1973.

14/ PHỎNG VẤN QUA ĐIỆN THOẠI:

- Ngày 14- 11- 2004, phỏng vấn các thầy: Lê Văn Ba, cựu Chủ tịch Tỉnh Thị Hội Giáo Giới Bình Định, hiện ở Westminster CA; Vũ Hữu Nho, cựu Hiệu

trưởng Trung Học Kỹ Thuật Qui Nhơn, hiện ở Houston, Texas (TX); Võ Đen, cựu Tổng Giám thị Trung Học Kỹ Thuật, hiện ở Dorchester, Massachusetts (MA).

- Ngày 14- 11- 2004 và 30- 03- 2011, phỏng vấn ông: Nguyễn Công Lượng, cựu Phó Quận trưởng Hoài Nhơn và An Nhơn, hiện ở Huntington Beach, California (CA).

- Ngày 19- 11- 2004, phỏng vấn Thầy Huỳnh Hữu Dụng, cựu Hiệu trưởng Trung Học Tăng Bạt Hổ Bồng Sơn (1966 - 1969), sau là cựu Ty Trưởng Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên tỉnh Bình Định, hiện ở San Jose, California (CA).

- Ngày 28- 11- 2004, phỏng vấn các thầy: Nguyễn Hữu Thời, cựu Giáo sư trường Trung học Kỹ Thuật Qui Nhơn và Nữ Trung Học Qui Nhơn, cựu Dân Biểu VNCH, hiện ở Lake Forest, California (CA); Võ Bá Hà cựu Phụ tá Tổng Giám thị Trung Học Phạm Đăng Hưng, hiện ở Elk Grove, CA.

- Ngày 29- 11- 2004, phỏng vấn Cô Nguyễn Thị Phong, cựu Giám học Trung Học Tư Thục Tây Sơn Qui Nhơn hiện ở San Jose, California (CA); Thầy Trần Cẩm Tú, cựu Giám học trường Trung Học Quang Trung Bình Khê hiện ở Fairfield, California (CA).

- Ngày 15- 4- 2005, phỏng vấn các Thầy: Lê Đại Đồng, cựu Giáo sư kiêm Trưởng ban Thể Thao Trường Trung Học Cường Để, hiện ở Houston, Texas (TX); Bùi Chí Lương, cựu Giáo sư Trường Trung Học Bồ Đề Đập Đá, dạy từ 1964 - 1966 hiện ở Pflugervillr, Texas (TX).

- Ngày 22- 9- 2005, thư góp ý của Thầy Trần Quý Cảnh, cựu Giáo sư Trường Tây Sơn, Qui Nhơn, người huyện Phù Mỹ, hiện ở 113 Rue De La Gaité, 1070 Bruxelles, Belgique.

- Ngày 30- 6- 2007, phỏng vấn Thầy Trần Minh Lợi cựu Giáo sư trường Trung Học Tư Thục Viên Giác, hiện ở San Jose, California (CA).

- Ngày 6 tháng 11 năm 2007, phỏng vấn ông Du Sơn Lãng Tử, cựu học sinh Trung Học Tư Thục Sùng Nhơn, hiện ở San Rafael, California (CA).

- Ngày 16- 5- 2009, phỏng vấn Thầy Ngô Đình Phùng, cựu Hiệu trưởng Trung Học Công Lập Lê Lợi, hiện ở Augusta, Georgia (GA).

- Ngày 17- 4- 2010, phỏng vấn Thầy Lâm Phú, cựu Quản đốc Trung Học Tỉnh Hạt Diêu Trì, hiện ở Maplewood, Minnesota (MN).

- Ngày 22- 4- 2010, E-mail của Nguyễn Mạnh Dạn, nguyên Hiệu trưởng Trường Trung Học Văn Hóa Quân Đội Lê Lợi, hiện ở Houston, Texas (TX).

- Ngày 7- 7- 2010, E-mail của Thầy Phan Bá Trác, cựu Phó Ty trưởng Giáo Dục tỉnh Bình Định, hiện ở Dallas, Texas (TX).

- Ngày 16- 1- 2011, phỏng vấn GS. Lê Bảo Xuyến, trước năm 1975 dự định làm Viện trưởng Đại Học Qui Nhơn, hiện ở quận Cam, Nam California.

- Ngày 9- 3- 2011, phỏng vấn Thầy Dương Lễ, cựu Hiệu trưởng Trung Học Tuy Phước (1968 - 1975), hiện ở Qui Nhơn, Việt Nam. Và Thầy Nguyễn Văn

Mẹo, cựu Hiệu trưởng Trung Học Công Lập Phù Cát (1967 - 1975), hiện ở Qui Nhơn, Việt Nam.

- Ngày 10- 3- 2011, phỏng vấn Thầy Đặng Văn Hiệu, cựu Giám học Trung Học Tuy Phước (1973 - 1975), hiện ở Tân Bình, Sài Gòn.

- Ngày 13- 3- 2011, phỏng vấn Thầy Lê Văn Dung cựu Giáo sư Trung Học Tăng Bạt Hổ Bồng Sơn, và cựu Hiệu trưởng Trung Học Bán Công An Nhơn (1973 - 1975), hiện ở Garden Grove, California.

- Ngày 16- 3- 2011, phỏng vấn Thầy Hồ Sĩ Phùng, cựu Hiệu trưởng Trung Học Đào Duy Từ, An Nhơn (1972 - 1975), hiện ở Quận 12, Sài Gòn.

- Ngày 17 và 18- 3- 2011, phỏng vấn Thầy Trương Quang Tấn, cựu Hiệu trưởng Trung Học Lê Chất, Phù Mỹ (1972 - 1975), hiện ở Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- Ngày 22- 3- 2011, phỏng vấn Thầy Lê Tú Vinh, cựu Giáo sư Tăng Bạt Hổ (1955 - 1958), hiện ở Fountain Valley, California.

- Ngày 26- 3- 2011, phỏng vấn Thầy Phạm Thành, cựu học sinh lớp Đệ tứ Trường Trung Học Tăng Bạt Hổ (1955 - 1956), và cựu Hiệu trưởng TBH Bồng Sơn (1970 - 1972), hiện ở Suối Cát, Xuân Hiệp, Đồng Nai.

- Ngày 27- 3- 2011, phỏng vấn Võ Ngọc Uyển, cựu học sinh lớp Đệ tam và Đệ nhị Trung Học Tăng Bạt Hổ (1962 - 1964), có dạy giờ tại Trung Học Nguyên Thiều (1967 - 1968), hiện ở Midway, California. Cùng ngày, phỏng vấn Diệp Thị Bích Hồng, cựu học sinh lớp Đệ thất đầu tiên (1961 - 1962) Trung Học Công Lập An Nhơn.

- Ngày 31- 3- 2011, Email của Nguyễn Mạnh An Dân, Chủ bút Đặc San Cường Để & Nữ Trung Học Qui Nhơn, góp ý về Trường Bồ Đề Nguyên Thiều và Trường Đề Thám An Túc.

- Ngày 9- 5- 2012, phỏng vấn Thầy Nguyễn Đình Hinh, cựu Tổng Giám thị Trung Học Đề Thám, quận An Túc.

- Ngày 11- 5- 2011, phỏng vấn Thầy Hồ Sĩ Duy, cựu Hiệu trưởng Trường Trung Học Tăng Bạt Hổ Qui Nhơn, hiện ở Bình Dương, Việt Nam.

- Ngày 17- 5- 2011, phỏng vấn bà Nguyễn M. Nghĩa, cựu SPQN khóa 6, nay là Chủ Tịch Hội Ái Hữu Trường Sư Phạm Qui Nhơn, hiện ở Huntington Beach, Nam CA.

- Ngày 22- 5- 2011, phỏng vấn ông Võ Trấp, nguyên sáng lập Trường Trung Tiểu Học Nghĩa Thục Tự Lực Qui Nhơn, hiện ở Reseda, Nam CA; Thầy Vũ Xuân Trinh, cựu Giáo sư Trường Nghĩa Thục Tự Lực, ở Fountain Valley, Nam CA; Tạ Chí Thân, cựu Học sinh Trường Sư Phạm Thực Hành, ở Chatsworth, Nam CA; ông Nguyễn Hữu Thời, cựu Dân biểu VNCH, hiện ở Lake Forest, Nam CA.

- Ngày 4- 6- 2011, phỏng vấn Thầy Hoàng Thanh, cựu Giáo sư Trường Trung Học Bồ Đề Qui Nhơn, và Trung Học Tư Thục Nhân Thảo, hiện ở Tampa, Florida.

- Ngày 7- 3- 2016, phỏng vấn Cô Vương Thúy Nga, hiện ở Houston (TX), cựu Hiệu trưởng Nữ Trung Học Qui Nhơn từ 1968 - 1970.

- Ngày 9- 3- 2016, Cô Vương Thúy Nga phúc đáp qua Email, bổ túc những chi tiết về Trường Nữ Trung Học Qui Nhơn từ 1968 - 1970.

- Ngày 13 và 27- 4- 2016, ông Trần Nhơn Mai, phúc đáp Email về sơ đồ cấu trúc trường sở và thành phần nhân viên văn phòng.

- Ngày 22- 3- và ngày 1- 4- 2016, phỏng vấn Cô Lê Thị Cúc, hiện ở Boston (MA), cựu Hiệu trưởng Nữ Trung Học Qui Nhơn từ 1970 - 1975.

- Ngày 31- 3- 2016, phỏng vấn Cô Trương Thị Tạo, cựu Phụ tá Tổng Giám thị (1974 - 1975); và Thầy Trương Hữu Kha, cựu giáo sư dạy lớp 12, cả hai vị hiện ở Irvine (CA).

- Ngày 1- 4- 2016, phỏng vấn Thầy Trương Hữu Kha, cựu Giáo sư Trường Nữ Trung Học Qui Nhơn, hiện có mặt tại Irvine (CA).

- Ngày 22 và 23- 4- 2016, phỏng vấn Thầy Lê Văn Ba, hiện ở Westminster (CA), cựu Chủ tịch Tỉnh Thị Hội Giáo Giới Bình Định - Qui Nhơn.

- Ngày 22- 11- 2018, phỏng vấn qua email gửi Hồ Sĩ Phùng hiện ở Sài Gòn, nguyên học sinh lớp Đệ thất đến Đệ tứ Trường Trung Học Thánh Guise, An Nhơn.

- Ngày 12 và 21- 12- 2018, phỏng vấn qua email Thầy Hồ Sĩ Phùng, cựu Hiệu trưởng Trung Học Đào Duy Từ, An Nhơn (1972 - 1975), hiện ở huyện Củ Chi, Sài Gòn.

- Ngày 28- 1- 2019, phỏng vấn qua điện thoại Thầy Nguyễn Bá Thư, xưa có dạy giờ tại các Trường Trung Học Công Lập Đống Đa (Qui Nhơn), nay ở San Jose (CA).

- Ngày 09- 06- 2019, phỏng vấn qua điện thoại Thầy Hồ Sĩ Phùng, hiện ở Sài Gòn, nguyên có dạy giờ Trường Trung Học Giuse Phù Cát.

MỤC LỤC

Các Trường Trung Học và Cao Đẳng Ở Tỉnh Bình Định Trong Thời VNCH

A - Lời mở đầu . . . . . Trang 01

B - Địa lý hành chánh tỉnh Bình Định 03
I - Thay đổi tên tỉnh qua các triều đại 03
II - Đơn vị hành chánh kể từ tháng 12- 1970 . . . 03

C - QN, Những Ngôi Trường Trung Học & Cao đẳng Ngày Cũ 05

I - Thị xã Qui Nhơn: 20 trường 05
H 1, 2: Bản đồ không ảnh chụp phần đất phía Đông Nam của Qui Nhơn . 06
01/ Trường Sư Phạm Qui Nhơn 06
H 3: Trường Sư Phạm Qui Nhơn mới vừa xây dựng xong . . 07
H 4: Cổng Trường Sư Phạm Qui Nhơn trước năm 1975 . . . 07
H 5: Lớp 6, khóa 3, năm thứ nhất, nk. 1964-1965, trong giờ học . . 07
H 6: Cầu thang lộ thiêng trong khu nhà nội trú của giáo sinh . . 07
H 7: Giáo sinh Sư Phạm QN không ở nội trú, sau buổi tan học, ra về . 08
H 8: Giáo sinh khóa 5 (1966-1968) sắp hàng đón chào quan khách . 08
H 9: Giáo sinh khóa 5, trước giờ đi thăm Trại Phong Qui Hòa . . 08
H 10: Giáo sinh khóa 5 (1966-1968) thực tập Giáo dục Cộng đồng . 08
H 11: Giáo sinh mở tiệc liên hoan trước khi về quê hưởng Tết Nguyên Đán 09
H 12: Thầy Dương Minh Ninh và Giáo sinh chụp ảnh ngày mãn khóa . 09
H 13: Trường Sư Phạm Qui Nhơn còn giữ vai trò tu nghiệp cho Giáo viên 10
H 14: Toàn cảnh trường SPQN, trước năm 1975, ảnh chụp từ cổng vào . 10
02/ Trường Sư Phạm Thực Hành 10
H 15: Giáo sinh thực tập tại Trường Sư Phạm Thực Hành . . 10
03/ Trung Học Cường Để 11
H 16: Sân TrườngTrung Học Cường Để 11
H 17: Học sinh Đệ Ngũ 2 và các thầy du ngoạn Gềnh Ráng 19-01-1957 . 12
H 18: Thầy Nguyễn Sĩ Tế và lớp Đệ Ngũ 2, niên khóa 1956-1957 . 13
H 19: Thầy Nguyễn Đức Giang và Lớp Đệ Ngũ 2, ngày 26-01-1957 . 13
H 20: Toàn thể học sinh và các thầy chụp tại Trường Cường Để cũ . 14
H 21, 22: Nữ sinh Đệ Tứ 2, tập thể dục tại bãi biển QNhơn, 25-3-1958 . 14
H 23: Nguyễn Hòa đọc lời tri ân Thầy HT Đinh Thành Chương, 1958 . 15
H 24: Giáo sư Trường Trung Học Cường Để 15
H 25: Lớp Đệ Ngũ, niên khóa 1959-1960, ảnh chụp tại dãy ngói Trường Trung Học Cường Để cũ . 15
H 26: Cầu thủ Trường Cường Để gặp cầu thủ Trường Trung Học Duy Tân, tại sân bóng đá tỉnh Phan Rang, năm 1960 15
H 27: Trung Học Cường Để (Trường mới), dãy A, phía Bắc . . 16
H 28: Nữ sinh Cường Để diễn hành trên đường Gia Long, ngày Lễ Hai Bà Trưng mồng 6 tháng 2 năm Tân Sửu (22-3-1961) 16
H 29: Học sinh Trung Học Cường Để diễn hành qua khán đài tại sân vận động Qui Nhơn trong ngày Lễ Quốc Khánh 26-10-1961 16
H 30: Học sinh Cường Để diễn hành trong ngày Lễ Quốc Khánh 26-10-1962 17
H 31: Ban Chấp Hành học sinh Trung Học Cường Để, niên khóa 1971-1972 17

H 32: Cổng Trường Trung Học Cường Để, Lớp 12/B, niên khóa 1972-1973 19
04/ Nữ Trung Học Ngô Chi Lan 19
H 33: Cổng Trường Nữ Trung Học Qui Nhơn trước năm 1975 . . 20
H 34: Trường Nữ Trung Học Qui Nhơn 20
H 35: Triển lãm khoa học, 1969, Thầy Sơn (bên trái) và Cô Nga (mặt) . 21
H 36: Cô Lê Thị Cúc (Hiệu trưởng), Cô Tôn Nữ Thanh Tùng (Giám học) và Ban Văn nghệ trình diễn vũ điệu "Khúc Hát Ân Tình" 21
H 37: Nữ Trung Học Qui Nhơn cắm trại tại sân trường, dựng cổng chào 21
H 38: NTHQN dựng chòi canh trong khu Hội chợ, 1974 . . . 21
H 39: Các Giáo sư của Trường Nữ Trung Học Qui Nhơn . . 22
H 40: Giáo sư và Học sinh Nữ Trung Học Qui Nhơn, chụp tại sân trường 23
H 41: Học sinh NTHQN, khóa 1968-1975, diễn hành qua khán đài . 24
H 42: Học sinh trường Nữ Trung Học QN diễn hành (Ảnh từ nthqn.org) 24
05/ Trung Học Kỹ Thuật 24
H 43: Cổng Trường Trung Học Kỹ Thuật Qui Nhơn . . . 24
H 44: Toàn cảnh Trường Trung Học Kỹ Thuật Qui Nhơn,1970 . . 25
H 45, 46, 47: Thầy Đào Đức Chương và Lớp Đệ Lục C (tháng 1-1963) . 25
H 48: Thầy Đào Đức Chương và một học sinh Đệ lục C sắp đi tu (1-1963) 26
H 49: Thầy Đào Đức Chương và Lớp Đệ Lục C, trên sân thượng (1-1963) 26
H 50: Thầy Đào Đức Chương và Lớp Đệ Lục C, trên hành lang (1-1963) 26
H 51: Trung thu năm Quý Mão (2-10-1962), một số Thầy Cô và học sinh 27
H 52: Trung thu Quý Mão, học sinh Trung Học Kỷ Thuật, chuẩn bị cơm chiều 27
H 53: Trường Trung Học Kỹ Thuật Qui Nhơn, Khu Cơ Xưởng . . 28
06/ Trung Tiểu Học Bồ Đề Qui Nhơn 28
H 54: Trường Trung Tiểu Học Bồ Đề Qui Nhơn 28
07/ Trung Học Vi Nhân 29
H 55: Trường Trung Học Vi Nhân 29
08/ Trung Tiểu Học Nghĩa Thục Tự Lực Qui Nhơn . . 29
09/ Trung Tiểu Học Trinh Vương 30
H 56: Trường Trung Tiểu Học Trinh Vương, trước năm 1975 . . 30
H 57: Tập diễn hành tại sân Trường Trinh Vương 30
H 58: Soeur Hiệu Trưởng và một số nữ sinh của Trường Trinh Vương . 31
10/ Trung Học Tây Sơn 31
H 59: Cổng trường Trung Học Tây Sơn 31
H 60: Hành lang Trường Trung Học Tây Sơn 32
H 61: Trường Tây Sơn tham gia trại Liên Trường Qui Nhơn, 1974 . 33
11/ Trung Học Nhân Thảo 33
H 62: Trường Trung Học Nhân Thảo 34
12/ Quang Trung Nghĩa Thục 34
13/ Trung Học Viên Giác 35

14/ Trung Học Lê Lợi 35
H 63: Trường Trung Học Văn Hóa Quân Đội Lê Lợi . . . 36
15/ Trung Học Đống Đa 36
16/ Trung Học Đặng Đức Siêu 36
17/ Trung Học Phước Hậu 37
18/ Trung Học Sùng Nhơn 37
H 64: Trường Trung Tiểu Học Sùng Nhơn 38
19/ Trung Học Triều Thuận 38
20/ Trung Học Tăng Bạt Hổ ở Qui Nhơn . . . 38
H 65: Trường Trung Học Tăng Bạt Hổ ở Qui Nhơn . . . 39
II - Lời kết các trường Trung học và Cao đẳng ở Qui Nhơn . 39

D - Bình Định, Những Ngôi Trường Trung Học Trong Trí Nhớ 40
Dẫn nhập 40

1 - Quận Tuy Phước: 7 trường 40
21/ Trung Học Tuy Phước 41
H 66: Cổng Trường Trung Học Tuy Phước, ảnh chụp ngày 4-2-2011 . 41
H 67: Dãy phòng giữa Trung học Tuy Phước, ảnh chụp ngày 4-2-2011 . 42
22/ Trung Học Bồ Đề Nguyên Thiều 42
H 68: Trang bìa Đặc San Trung Học Bồ Đề Nguyên Thiều . . . 43
23/ Trung Học Diêu Trì 44
H 69: Sự Vụ lệnh dạy giờ phụ Trung Học Diêu Trì, NK 1974-1975 . 44
24/ Trung Học Phú Tài 45
25/ Trung Học Bồ Đề Hương Quang 45
26/ Trung Học Nam Hòa 46
27/ Trung Học Huỳnh Thị Lưu 46

2 - Quận An Nhơn: 6 trường 46
28/ Trung Học Đào Duy Từ 46
a/ Quá trình hình thành 46
b/ Quá trình phát triển 46
H 70: Giáo sư Công Lập - Bán Công An Nhơn, trại hè 1963 toàn tỉnh tại QN 47
H 71: Thầy Đào Đức Chương trong Trại Trung ương Bán Công An Nhơn 47
H 72: Trại Trung ương Trường Trung Học Công Lập An Nhơn . . 47
H 73: Buổi cơm chiều, trại của Trung Học Bán Công An Nhơn, hè 1963 47
H 74: Các thầy đến thăm khu lều trại Trường Trung Học Bán Công An Nhơn 48
H 75: Thầy Chương và Thọ thăm Đệ Thất, dãy nhà tranh, mãn nk 1964-1965 48
H 76: Thầy Chương và Thọ ghé thăm Đệ Lục ở khu nhà này, mãn nk 1964-65 48
H 77: Thầy Thọ, Chương, Giác, Đệ Ngũ Công Lập An Nhơn, mãn nk 1964-65 49

H 78: Thầy Đào Đức Chương dặn dò học sinh Công lập An Nhơn tại khu nhà tranh, trong ngày cuối niên khóa 1964-65 49
H 79, 80: Đệ Tứ A, Công Lập An Nhơn, giờ QVăn thầy Chương, Th. 3-1967 50
H 81: Đêm Văn Nghệ cuối năm Đinh Mùi (tháng 2-1967), vũ điệu Sơn Cước 50
H 82: Thầy Chương & Đệ Tứ A Công Lập tại sân trường Bán Công 22-5-1967 51
H 83, 84: Thầy Chương và lớp Đệ Tứ B (Pháp văn) trong buổi dạy cuối cùng trước khi Thầy lên đường nhập ngũ 51
H 85, 86: Lớp Đệ Tứ B tổ chức buổi Văn nghệ Hát Tiễn Thầy Lên Đường 52
H 87: Cả lớp yên lặng thưởng thức buổi Văn nghệ "cây nhà lá vườn" . 52
H 88: Học sinh Diệp Thị Minh Thoa và Nguyễn Thị Cẩm Nhung song ca 52
H 89, 90: Thầy Đào Đức Chương, SVSQ khóa 4/68 Thủ Đức, ngày Đại lễ gắn Alpha (Tháng 10-1968) 53
H 91: Một trong 5 dãy phòng của trường Trung Học Đào Duy Tư cũ . 54
H 92: Huy hiệu vải, trường phát, học sinh may cố định trên áo đồng phục 55
H 93: Trung Học Đào Duy Từ cử hành lễ giỗ Lộc Khê Hầu ngày 17-10 Âm lịch (30-11-1974) tại sân trường 56
H 94, 95: Thầy Chương thuyết trình Cuộc Đời Và Sự Nghiệp Đào Duy Từ 57
b/ Thành phần nhân sự 57
c/ Cơ sở trường ốc 59
H 96: Hai vị HT: Lê Nhữ Tri và Hồ Sĩ Phùng tham dự Ngày Nhà Giáo do cựu HS Đào Duy Từ tổ chức tại Sài Gòn khoảng năm 2007 60
H 97: Thầy Lê Nhữ Tri về thăm Trường Trung Học Đào Duy Từ ngày cũ 60
29/ Trung Học Bán Công An Nhơn 61
H 98: Trường Trung Học Bán Công AN, khánh thành 1960, ảnh chụp 1963 61
H 99: Trang bìa Đặc San thứ 2 của Trung Học Bán Công An Nhơn (1970) 61
H 100: Lễ khai giảng Trường Bán Công và Công Lập An Nhơn, nk 1963-1964 62
H 101: Lễ khai giảng Trường Bán Công và Công Lập An Nhơn, nk 1963-1964 62
H 102: Lễ chào cờ mỗi sáng thứ 2 Trung Học Công Lập và Bán Công An Nhơn 63
H 103: Thầy Đào Đức Chương và thầy Trần Tăng Mạnh tại sân Trường Bán Công trong sáng Chủ nhật ngày 18-11-1962 63
H 104: Hai thầy Đào Đức Chương và Hồ Sĩ Phùng trong ngày khai giảng, niên khóa 1963-1964 63
H 105, 106: Thầy Chương dạy Quốc văn, một lớp Bán Công, nkhóa 1962-1963 64
H 107, 108: Mủa Xuân 1993, Thầy Đào Đức Chương và thầy Trần Tăng Mạnh hướng dẫn học sinh giẫy cỏ sân trước Trường Bán Công 64
H 109, 110: Nữ sinh dọn rác, nam sinh dùng cuốc chuyển tảng đá vào bờ rào 65
H 111, 112: Giẫy cỏ dại sân sau Trường Trung Học Bán Công . . 65
H 113: Làm xong công tác, Thầy trò ngồi nghỉ, lấy lại sức . . 65
H 114: Thầy Chương và học sinh trên đường đến thăm thị tứ An Thái . 66
H 115: Thầy trò ngồi nghỉ chân dưới bóng cây ven đường . . 66

H 116: Thầy Đào Đức Chương dẫn học sinh thăm Chùa Thập Tháp . 67
H 117: Thầy Đào Đức Chương và học sinh thăm tháp Cánh Tiên . 67
H 118: Hè 1966, cắm trại ở sân Trường Bán Công, phía Đông, từ trong ra ngoài, các Lớp: Lục A CL, Ngũ CL, Thất BC, Thất B CL, Tứ CL . 68
H 119: Sân Trường Bán Công, hướng Tây, phía Trường Tiểu học, từ trong ra ngoài, có trại các Lớp: Lục BC, Lục B CL, Ngũ BC, Thất B CL, Tam BC. 68
H 120: Hướng Đông, phía Quận Đường, lớp Đệ thất BC trong giờ dựng trại. 68
H 121: Sân trường phía Tây, lớp Đệ lục B Công lập, đang dựng trại. 68
H 122: Sân trường Bán Công hướng Tây, cổng trại Đệ Lục BC vừa dựng xong 69
H 123: Phía Tây sân trường, Đệ Ngũ BC, nghỉ ngơi sau khi trại dựng xong 69
H 124: Một sô Thầy Cô CL & BC trong ngày bế giảng niên khóa 1965 - 1966 69
H 125: Từ trái, Thầy Thọ, HS Thái (Đệ Nhị Bán Công), và Thầy Chương, tại khu nhà tranh các lớp Công Lập 70
H 126: Lớp Đệ Nhị BC, liên hoan trước khi nghỉ Tết Đinh Mùi (2-1967) 70
30/ Trung Học Thánh Giuse Kim Châu, An Nhơn . . 71
H 127: Trường Trung Học Giuse An Nhơn. Ảnh: Trần Quang Kim . 72
31/ Trung Học Phạm Đăng Hưng 72
32/ Trung Học Tư Thục Tân Phong ở Đập Đá . . . 72
33/ Trung Học Bồ Đề Đập Đá 73

3 - Quận Bình Khê: 4 trường 73
34/ Trung Học Quang Trung 73
a/ Vị trí 73
H 128: Tấm hoành phi ghi tóm tắt lịch sử Trường Quang Trung . . 73
b/ Quá trình hình thành và phát triển 73
H 129: Một dãy lớp Trung Học Quang Trung ở Bình Khê . . . 74
c/ Xây dựng trường sở 75
H 130: Toàn cảnh Trung Học Quang Trung ở Bình Khê (Kinh Thi, 1972) 75
d/ Ban Giám đốc và Ban Giáo sư 75
H 131: Ban Giám Đốc và Giáo Sư Trung Học Quang Trung, 1974. . 76
35/ Trung Học Bồ Đề Bình Khê 76
36/ Trung Học Tiến Đức 76
37/ Trung Học Trần Quang Diệu 76

4 - Quận Phù Cát: 3 trường 77
38/ Trung Học Công Lập Phù Cát 77
39/ Trung Học Giuse Phù Cát 77
40/ Trung Học Bồ Đề Phù Cát 77

5 - Quận Phù Mỹ: 4 trường 78

41/ Trung Học Lê Chất 78
H 132: Trung Học Phù Mỹ, Lễ tổng kết 1968. Ảnh Nguyễn Quang Tấn . 78
H 133: Trung Học Lê Chất, Lễ tổng kết 1973. Ảnh Nguyễn Quang Tấn . 79
42/ Trung Học Toàn Mỹ 79
43/ Trung Học Cộng Đồng Nhà Đá 80
44/ Trung Học Bồ Đề Phù Mỹ 80
6 - Quận An Túc: 1 trường 80
45/ Trung Học Đề Thám 80

7 - Quận Hoài Ân: 2 trường 81
46/ Trung Học Tỉnh Hạt Hoài Ân 51
H 134: Huy hiệu gắn trên áo học sinh trường Trung Học Hoài Ân . . 81
H 135: Thẻ học sinh Trường cấp trong niên khóa 1970 - 1971 . . 82
H 136: Thẻ học sinh Trường cấp trong niên khóa 1971 - 1972 . . 83
47/ Trường Trung Học do Quân Đội thành lập . . 83

8 - Quận Hoài Nhơn: 2 trường 83
48/ Trung Học Tăng Bạt Hổ Bồng Sơn 83
1/ Trường sở và nhân sự 84
H 137: Mặt tiền trường Trung Học Tăng Bạt Hổ Bồng Sơn (Ảnh chụp) . 84
H 138: Trung Học Tăng Bạt Hổ Bồng Sơn, 1966 (Ảnh copy) . . 84
H 139: Học sinh lớp của Cô Trương Thị Tạo hướng dẫn mở tiệc liên hoan . 85
2/ Đặc điểm của trường 85
H 140: Một lớp của trường Tăng Bạt Hổ mở tiệc liên hoan . . . 86
3/ Các đời Hiệu trưởng và quá trình phát triển của Trường . 86
H 141: Một lớp khác của trường Trung học Tăng Bạt Hổ . . . 87
H 142: Một lớp của trường Tăng Bạt Hổ sinh hoạt ngoài trời . . . 88
49/ Trung Học Bồ Đề Bồng Sơn 88

9 - Nha Tam Quan: 1 trường 88
50/ Trung Học Bán Công Tam Quan 88
H 143: Trường Trung Học Bán Công Tam Quan. Ảnh copy . . 89
H 144: Lớp Đệ Tứ Bán Công Tam Quan niên khóa 1960-1961 . . 90

Đ - Tổng kết Trường Trung Học Tỉnh Bình Định . . 90
1 - Tổng kết về mức tăng trưởng học đường . . . 91
2 - Tổng kết theo nhóm 91
Ghi chú 92
Tài liệu tham khảo 102

Mục lục 106-112